

Số/Number: 768 /TB-ĐLĐK

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2026
Hanoi, April... 6., 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- *State Security Commission of Vietnam;*
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
- *Hochiminh Stock Exchange.*

1. Tên tổ chức: Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần
Name of organization: PetroVietnam Power Corporation - JSC
 - Mã chứng khoán: POW
 - *Stock code: POW*
 - Địa chỉ: Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam
 - *Address: Vietnam Petroleum Institute Building, No. 167 Trung Kinh Street, Yen Hoa Ward, Cau Giay District, Hanoi City, Vietnam.*
 - Điện thoại: (024) 22210288 Fax: (024) 22210388
 - Phone: (024) 22210288 Fax: (024) 22210388
 - E-mail: quanhecodong@pvpower.vn
2. Nội dung thông tin công bố:
Internal content Information Disclosure:
 - Báo cáo thường niên năm 2025 / 2025 Annual report.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày 06/04/2026 tại đường dẫn <https://pvpower.vn>

This information was published on the Corporation's website on April...6., 2026 at the link <https://pvpower.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby commit that the information published above is true and take full legal responsibility for the published information content.

Trân trọng./.

Yours sincerely./.

Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên/ *As above;*
- HĐQT TCT (đề b/c)/ *Board of Directors of the Corporation (for reporting);*
- TGD TCT (đề b/c)/ *General Director of the Corporation (for reporting)/*
- Ban KS TCT (đề b/c)/ *The Board of Supervisory of the Corporation (for reporting);*
- PTGD T.V.Phuong (đề b/c)/ *Vice General Directors- T.V.Phuong (for reporting);*
- Lưu/ *Archived: VT, KTKH (NMT).*

Tài liệu đính kèm/ Attachment:

- Báo cáo thường niên năm 2025 / 2025 Annual report.

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
ON BEHALF OF THE GENERAL
DIRECTOR
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
AUTHORIZED REPRESENTATIVE
FOR INFORMATION DISCLOSURE
TRƯỞNG BAN KINH TẾ KẾ HOẠCH
DIRECTOR OF ECONOMICS
AND PLANNING DIVISION**



**Nguyễn Đình Thi
Nguyen Dinh Thi**

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025



Thời đầu mới
THÀNH TỰU MỚI





Danh mục viết tắt

| Viết tắt | Diễn giải |
|--------------|--|
| BCTC | Báo cáo tài chính |
| CTCP | Công ty Cổ phần |
| COD | ngày vận hành thương mại |
| CAN | Giá công suất thị trường |
| ĐHĐCB | Đại hội đồng cổ đông |
| EVN | Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Công ty TNHH MTV |
| EVNEPTC | Công ty Mua bán điện (đơn vị được EVN ủy quyền) |
| EVNI | CTCP EVN Quốc tế |
| FMP | Giá thị trường điện toàn phần |
| GPMB | Giải phóng mặt bằng |
| HĐQT | Hội đồng quản trị |
| Hợp đồng GSA | Hợp đồng bán khí (GSA) là hợp đồng bán khí giữa bên bán khí với các hộ tiêu thụ khí hạ nguồn |
| IPO | Chào bán lần đầu ra công chúng |
| LNG | Liquefied Natural Gas (Khí tự nhiên hoá lỏng) |
| MTV | Một thành viên |
| NCC | CTCP Thủy điện Nam Chiến |
| NCKT | Nghiên cứu khả thi |
| NLTT | Năng lượng tái tạo |
| NSMD | Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia |
| O&M | Operate and Maintenance (Bảo dưỡng và sửa chữa) |
| PCCC | Phòng cháy chữa cháy |
| PPA | Power Purchase Agreement (Hợp đồng mua bán điện) |
| PV Gas | Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP |
| PV Power | Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP |

| Từ viết tắt | Diễn giải |
|--------------------|---|
| PV Power Cà Mau | Chi nhánh Tổng công ty Điện Lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau |
| PV Power DHC | CTCP Thủy điện Đakdrinh |
| PV Power Fuel/PVPF | Chi nhánh Tổng công ty Điện Lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP Công ty Cung ứng Nhiên liệu Điện lực Dầu khí |
| PV Power Hà Tĩnh | Chi nhánh Tổng công ty Điện Lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh |
| PV Power HHC | CTCP Thủy điện Hòa Na |
| PV Power NT | Chi nhánh Tổng công ty Điện Lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch - Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 |
| PV Power NT2 | CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 |
| PV Power REC | CTCP Năng lượng tái tạo Điện lực dầu khí |
| PV Power Services | CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí |
| PV Power TSC | Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật |
| PVC Mekong | CTCP Phát triển Đơ thị Dầu khí |
| PVN | Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Đây là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam) |
| PVPP | Ban quản lý dự án điện |
| QH Điện VII | Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020, có xét đến năm 2030 |
| QH Điện VIII | Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 |
| Qc | Sản lượng điện hợp đồng |
| SHE | CTCP Năng lượng Sông Hồng |
| SMP | Giá điện năng thị trường |
| SXKD | Sản xuất kinh doanh |
| TGD | Tổng giám đốc |
| TNHH | Trách nhiệm hữu hạn |
| VLP | CTCP Điện Việt Lào |

Mục lục

I. Thông tin chung

| | |
|----|--|
| 12 | Thông tin khái quát |
| 22 | Ngành nghề và địa bàn kinh doanh |
| 24 | Thông tin về mô hình quản trị tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý |
| 48 | Định hướng phát triển |
| 52 | Các rủi ro |

II. Tình hình hoạt động năm 2025

| | |
|----|--|
| 58 | Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh |
| 66 | Tổ chức và nhân sự |
| 68 | Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án |
| 78 | Tình hình tài chính |
| 80 | Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu |
| 82 | Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty |

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

| | |
|-----|---|
| 92 | Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh |
| 96 | Tình hình tài chính |
| 97 | Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý |
| 98 | Kế hoạch phát triển trong tương lai |
| 101 | Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán |
| 101 | Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty |

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng công ty

| | |
|-----|---|
| 105 | Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội |
| 108 | Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Tổng công ty |
| 109 | Định hướng và kế hoạch năm 2025 |

V. Quản trị công ty

| | |
|-----|---|
| 112 | Hội đồng quản trị |
| 122 | Ban Kiểm soát |
| 124 | Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát |

VI. Báo cáo tài chính

| | |
|-----|---|
| 130 | Báo cáo của Ban Tổng giám đốc |
| 132 | Báo cáo kiểm toán độc lập |
| 134 | Bảng cân đối kế toán hợp nhất |
| 138 | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất |
| 140 | Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất |
| 142 | Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất |

Thông điệp của Ban Lãnh đạo

Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Đối tác và Quý Khách hàng,

Lời đầu tiên, thay mặt cho tập thể lãnh đạo và người lao động xin gửi đến Quý cổ đông, Quý đối tác, Quý khách hàng lời chào trân trọng, lời cảm ơn chân thành đã tin tưởng và đồng hành trong thời gian qua.

Mặc dù chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố khách quan của thị trường năng lượng, song với sự nỗ lực, đồng lòng, phát huy trí tuệ tập thể đã giúp cho PV Power hoàn thành rất tốt kế hoạch 2025 với nhiều chỉ tiêu ấn tượng, cụ thể:

Các nhà máy điện của Tổng công ty được vận hành an toàn, ổn định với độ khả dụng cao, chủ động thích ứng với những khó khăn trong sản xuất và thị trường điện. Nhờ đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Power tiếp tục đạt được nhiều kết quả rất ấn tượng:

Sản lượng điện đạt hơn

18,6 tỷ kWh

▶ hoàn thành 99% kế hoạch

Lợi nhuận đạt

3.007 tỷ đồng

▶ vượt hơn 2.000 tỷ đồng so với kế hoạch

Tổng doanh thu đạt

35.364 tỷ đồng

▶ tương đương 93% kế hoạch

Nộp ngân sách nhà nước

1.258 tỷ đồng

▶ tương đương 172% kế hoạch



Ông Hoàng Văn Quang

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Công tác đầu tư tiếp tục được đẩy mạnh, với trọng tâm là triển khai các dự án nguồn điện mới. Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 & Nhơn Trạch 4 - Dự án điện khí LNG đầu tiên của Việt Nam đã hoàn thành với chất lượng cao, đáp ứng tất cả các điều kiện để vận hành thương mại từ 1/1/2025 là điểm sáng đối với PV Power nói riêng và ngành điện nói chung. Bên cạnh đó, PV Power tích cực triển khai các hoạt động M&A, chuẩn bị đầu tư các dự án nguồn điện mới, nhằm mở rộng quy mô, nâng cao năng lực phát điện và củng cố vị thế của PV Power trên thị trường điện Việt Nam.

Những kết quả đạt được trong năm 2025 đã tạo thêm niềm tin và nền tảng thuận lợi để Tổng công ty tiếp tục triển khai các kế hoạch phát triển trong năm 2026 và các năm tiếp theo.

Bước sang năm 2026, với việc Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 & Nhơn Trạch 4 đi vào hoạt động thương mại, cùng với nhu cầu điện dự báo tiếp tục tăng cao, PV Power đặt ra các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu:

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH 2026

Sản lượng điện
21,615
tỷ kWh

Tổng doanh thu
49.887
tỷ đồng

Lợi nhuận
1.328
tỷ đồng

Nộp ngân sách
Nhà nước
899
tỷ đồng

Đây là những mục tiêu đầy thách thức nhưng cũng thể hiện quyết tâm và khát vọng phát triển của PV Power. Với kinh nghiệm đã được tích lũy, ban lãnh đạo được tôi luyện qua nhiều giai đoạn, cùng tinh thần đổi mới và khát vọng vươn lên, Tổng công ty sẽ nỗ lực hoàn thành và phấn đấu vượt các mục tiêu đã đề ra.

Thay mặt Ban Lãnh đạo Tổng công ty, tôi xin trân trọng cảm ơn Quý cổ đông, đối tác, khách hàng và toàn thể người lao động đã luôn đồng hành, tin tưởng và đóng góp vào sự phát triển của PV Power trong suốt thời gian qua. Chúng tôi tin tưởng rằng với nền tảng đã được xây dựng và định hướng phát triển rõ ràng, PV Power sẽ tiếp tục đạt được những thành tựu mới trên hành trình phát triển phía trước.

Trân trọng,

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOÀNG VĂN QUANG

Ông Lê Như Linh

Tổng Giám Đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ NHƯ LINH



CHƯƠNG 01 | Thông tin chung

| | |
|----|--|
| 12 | Thông tin khái quát |
| 22 | Ngành nghề và địa bàn kinh doanh |
| 24 | Thông tin về mô hình quản trị tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý |
| 48 | Định hướng phát triển |
| 52 | Các rủi ro |



Thông tin khái quát

| | |
|--|---|
| Tên giao dịch | TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM CÔNG TY CỔ PHẦN |
| Mã cổ phiếu | POW |
| Vốn điều lệ | 23.418.716.000.000 đồng (Đã chi trả: ngày 30/01/2025, Tổng công ty đã hoàn thành tăng vốn điều lệ lên mức là 30.578.456.886.000 đồng) |
| Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: | 0102276173 (Đăng ký lần đầu: Ngày 31/5/2007; đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 25/02/2026) |
| Địa chỉ | Tòa nhà Viên Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| Số điện thoại: | (024) 22 210 288 |
| Số Fax: | (024) 22 210 388 |
| Website: | www.pvpower.vn |

Quá trình hình thành và phát triển

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP tiền thân là Công ty TNHH MTV do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đầu tư 100% vốn điều lệ, được thành lập theo quyết định số 1488/QĐ-DKVN ngày 17/05/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam), chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động sang công ty cổ phần từ ngày 01/07/2018 (theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102276173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi ngày 01/07/2018)

23/08/2022

PV Power tham gia góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Điện khí LNG Quảng Ninh; Công ty được cấp giấy chứng nhận kinh Doanh ngày 02/11/2022

2022

23/12/2022

PV Power kỷ niệm 15 năm ngày thành lập đồng thời đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì của Chủ tịch nước

Ngày 31/01/2018

Bán đấu giá công khai thành công (IPO) 468.374.320 cổ phần (chiếm 20% vốn điều lệ)

31/08/2018

Trở thành công ty đại chúng

2018

2019

14/01/2019

Mã cổ phiếu POW chính thức giao dịch trên sàn HOSE

2007
2017

17/05/2007

Thành lập Công ty mẹ Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam

2007

07/12/2008

Đưa vào vận hành thương mại Nhà máy điện Cà Mau 1&2, PV Power chính thức có tên trên bản đồ năng lượng Việt Nam

2008

03/2008

Khởi công xây dựng Nhà máy Thủy điện Hòa Na

2018
2021

Ngày 12/10 và 16/10/2023

PV Power đưa máy phát điện và turbine khí Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 vào بهره‌مندی

2023

18/12/2023

Hoàn thành lắp đặt máy phát Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 4

03/02/2020

Cổ phiếu POW chính thức vào danh mục cổ phiếu thành phần chỉ số VN30

2020

22/06/2020

Thành lập chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Trung tâm dịch vụ kỹ thuật

08/2009

Khánh thành Nhà máy điện Nhơn Trạch 1

2009

2022
2024

Dự án Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 phối hợp với các cơ quan của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tiến hành nhận diện ngược thành công sản phẩm phân phối 220kV. Từ đây, điện tiếp tục được đóng vào hệ thống tự động trung thế và hạ thế của nhà máy, như: Nhà điều khiển trung tâm, tua bin, lò thu hồi nhiệt, hệ thống nước làm mát, xử lý nước.

PV Power HHC đã hoàn tất việc ký Hợp đồng nhận chuyển nhượng Nhà máy thủy điện Năm Non với giá trị chuyển nhượng trước thuế là 640 tỷ đồng. Việc nhận chuyển nhượng Nhà máy Thủy điện Năm Non đánh dấu bước phát triển quan trọng của PV Power HHC, góp phần thúc đẩy kết quả kinh doanh trong thời gian tới.

21/07/2020

Phê duyệt và triển khai thực hiện đầu tư Dự án Đầu tư xây dựng công trình Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4, công suất khoảng 1.300-1.760 MW

13/08/2020

Thành lập Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí

01/2011

Khởi công dự án Nhà máy Thủy điện Đakrinh

2011

11/2011

Khánh thành Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2

2025



Ngày 14/12/2025

Tại Khu công nghiệp Ông Kèo, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai, Thủ tướng Phạm Minh Chính dự Lễ khánh thành nhà máy điện khí LNG Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4, lễ gắn biển công trình chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV

Ngày 16/05/2024

Ngày 18/10/2024

24/10/2021

UBND tỉnh Quảng Ninh đã trao giấy chấp thuận đầu tư Dự án điện khí LNG Quảng Ninh cho tổ hợp nhà đầu tư PV Power - Colvivi - Tokyo Gas - Marubeni với tổng mức đầu tư 47.480 tỷ đồng, công suất 1.500 MW

2021

12/2015

Bán giao Nhà máy phong điện Phú Quý sang Tổng công ty Điện lực Miền Nam và nhận bàn giao Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1

2015

2017

2017

PV Power tròn 10 năm tuổi. Sản lượng điện lũy kế gần 140 tỷ kWh; Doanh thu lũy kế 180.000 tỷ đồng; Lợi nhuận lũy kế đạt gần 10.000 tỷ đồng; Số lượng người lao động 2.294 người

15/8/2025

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tổ chức lễ vinh danh 28 doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động năm 2025. PV Power được vinh danh “Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động” trong 5 năm liền.

21/8/2025

Trong khuôn khổ Diễn đàn Kinh doanh 2025 với chủ đề “Xoay trục tăng trưởng”, PV Power được Forbes Việt Nam vinh danh Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất 2025.

27/11/2025

Tại Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4, PV Power tổ chức thành công Hội thảo Gặp gỡ các nhà phân tích chứng khoán kết hợp tham quan các nhà máy điện của PV Power. Với chủ đề “Xu thế chuyển dịch năng lượng – Cơ hội và thách thức”, hội thảo đã thu hút sự tham gia của nhiều chuyên gia phân tích hàng đầu trong lĩnh vực tài chính. Đây là chuỗi sự kiện thương niên nhằm tăng cường quan hệ nhà đầu tư, truyền tải chiến lược và cập nhật tiến độ các dự án trọng điểm của Tổng Công ty.

3/12/2025

Ngày 3/12/2025, PV Power lần thứ 3 liên tiếp đã được vinh danh “Top 20 Báo cáo thường niên tốt nhất - nhóm ngành Phi tài chính” tại Lễ trao giải Cuộc Bình chọn Doanh nghiệp Niêm yết 2025 diễn ra tại TP Hồ Chí Minh.

5/12/2025

Trong khuôn khổ Lễ công bố các Doanh nghiệp Bốn vững tại Việt Nam 2025 do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), PV Power vinh dự tôn thờ 6 liên tiếp được vinh danh trong Top 100 Doanh nghiệp bốn vững Việt Nam.

14/12/2025

Sáng 14/12/2025, PV Power tổ chức Lễ khánh thành Nhà máy điện khí LNG Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 tại Khu công nghiệp Ông Kèo, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai với sự tham dự của Thủ tướng Phạm Minh Chính cùng các đồng chí lãnh đạo. Tại buổi lễ, Thủ tướng Phạm Minh Chính và các đồng chí lãnh đạo đã thực hiện nghi thức gắn biển công trình tiêu biểu dự án nhà máy điện khí LNG Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV.



Sự kiện, lễ ký kết, hợp tác kinh doanh năm 2025



NGÀY 25/02/2025

PV Gas và PV Power ký kết hợp đồng cung cấp LNG cho vận hành thương mại cho hai Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4



NGÀY 14/3/2025

PV Power ký kết Bản ghi nhớ hợp tác (MOU) với GE Vernova về việc mua sắm thiết bị và dịch vụ của GE cho các nhà máy điện khí do PV Power phát triển

NGÀY 22/08/2025

PV Power ký Hợp đồng mua bán than dài hạn cho Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1



NGÀY 23/12/2025

PV Power và Viện Nghiên cứu Cơ khí (MARIME) ký kết hợp tác toàn diện, đẩy mạnh nội địa hóa công nghiệp cơ khí



An sinh xã hội năm 2025

NGÀY 24/11/2025

Hưởng ứng lời kêu gọi của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN), sáng ngày 24/11, tại trụ sở PV Power, ban lãnh đạo cùng Công đoàn, Hội Cựu Chiến binh, Đoàn Thanh niên PV Power đã quyền góp ủng hộ đồng bào vùng lũ. Hoạt động thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, tinh thần "tương thân tương ái" của toàn thể cán bộ, đảng viên, người lao động PV Power

HƯỞNG TỚI CHÀO MỪNG ĐẠI HỘI BẢNG BỘ PVN LẦN THỨ IV

Đoàn Thanh niên PV Power đã phối hợp cùng Đoàn Trường Đại học Luật Hà Nội tổ chức Hành trình Thanh niên tình nguyện hè năm 2025 với chuỗi hoạt động thiết thực, ý nghĩa tại xã miền núi Ba Sơn và Công Sơn (tỉnh Lạng Sơn)

NGÀY 23/9/2025

PV Power đã phối hợp cùng Bệnh viện Giao thông Vận Tải tổ chức lễ gắn biển công trình "Xây mới Khoa thận Tiết niệu - Lọc máu" - đây là Công trình do PV Power là nhà tài trợ chính, phần kinh phí còn lại do Bệnh viện đối ứng. Công trình có tổng diện tích sàn xây dựng là 798,4m², được thiết kế hiện đại với 3 tầng, đáp ứng đầy đủ nhu cầu khám, chữa bệnh và chăm sóc bệnh nhân.

NGÀY 05/06/2025

Hưởng ứng Ngày Môi trường Thế giới, ngày 5/6, tại trụ sở Tổng công ty, Đoàn Thanh niên phối hợp cùng Ban An toàn - Sức khỏe - Môi trường thực hiện chương trình "Thu gom rác - Chung tay giảm thiểu rác thải - Lan tỏa lối sống xanh"

NGÀY 13/04/2025

PV Power phối hợp với Ủy ban Nhân dân xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định tổ chức khánh thành, bàn giao công trình Xây dựng Trường Tiểu học Văn Cao (Khu A), xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định tổng kinh phí đầu tư xây 5,3 tỷ đồng trong đó PV Power tài trợ 5 tỷ đồng

NGÀY 26/3/2025

Hưởng ứng Tháng Thanh niên năm 2025, Đoàn Thanh niên PV Power tổ chức chương trình "Tiếp sức nơi công trường dự án" nhằm động viên tinh thần làm việc của CBCNV, đoàn viên thanh niên và lực lượng lao động trực tiếp tại công trường tòa nhà Trụ sở mới của Tổng công ty.



Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh điện năng. PV Power đã đầu tư, vận hành các nhà máy điện trong tất cả các lĩnh vực nhiệt điện, thủy điện, điện khí hóa lỏng và điện năng lượng tái tạo.

Bên cạnh đó, PV Power cũng phát triển các dịch vụ như vận hành, bảo dưỡng sửa chữa, dịch vụ kỹ thuật điện, cung ứng nhiên liệu cho các nhà máy điện... và trở thành doanh nghiệp hàng đầu trên thị trường điện tại Việt Nam.

Mã ngành chính
3511

Sản xuất điện

Mã ngành
3512

Truyền tải
và phân phối điện

Mã ngành
4321

Lắp đặt
hệ thống điện

Mã ngành
4390

Hoạt động xây dựng
chuyên dụng khác

Mã ngành
4659

Bán buôn máy móc,
thiết bị và phụ tùng
máy khác

Mã ngành
4661

Bán buôn nhiên liệu
rắn, lỏng, khí và các
sản phẩm liên quan

Mã ngành
4669

Bán buôn chuyên
doanh khác chưa được
phân vào đầu



Mã ngành
5210

Kho bãi và lưu giữ
hàng hoá

Mã ngành
6209

Hoạt động dịch vụ
công nghệ thông tin và
dịch vụ khác liên quan
đến máy vi tính

Mã ngành
6810

Kinh doanh bất động
sản, quyền sử dụng đất
thuộc chủ sở hữu, chủ
sử dụng hoặc đi thuê

Mã ngành
7020

Hoạt động
tư vấn quản lý

Mã ngành
7110

Hoạt động kiến trúc
và tư vấn kỹ thuật
có liên quan

Mã ngành
7490

Hoạt động chuyên
môn, khoa học và công
nghệ khác chưa được
phân vào đầu

Mã ngành
7730

Cho thuê máy móc,
thiết bị và đồ dùng
hữu hình khác không
kèm người điều khiển

Mã ngành
7830

Cung ứng và quản lý
nguồn lao động

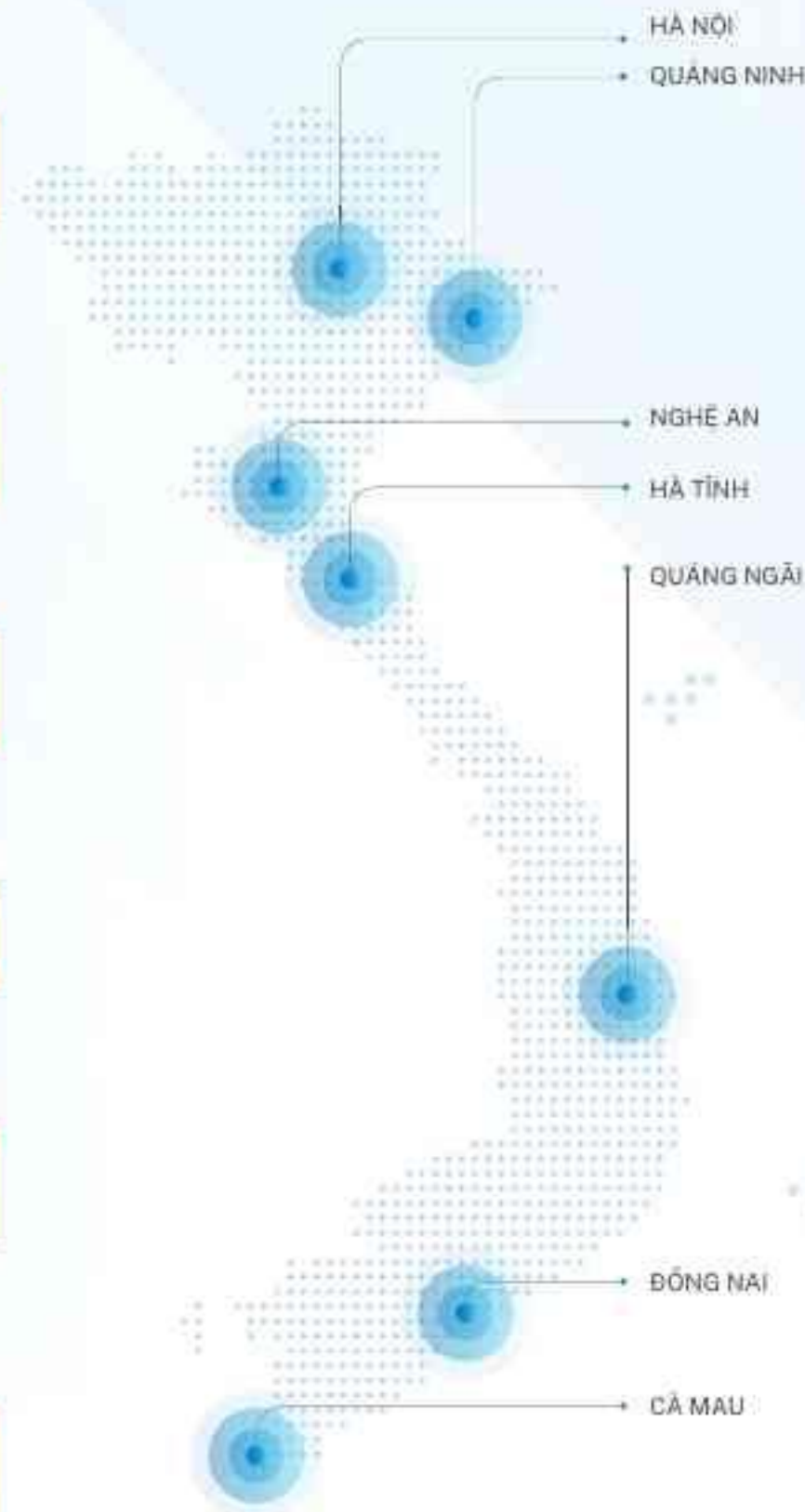
Mã ngành
8299

Hoạt động dịch vụ hỗ
trợ kinh doanh khác
còn lại chưa được phân
vào đầu

Mã ngành
8559

Giáo dục khác chưa
được phân vào đầu

Địa bàn kinh doanh



Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý



Các đơn vị hạch toán phụ thuộc



Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh

Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh là đơn vị quản lý vận hành Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với những thông tin cơ bản sau:

Công suất: 1.200 MW (2x600 MW)
Tổng mức đầu tư: 33.651 tỷ đồng
Năm đi vào vận hành thương mại: 2015

Tên đầy đủ: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM -CTCP - CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ HÀ TĨNH

Địa chỉ: Xóm Hải Phong, Phường Vũng Áng, Tỉnh Hà Tĩnh.

Mã số chi nhánh: 0102276173-007

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.



Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau

Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau là đơn vị quản lý vận hành Nhà máy điện Cà Mau 1 & 2 với những thông tin cơ bản sau:

Công suất: 1.500 MW (2x750 MW)
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
Nhà máy điện Cà Mau 1: 6.571 tỷ đồng
Nhà máy điện Cà Mau 2: 6.153 tỷ đồng
Năm đi vào vận hành thương mại: 2008

Tên đầy đủ: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM -CTCP - CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ CÀ MAU

Địa chỉ: Ấp 6 Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam.

Mã số chi nhánh: 0102276173-002

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc



Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch

Ngành nghề kinh doanh chính:
Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

Tên đầy đủ: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP - CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Ấp 3, Xã Đại Phước, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã số chi nhánh: 0102276173-003

Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch là đơn vị quản lý vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 với những thông tin cơ bản sau:

Nhà máy điện Nhơn Trạch 1

Công suất: 450 MW

Tổng mức đầu tư: 6.344 tỷ đồng

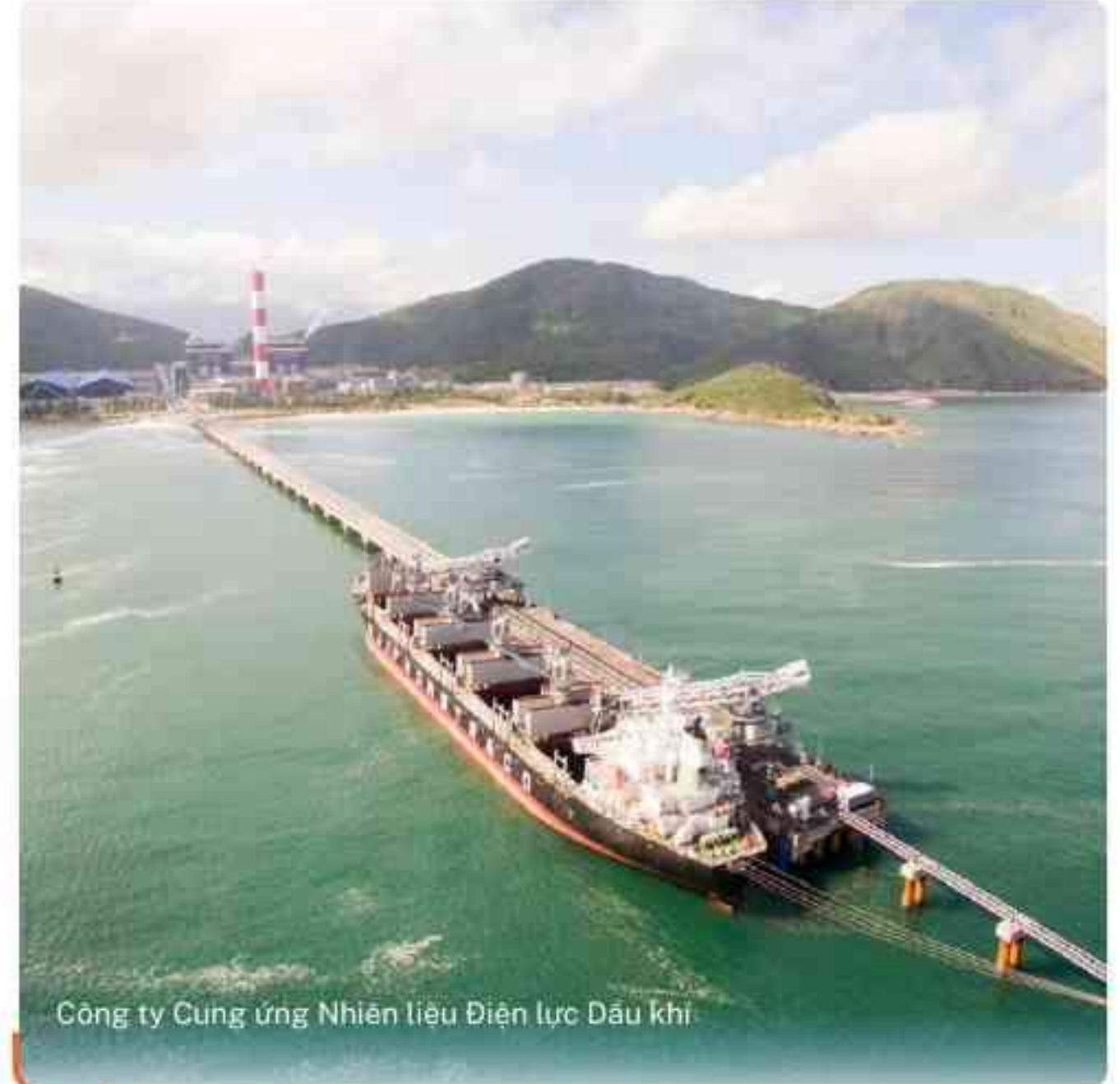
Năm đi vào vận hành thương mại: 2009

Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4

Tổng công suất: 1.624 MW (2 x 812 MW)

Tổng mức đầu tư: 32.487 tỷ đồng

Năm đi vào vận hành thương mại: 2025



Công ty Cung ứng Nhiên liệu Điện lực Dầu khí

Ngành nghề kinh doanh chính:
Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.

Tên đầy đủ: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP - CÔNG TY CUNG ỨNG NHIÊN LIỆU ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 5, toà nhà Dreamland Bonanza, số 23 đường Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam,

Mã số chi nhánh: 0102276173-006

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc



Ban Quản lý Dự án Điện

Ngành nghề kinh doanh chính:
Hoạt động tư vấn quản lý, Chi tiết;
Cung cấp dịch vụ quản lý dự án cho các dự án điện, dịch vụ tư vấn cho các công trình điện.

Tên đầy đủ: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM CTCP - BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐIỆN

Địa chỉ: 15A, đường 68, KPI, phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Mã số chi nhánh: 0102276173-008



Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật

Ngành nghề kinh doanh chính:
Quản lý vận hành các nhà máy điện; cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, vận hành, đào tạo nguồn nhân lực quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa phục vụ sản xuất kinh doanh điện.

Tên đầy đủ: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM -CTCP - TRUNG TÂM DỊCH VỤ KỸ THUẬT

Địa chỉ: Tầng 14, tòa nhà Viên Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Mã số chi nhánh: 0102276173-009

Các công ty con



CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 là đơn vị quản lý của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 với những thông tin cơ bản sau:

Công suất: 750 MW

Tổng mức đầu tư: 11.355 tỷ đồng

Năm đi vào vận hành thương mại: 2011

Tên đầy đủ: CTCP ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Địa chỉ: Ấp 3, Xã Đại Phước, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã số: 3800897316

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

Vốn điều lệ: 2.878.760.290.000 đồng

Tỷ lệ nắm giữ của PV Power: 59,37%



CTCP Thủy điện Đakdrinh

CTCP Thủy điện Đakdrinh là đơn vị quản lý của Nhà máy Thủy điện Đakdrinh với những thông tin cơ bản sau:

Công suất: 125 MW

Tổng mức đầu tư: 5.921 tỷ đồng

Năm đi vào vận hành thương mại: 2014

Tên đầy đủ: CTCP THỦY ĐIỆN ĐAKDRINH

Địa chỉ: Thôn Ra Nhua, Xã Sơn Tân, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

Mã số chi nhánh: 4300350203

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

Vốn điều lệ: 1.160.010.550.000 đồng

Tỷ lệ nắm giữ của PV Power: 95,27%

Các công ty con



CTCP Thủy điện Hòa Na

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện, Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh điện năng

Tên đầy đủ: CTCP THỦY ĐIỆN HÒA NA
Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 7, đường Quang Trung, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam
Mã số: 2900797430
Vốn điều lệ: 2.352.322.103.444 đồng
Tỷ lệ nắm giữ của PV Power: 80,72%

CTCP Thủy điện Hòa Na là đơn vị quản lý của 02 Nhà máy Thủy điện với những thông tin cơ bản sau:

(I) NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN HÒA NA

Địa điểm nhà máy: Xã Thông Thu, tỉnh Nghệ An, Việt Nam
Công suất: 180MW
Tổng mức đầu tư: 7.092 tỷ đồng
Năm đi vào vận hành thương mại: 2013

(II) NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN NẬM NƠN

Địa điểm nhà máy: Bán Xiêng Hương, xã Tương Dương, tỉnh Nghệ An, Việt Nam
Công suất: 20 MW
Thời điểm ký Hợp đồng nhận chuyển nhượng: 18/10/2024
Năm đi vào vận hành thương mại: 2014
Thời điểm tiếp nhận nhà máy: 12/2024



CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Ngành nghề kinh doanh chính: Lắp đặt hệ thống điện, lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, sản xuất, truyền tải và phân phối điện, kiểm tra và phân tích kỹ thuật

Tên đầy đủ: CTCP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Địa chỉ: Tầng 7, Tòa nhà Hỗn Hợp HR3 Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
Mã số: 0102560459
Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng
Tỷ lệ nắm giữ của PV Power: 51%



CTCP Năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và bán điện; Nghiên cứu, đầu tư, phát triển, xây dựng, sở hữu, vận hành, khai thác các dự án năng lượng sạch, năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời, sinh khối, địa nhiệt và điện rác và các loại hình năng lượng tái tạo khác);

Tên đầy đủ: CTCP NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ
Địa chỉ: Tầng 05, tòa nhà Viên Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Mã số: 0109308963

Vốn điều lệ: 270.000.000.000 đồng
Tỷ lệ nắm giữ của PV Power: 51%

Các công ty liên kết, công ty có phần vốn góp của PV Power

| TT | Tên Công ty | Địa chỉ | Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính | Vốn điều lệ (tỷ đồng) | Tỷ lệ sở hữu |
|----|--------------------------------|------------|--|-----------------------|--------------|
| 1 | CTCP Thủy điện Nậm Chiến | Sơn La | Sản xuất kinh doanh điện năng | 2.000 | 15,49% |
| 2 | CTCP Năng lượng Sông Hồng | Lào Cai | Khai thác, sản xuất kinh doanh điện | 74,63 | 44,07% |
| 3 | CTCP Điện Việt Lào | Hà Nội | Sản xuất kinh doanh điện năng | 4.377,53 | 6,98% |
| 4 | CTCP EVN Quốc tế | Đà Nẵng | Sản xuất kinh doanh điện năng | 366,77 | 7,69% |
| 5 | CTCP Thủy điện Sông Tranh 3 | Quảng Nam | Sản xuất kinh doanh điện năng | 602 | 4,87% |
| 6 | CTCP Cơ điện Dầu khí | Hà Nội | Cơ điện lạnh | 10 | 10% |
| 7 | CTCP Phát triển Đô thị Dầu khí | Cần Thơ | Đầu tư xây dựng khu đô thị mới, các khu nhà ở... | 280 | 6,48% |
| 8 | CTCP Điện khí LNG-Quảng Ninh | Quảng Ninh | Khai thác, sản xuất kinh doanh điện | 360 | 30% |

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Văn Quang

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%

Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam tại PV Power: 24,94%

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

QUA TRÌNH CÔNG TÁC:

- 07/1994 - 1996: Kỹ thuật viên khai thác - Công ty Dầu khí BHP
- 1997 - 1999: Trưởng ca khai thác - Công ty Petronas Carigali
- 1999 - 2004: Trưởng ca, Đốc công khai thác - Vietasopetro
- 2005 - 2010: Điện phó sản xuất, Giám trưởng - Công ty Dầu khí Đại Hùng - PVEP
- 03/2010 - 02/2020: Quyền Giám đốc, Giám đốc - Chi nhánh Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Dịch vụ Khí (ĐVK), kiêm Giám đốc Chi nhánh Khí Hải Phòng (KHP)
- 02/2020 - 09/2021: Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP (PV Gas), kiêm Giám đốc Chi nhánh Khí Hải Phòng (KHP)
- 09/2021 - 05/2023: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc - Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP (PV Gas)
- 04/2023 - nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (PV Power)



Ông Lê Như Linh

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%

Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam tại PV Power: 20%

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế địa chất, Thạc sĩ Kinh tế địa chất Dầu khí, Tiến sĩ Kinh tế

QUA TRÌNH CÔNG TÁC:

- 10/1990 - 02/1994: Giảng viên Trường Đại học Mỏ địa chất
- 03/1994 - 07/2009: Chuyên viên, Phó trưởng ban Kế hoạch đầu tư, Trưởng ban Đầu tư phát triển - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 08/2009 - 03/2010: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng công ty Cổ phần Khảo sát Dịch vụ Dầu khí
- 04/2010 - 12/2013: Chủ tịch Hội đồng thành viên - Tổng công ty Dầu Việt Nam
- 12/2013 - 12/2018: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP
- 12/2018 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP





Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích

Thành viên Hội đồng quản trị

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0,0018%

Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam tại PV Power: 10%

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư đô thị; Thạc sĩ Kỹ thuật Quy hoạch đô thị; Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 1994 - 2000: Chuyên viên Ban quản lý dự án thị xã Hồ Đông
- 2000 - 07/2007: Chuyên viên Phòng dịch vụ tài chính tiền tệ, Chuyên viên Phòng Đầu tư, Phó Phòng phụ trách, Trưởng Phòng Đầu tư - Công ty Tài chính Dầu khí
- 07/2007 - 09/2008: Thành viên Ban trị sự thành lập Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu khí - Phụ trách khối Ngân hàng Đầu tư
- 09/2008 - 05/2009: Phó chủ tịch Công đoàn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 05/2009 - 06/2018: Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
- 06/2018 - 04/2022: Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
- 04/2022 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

Bà Vũ Thị Tố Nga

Thành viên Hội đồng quản trị

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%

Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam tại PV Power: 10%

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Thương mại, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh



QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 8/1993 - 10/2007: Chuyên viên Phòng Thương mại - Tổng công ty Dầu khí Việt Nam
- 11/2007 - 8/2008: Phó phòng/Trưởng phòng Dự báo Thị trường - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 8/2008 - 5/2009: Phó ban - Ban Phát triển thị trường - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 6/2009 - 9/2018: Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
- 11/2018 - 04/2019: Trưởng Ban Thương mại Thị trường/ Thương mại Dịch vụ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 4/2019 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

Ông Nguyễn Anh Tuấn

Thành viên Hội đồng quản trị

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%

Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam tại PV Power: 10%

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng



QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 11/1999 - 10/2002: Chuyên viên Ban quản lý dự án nhà số 1&5 Lê Duẩn
- 10/2002 - 12/2008: Chuyên viên Văn phòng Thẩm định đầu tư Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 12/2008 - 05/2009: Phó trưởng Ban Xây dựng, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 05/2009 - 03/2018: Phó Trưởng Ban Quản lý đầu thầu, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 03/2018 - 04/2018: Trưởng Ban Quản lý đầu thầu, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 04/2018 - 04/2019: Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Dầu khí Việt Nam - CTCP
- 04/2019 - 11/2022: Trưởng Ban Kinh tế Đầu tư - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 11/2022 - 12/2022: Trợ lý Tổng giám đốc - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 12/2022 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

Bà Nguyễn Hoàng Yến

Thành viên Hội đồng quản trị

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%

Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam tại PV Power: 5%

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Hóa học, Tiến sĩ Hóa chuyên ngành Hữu cơ hóa dầu



QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 11/1991 - 7/1997: Nghiên cứu sinh, Trợ giảng môn chuyên ngành - Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội
- 08/1997 - 08/2001: Phó phòng Quảng cáo Marketing - Ban đầu tư Vietnam Investment Review - Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- 09/2001 - 03/2005: Chuyên viên Phòng Kỹ thuật - Ban Chuẩn bị đầu tư công trình liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Tổng công ty Dầu khí Việt Nam
- 04/2005 - 01/2014: Chuyên viên chính, Phó phòng, Phó Trưởng ban, Trưởng Ban Chế biến Dầu khí - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 02/2014 - 5/2018: Trưởng ban - Ban Khoa học Công nghệ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 06/2018 - 4/2019: Chuyên viên cao cấp - Văn phòng Hội đồng Thành viên - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 04/2019 - 05/2021: Thành viên đặc lập Hội đồng quản trị - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
- 05/2021 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP



Ông Vũ Chí Cường

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị
 Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%
 Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kỹ thuật Xây dựng Công trình Dân dụng và Công nghiệp, Kỹ sư Xây dựng - ngành Xây dựng Dân dụng Công nghiệp.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 02/2004 - 4/2005: Chỉ huy trưởng Công trình lắp biến Rectifier - Kiến Giang - Tổng công ty Xây dựng số 01
- 5/2005 - 12/2008: Đội trưởng đội thi công - Tổng công ty ĐPT hạ tầng đô thị Hà Nội - UDIC
- 12/2008 - 10/2010: Chuyên viên Công ty Cổ phần đầu tư Xây lắp Dầu khí P.V.C. IMICO
- 10/2010 - 6/2015: Chuyên viên, Phó phòng Xây dựng công trình Công nghiệp, Bàn Xây dựng - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 6/2015 - 12/2016: Phó giám đốc Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí
- 12/2016 - 11/2019: Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bê tông Dầu khí
- 11/2019 - 5/2021: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam/Giám đốc Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2
- 05/2021 - 22/04/2025: Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (Ngày 26/12/2024, PV Power nhận được Thông báo của Ông Vũ Chí Cường về việc Không còn đủ điều kiện là Thành viên độc lập HĐQT PV Power do được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng giám đốc Chi nhánh Tập đoàn Công ty Điều hành Dầu khí Phủ Quốc)
- 22/04/2025: Miễn nhiệm chức danh Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của PV Power



Ông Phạm Ngọc Khuê

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị
 Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%
 Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam tại PV Power: 0%
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Địa vật lý; Thạc sĩ Công nghệ dầu khí

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 7/1994 - 4/1999: Kỹ sư Địa vật lý giếng khoan - Phòng Thăm dò Công ty giám sát các hợp đồng chia sản phẩm dầu khí (PVSC)
- 5/1999 - 12/2000: Học thạc sĩ Chuyên ngành Công nghệ dầu khí (Petroleum Engineering) - Trường Đại học Khoa học và Kỹ thuật Na-uy (Norwegian University of Science and Technology - NTNU)
- 01/2001 - 3/2003: Kỹ sư Địa vật lý giếng khoan & Công nghệ dầu khí - Phòng Công nghệ mỏ - Công ty Đầu tư - Phát triển Dầu khí (PĐC)
- 4/2003 - 7/2005: Kỹ sư Địa vật lý giếng khoan & Công nghệ dầu khí - Chi nhánh PĐC Algeria - PĐC
- 8/2005 - 5/2006: Phó phòng Công nghệ mỏ và Khai thác - PĐC
- 6/2006 - 12/2006: Phó phòng Tổ chức nhân sự - PĐC
- 01/2007 - 6/2007: Phó phụ trách Phòng Tổ chức nhân sự - PĐC
- 6/2007 - 10/2007: Trưởng Ban triển khai dự án Peru - Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)
- 11/2007 - 02/2008: Giám đốc Công ty Dầu khí Peru
- 3/2008 - 5/2008: Trưởng Ban triển khai dự án Iran - PVEP
- 5/2008 - 3/2011: Giám đốc Công ty Dầu khí Ba Tư (Iran) - PVEP
- 3/2011 - 20/01/2019: Trưởng Ban Đầu tư Phát triển - PVEP
- 21/01/2019 - 02/02/2019: Trưởng Ban Công nghệ và An toàn Sức khỏe Môi trường - PVEP
- 03/02/2019 - 3/2025: Phó Tổng giám đốc - Tổng Công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (DMC), DMC đổi tên Doanh nghiệp thành Tổng công ty Hóa chất & Dịch vụ Dầu khí - CTCP (PVChem) kể từ ngày 15/01/2020
- 5/2021 - 3/2025: Kiểm nhiệm Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Dịch vụ Dầu khí M.J Việt Nam
- 4/2025 - nay: Thành viên độc lập Hội đồng quản trị - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

Ông Nguyễn Bá Phước

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị
 Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%
 Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam tại PV Power: 0%
 Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kết cấu, Kỹ sư công trình biển



QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 07/2002 - 6/2006: Trưởng nhóm kết cấu, Tổ phó - Dự án Su Tu Đen - Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 07/2006 - 12/2007: Giám đốc (điều hành) Công ty TNHH Hội tụ Quốc tế
- 01/2008 - 6/2009: Điều phối viên dự án - Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí - Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)
- 07/2009 - 01/2010: Chuyên viên Ban Xây dựng - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 02/2013 - 3/2014: Trưởng phòng Phòng Xây dựng công trình công nghiệp - Ban Xây dựng - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 04/2014 - 5/2018: Phó Trưởng ban, Chuyên viên chính - Ban Xây dựng - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 06/2018: Cán bộ - Ban Khai thác Dầu khí - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 07/2018 - 4/2023: Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Lạc Hóa Dầu Sinh Học
- 04/2023 - nay: Thành viên độc lập Hội đồng quản trị - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP



Ban điều hành

Ông Lê Như Linh

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%

Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam tại PV Power: 20%

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế địa chất, Thạc sĩ Kinh tế địa chất Dầu khí, Tiến sĩ Kinh tế

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 10/1990 - 02/1994: Giảng viên Trường Đại học Mỏ địa chất
- 03/1994 - 07/2008: Chuyên viên, Phó trưởng ban Kế hoạch đầu tư, Trưởng ban Đầu tư phát triển - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 08/2008 - 03/2010: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Dầu khí
- 04/2010 - 12/2013: Chủ tịch Hội đồng thành viên - Tổng công ty Dầu Việt Nam
- 12/2013 - 12/2018: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP
- 12/2018 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP



Ông Ngô Văn Chiến

Phó Tổng giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0,00028%

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Điện khí hóa xi nghiệp; Thạc sĩ Quản trị kinh doanh



QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 10/1999 - 02/2003: Văn hành Gian máy Bàng điện, Trưởng kíp văn hành Nhà máy Nhiệt điện Cần Thơ
- 03/2003 - 06/2004: Giám sát kỹ thuật, Đội trưởng thi công Hệ thống điện Động lực, điện Điều khiển, Hệ thống PCCC, Hệ thống camera Nhà máy Đạm Phú Mỹ
- 09/2004 - 04/2007: Chuyên viên Ban QLDA Khí Điện Đạm Cà Mau
- 04/2007 - 07/2011: P. Quản đốc phụ trách Phân xưởng Cơ nhiệt, Quản đốc Phân xưởng Điện - CSE, Trưởng phòng An toàn Môi trường, kiêm tư lý Giám đốc; Trưởng Phòng KHKD - Công ty ĐLKH Cà Mau
- 08/2011 - 12/2014: Phó Trưởng ban - Ban chuẩn bị sản xuất Điện lực Dầu khí Vũng Áng 1
- 12/2014 - 02/2016: Phó Giám đốc Công ty ĐLKH Hà Tĩnh
- 03/2016 - 10/2019: Giám đốc Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau
- 11/2019 - 10/2022: Giám đốc Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh
- 10/2022 - nay: Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

Ông Nguyễn Minh Đạo

Phó Tổng giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thiết kế; Xây dựng và Vận hành đường ống và bể chứa Dầu khí; Tiến sĩ Đường ống - Bể chứa



QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 09/2000 - 06/2003: Kỹ sư Ban Quản lý Nhà máy lọc dầu Dung Quất
- 07/2003 - 12/2003: Kỹ sư Phòng Công nghệ Mỏ - Công ty Đầu tư và Phát triển Dầu khí
- 01/2004 - 02/2008: Chuyên viên, Phó trưởng Ban Xây dựng - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 03/2008 - 07/2009: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hóa Dầu và Xơ sợi tổng hợp Dầu Khí
- 07/2009 - 07/2018: Trưởng Ban Đầu tư Phát triển; Trưởng ban Khí; Trưởng ban Xây dựng; Cán bộ Văn phòng Hội đồng thành viên - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 07/2018 - 06/2025: Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
- Từ ngày 30/06/2025: Thời chức vụ Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP đã chuyển công tác theo Quyết định tiếp nhận và bổ nhiệm cán bộ của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam



Ông Nguyễn Duy Giang

Phó Tổng giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0,0009%

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán tổng hợp, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 09/1996 - 03/2001: Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán - Công ty Xi măng Hoàng Mai thuộc Tổng công ty Xi măng Việt Nam
- 03/2001 - 10/2007: Phó Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Phó Trưởng phòng kinh doanh - Công ty Xi măng Hoàng Mai thuộc Tổng công ty Xi măng Việt Nam
- 10/2007 - 03/2009: Phó phòng, Trưởng phòng Kế hoạch Ban Quản lý các dự án Thủy điện thuộc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
- 03/2009 - 10/2009: Phó Tổng giám đốc Công ty Tư vấn Quản lý dự án Điện lực Dầu khí Việt Nam thuộc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
- 10/2009 - 07/2014: Trưởng Ban Kinh tế Kế hoạch - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam

- 07/2014 - 01/2015: Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
- 01/2015 - 11/2015: Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam kiêm Phó Trưởng ban Quản lý dự án Nhiệt điện Sông Hậu 1
- 11/2015 - 07/2018: Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
- 07/2018 - nay: Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP



Ông Phan Ngọc Hiến

Phó Tổng giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng, Cử nhân Đồ họa, Thạc sĩ Tài chính và Kiểm soát

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 06/1999 - 06/2007: Kỹ thuật viên, Trưởng phòng Chế biến - Bào Lạo đồng
- 06/2007 - 01/2008: Phó trưởng Ban Tổng hợp kiêm Trưởng phòng Hành chính - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
- 01/2008 - 09/2015: Hành Văn phòng - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam

- 09/2015 - 08/2019: Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam
- 08/2019 - nay: Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

Ông Nguyễn Kiên

Phó Tổng giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh



QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 07/2002 - 08/2007: Chuyên viên - Tổng công ty Tham dự Khai thác Dầu khí
- 08/2007 - 05/2009: Phó chánh Văn phòng, Trợ lý Tổng giám đốc - Tổng công ty Tham dự Khai thác Dầu khí
- 05/2009 - 12/2014: Phó Trưởng Ban Luật - Tổng công ty Tham dự Khai thác Dầu khí
- 12/2014 - 03/2016: Trưởng Ban Tổ chức Nhân sự và Đầu tư - Tổng công ty Tham dự Khai thác Dầu khí

- 03/2016 - 08/2017: Trưởng phòng, Thư ký Tổng giám đốc, Chuyên viên, Phòng Pháp lý hợp đồng và Dự án Dầu khí, Ban Pháp chế - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 08/2017 - 09/2018: Phó chánh Văn phòng, Trợ lý Tổng giám đốc - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 09/2018 - nay: Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP



Ông Trương Việt Phương

Phó Tổng giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 02/2006 - 7/2006: Trợ lý Tổng giám đốc - Công ty Vinamex
- 8/2006 - 12/2009: Chuyên viên Ban Đốc mới Doanh nghiệp; Ban Tài chính Kế toán; Thư ký - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 01/2010 - 4/2013: Thư ký Phó Tổng giám đốc - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 5/2013 - 8/2014: Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí; Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư Dầu khí
- 8/2014 - 7/2017: Phó Trưởng Ban Kế hoạch - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

- 8/2017 - 5/2018: Phó Trưởng Ban Tài chính - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 6/2018 - 7/2018: Ban Tài chính Kế toán - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 7/2018 - 01/2020: Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Dung dịch Khuan và Hòa phẩm Dầu khí - CTCP
- 01/2020 - 11/2022: Phó Tổng giám đốc - Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP (PV Chem)
- 11/2022 - nay: Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP



Ông Chu Quang Toàn

Kế toán trưởng

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kế toán

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 09/1991-08/1997: Cục thuế tỉnh Nghệ An
- 08/1997-10/2002: Phó phòng quản lý thuế- Doanh nghiệp Sản xuất tỉnh Nghệ An
- 10/2002-11/2009: Phụ trách phòng Xử lý thông tin và Tin học; Trưởng phòng Tin học và Xử lý dữ liệu; Trưởng phòng thuế thu nhập cá nhân - Cục thuế Nghệ An
- 12/2009-10/2010: Kế toán trưởng - Công ty Cao su Nghệ An - Tập đoàn Cao su Việt Nam
- 11/2010-08/2015: Trưởng phòng Kế toán - Ban Quản lý dự án Đông Hải - Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam
- 09/2015-06/2017: Trưởng phòng Kế toán - Ban Quản lý dự án VICEM - Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam
- 06/2017-08/2018: Kiểm soát viên Ban Kiểm soát nội bộ - Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam
- 08/2018-04/2019: Phó trưởng Ban Kiểm soát nội bộ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
- 04/2019-4/2020: Phó trưởng Ban Phụ trách Ban Tài chính Kế toán và Kiểm toán - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
- 4/2020 - nay: Kế toán trưởng, Trưởng ban Tài chính Kế toán Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP



Ban Kiểm soát



Ông Phạm Minh Đức

Trưởng Ban Kiểm soát

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán, Thạc sĩ quản lý kinh tế.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 1997 - 2001: Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán - Tổng công ty Xây dựng Sông Đà
- 2001 - 2003: Chuyên viên Phòng Tài vụ - Trường Đại học Mỏ Địa chất
- 2003 - 2006: Chuyên viên Phòng Kinh tế, Chuyên viên Phòng Kế toán - Viện Dầu khí Việt Nam
- 2006 - 2008: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Kinh Doanh cao cấp Dầu khí Việt Nam
- 2008 - 2009: Kế toán trưởng - Công ty TNHH MTV Quản lý & Khai thác TSDK
- 2009 - 2011: Trưởng Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng - Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP
- 2011 - 2020: Trưởng Ban Kiểm soát - Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP
- 2020 - 4/2023: Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ - Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
- 4/2023 - nay: Trưởng Ban Kiểm soát - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

Bà Vũ Thị Ngọc Dung

Kiểm soát viên

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0.00022%.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế và Kỹ thuật, Cử nhân Tiếng Anh, Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính; Lưu thông tiền tệ và Tin dụng.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 12/1993 - 10/2000: Cán bộ Lao động tiền lương - Công ty VPP Cầu Long 1
- 11/2000 - 12/2004: Chuyên viên kế toán - Công ty Tài chính Dầu khí
- 01/2005 - 04/2007: Phó phòng Kiểm tra Kiểm soát nội bộ - Công ty Tài chính Dầu khí - Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí
- 05/2007 - 11/2009: Trưởng phòng/Giám đốc Ban kiểm tra kiểm soát nội bộ - Công ty Tài chính Dầu khí/Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí
- 12/2009 - 09/2013: Giám đốc Ban/ Trưởng Ban Kế hoạch - Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí
- 10/2013 - 04/2018: Trưởng Ban Kế hoạch - Khối Tài chính Kế toán - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam
- 05/2015 - 06/2018: Kiểm soát viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
- 06/2018 - nay: Kiểm soát viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP



Bà Đoàn Thị Thu Hà

Kiểm soát viên

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán, Thạc sĩ Kế toán và Kiểm toán, Tiến sĩ kinh tế.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 09/2007 - 06/2012: Kiểm toán viên - Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí
- 06/2012 - 12/2020: Cán bộ Ban kiểm soát nội bộ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 12/2020 - 01/12/2024: Kiểm soát viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP



- 02/12/2024 - 22/04/2025: Kiểm soát viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP kiêm Phó trưởng Ban kiểm soát nội bộ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam)
- 22/04/2025: Miễn nhiệm chức danh Kiểm soát viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của PV Power

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương

Kiểm soát viên

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 01/1996 - 01/2007: Chuyên viên Tài chính Kế toán - Tổng công ty Dầu khí Việt Nam - Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí
- 8/2007 - 11/2007: Chuyên viên Tài chính kế toán - Công ty Tài chính Dầu khí - Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí
- 12/2007 - 3/2008: Kế toán trưởng - Ban Quản lý dự án Bình viễn Dầu khí Việt Nam
- 9/2008 - 9/2009: Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán và Kiểm toán - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam



- 8/2009 - 6/2018: Phó trưởng Ban Tài chính Kế toán - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
- 6/2018 - 4/2023: Phó trưởng Ban Tài chính Kế toán - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
- 4/2023 - nay: Kiểm soát viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

Bà Hà Thị Minh Nguyệt

Kiểm soát viên

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán, Thạc sĩ Kế toán và phân tích các hoạt động kinh tế.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 05/1992 - 12/2007: Kế toán viên, Phó phòng giao dịch 1, Phó phụ trách Kế toán - Sở giao dịch Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
- 01/2008 - 10/2008: Kế toán trưởng - Ban trú bị thành lập Ngân hàng Dầu khí
- 10/2008 - 09/2010: Trưởng Ban Tài chính - Công đoàn Dầu khí Việt Nam
- 09/2010 - 06/2018: Kế toán trưởng - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam



- 06/2018 - 04/2019: Kế toán trưởng - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
- 04/2019 - nay: Kiểm soát viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

Định hướng phát triển

Quan điểm phát triển

Phát huy tối đa nội lực, tận dụng các nguồn lực bên ngoài và tăng cường hợp tác quốc tế để phát triển PV Power thành thương hiệu doanh nghiệp điện/năng lượng có uy tín trong nước và trong khu vực.

Phát triển PV Power phù hợp với chiến lược phát triển ngành Điện Việt Nam, phù hợp với định hướng phát triển lĩnh vực công nghiệp điện, định hướng phát triển thị trường và kinh doanh quốc tế của PVN, cùng với PVN góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

Tiếp tục khai thác, quản lý, vận hành an toàn, hiệu quả và ổn định các Nhà máy điện hiện hữu, trong đó an toàn và hiệu quả là kim chỉ nam xuyên suốt quá trình phát triển; Tham gia thị trường điện theo lộ trình của Chính phủ một cách hiệu quả.

Phát triển đồng bộ, hợp lý và đa dạng hóa các loại hình năng lượng theo lộ trình phát triển ngành điện, sử dụng công nghệ, trang thiết bị hiện đại, thân thiện với môi trường để phát triển bền vững; tập trung phát triển nhiệt điện khí (bao gồm LNG), chuyển đổi nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện (sang hydrogen, amoniac...) phù hợp với từng giai đoạn phát triển ngành điện; đẩy mạnh phát triển năng lượng tái tạo, nguồn năng lượng mới, năng lượng sạch.

Phát triển PV Power trên nguyên tắc không ngừng hoàn thiện, đổi mới công tác quản trị doanh nghiệp, ứng dụng khoa học-công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để tối ưu hóa công tác quản lý vận hành, xây dựng đội ngũ nhân lực chất lượng cao, chú trọng quản trị rủi ro với cơ chế cảnh báo, giảm sát và ứng phó linh hoạt....

Phát triển cung ứng các lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật điện, cung ứng nhiên liệu, dịch vụ tư vấn đầu tư phát triển trong ngành sản xuất điện/năng lượng phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

Mục tiêu phát triển

Phát triển PV Power trở thành một Tổng công ty Công nghiệp Điện - Năng lượng - Dịch vụ mạnh, với mục tiêu:

- 01 **Hiệu quả**
TRONG SẢN XUẤT KINH DOANH
- 02 **Chuyên nghiệp**
VỀ QUẢN TRỊ
- 03 **Manh**
VỀ TÀI CHÍNH
- 04 **Cao**
VỀ SỨC CẠNH TRANH
- 05 **Xanh**
VỀ MÔI TRƯỜNG

Mục tiêu cụ thể



Tham gia đầu tư phát triển các dự án năng lượng tái tạo, năng lượng mới, năng lượng sạch, từng bước gia tăng tỷ trọng các loại hình này trong cơ cấu nguồn điện của PV Power, tiến tới là nhà cung cấp năng lượng mới, xanh sạch hàng đầu Việt Nam.

Đầu tư, ví thể là một trong ba nhà cung cấp điện năng lớn trong toàn hệ thống; tập trung phát triển lĩnh vực Điện Khí LNG; thực hiện lộ trình chuyển đổi nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện (sang hydrogen, amoniac...) phù hợp với quy hoạch phát triển ngành điện.



Phát triển các lĩnh vực dịch vụ liên quan đến sản xuất điện bao gồm dịch vụ kỹ thuật điện; dịch vụ cung ứng nhiên liệu cho các nhà máy điện, dịch vụ tư vấn đầu tư phát triển... để hỗ trợ cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện năng phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

Mục tiêu cụ thể (tiếp theo)

Giai đoạn đến năm 2030

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện

Phấn đấu đến năm 2030, tổng công suất đạt là 7.532 MW, chiếm khoảng 5% công suất đạt toàn hệ thống. Giai đoạn này điện khí và LNG giữ vai trò chủ đạo với tổng công suất điện khí và LNG là 4.324 MW, chiếm 11,6% công suất điện khí và LNG toàn hệ thống.

Lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật điện

Đảm bảo hiệu quả, tối ưu hóa công tác bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện của PV Power. Bắt đầu cung cấp dịch vụ kỹ thuật điện ra ngoài, trước mắt là các đơn vị thuộc PVN. Giá trị cung cấp dịch vụ khoảng 1.000 tỷ đồng.

Lĩnh vực cung ứng nhiên liệu

Đảm bảo nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện của PV Power/PVN hoạt động ổn định dài hạn; Chủ động nguồn than ngoài TKV cấp cho 02 nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 và Thái Bình 2 (khoảng 2,5 triệu tấn/năm than Lào), từ năm 2027 cung cấp than cho nhà máy điện Sông Hậu 1, Long Phú 1 với khối lượng khoảng 3 triệu tấn/năm; Chủ động tham gia vào quá trình nhập khẩu LNG cấp cho các nhà máy điện của PV Power.

2030

SẢN XUẤT ĐIỆN

7.532 MW

chiếm khoảng 5% công suất đạt toàn hệ thống

DỊCH VỤ KỸ THUẬT

Bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện của PV Power.

CUNG ỨNG NHIÊN LIỆU

Than + LNG

2050

SẢN XUẤT ĐIỆN

25.892 MW

chiếm khoảng 5% công suất đạt toàn hệ thống

DỊCH VỤ KỸ THUẬT

Trở thành đơn vị cung cấp dịch vụ kỹ thuật điện hàng đầu Việt Nam và khu vực

CUNG ỨNG NHIÊN LIỆU

LNG, hydrogen, amoniac, sinh khối

Định hướng giai đoạn đến năm 2050

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện

Định hướng đến năm 2050, tổng công suất đạt là 25.892 MW, chiếm khoảng 5% công suất đạt toàn hệ thống. Giai đoạn đến 2050, PV Power tập trung phát triển các nguồn năng lượng tái tạo và năng lượng mới phù hợp lộ trình phát triển quy hoạch ngành điện, tổng công suất năng lượng tái tạo và năng lượng mới chiếm khoảng 3% tổng công suất nguồn năng lượng tái tạo và năng lượng mới trong toàn hệ thống; thực hiện việc chuyển đổi nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện (sử dụng hydrogen, amoniac...) phù hợp với quy hoạch phát triển ngành điện.

Lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật điện

Trở thành đơn vị cung cấp dịch vụ kỹ thuật điện hàng đầu Việt Nam và khu vực trong lĩnh vực công nghiệp liên quan (bao gồm cung cấp nhân lực, vật tư, chuỗi dịch vụ kỹ thuật khép kín); làm chủ toàn diện công nghệ, thiết bị, con người, có khả năng tự thiết kế - thi công - bảo dưỡng - sửa chữa - vận hành cho các hệ thống điện quy mô lớn; dự năng lực tư vấn kỹ thuật, thiết kế kỹ thuật, chế tạo cơ khí chính xác trong lĩnh vực điện lực.

Lĩnh vực cung ứng nhiên liệu

Trở thành trung tâm cung ứng nhiên liệu năng lượng xanh quy mô quốc gia, với danh mục nhiên liệu chuyển dịch sang LNG, hydrogen, amoniac, sinh khối và các nguồn năng lượng sạch khác.

Các rủi ro



RỦI RO CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LÝ: "NÚT THẮT" LỚN NHẤT HIỆN NAY ĐỐI VỚI CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

Hợp đồng mua bán điện (PPA): Các điều khoản trong PPA mẫu của Việt Nam thường thiếu các cam kết về bao tiêu sản lượng (Take-or-pay) hoặc các điều khoản bảo vệ nhà đầu tư khi có thay đổi luật pháp, gây khó khăn cho việc huy động vốn quốc tế.

Thị trường điện cạnh tranh: Lộ trình tiến tới thị trường bán lẻ điện cạnh tranh vẫn còn chậm, khiến các doanh nghiệp phát điện như PV Power vẫn phụ thuộc hoàn toàn vào bên mua duy nhất là EVN.

Cơ chế giá (Tariff): Sự chậm trễ trong việc ban hành khung giá điện mới cho các dự án chuyên tiếp (đặc biệt là điện gió, điện mặt trời) khiến nhiều dự án "đắp chiếu" hoặc hoạt động cầm chừng.

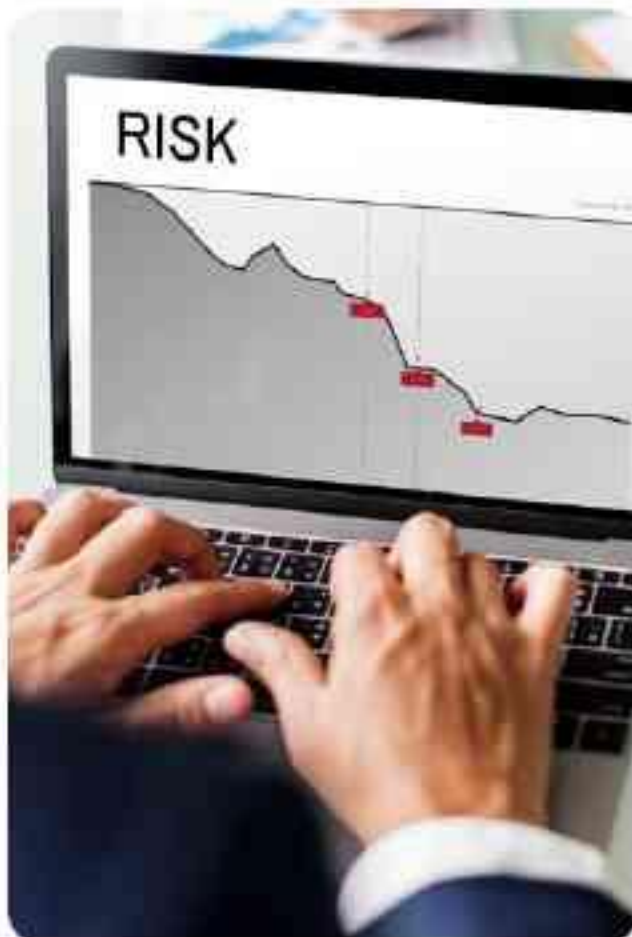


RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ THANH TOÁN

Sức khỏe tài chính: EVN là đơn vị mua điện duy nhất. Việc EVN gặp khó khăn tài chính do giá nhiên liệu đầu vào tăng cao nhưng giá bán lẻ chưa điều chỉnh tương ứng dẫn đến rủi ro chậm thanh toán cho các doanh nghiệp phát điện như PV Power.

Biến động tỷ giá: Đa số các dự án điện có khoản vay lớn bằng USD/EUR, trong khi doanh thu lại bằng VND. Khi tỷ giá VND/USD tăng, áp lực trả nợ gốc và lãi vay sẽ tăng vọt. Ngoài ra, xung đột chính trị Nga - Ukraina và nhiều nơi trên Thế Giới ảnh hưởng lớn đến kinh tế toàn cầu và Việt Nam nói chung. Lạm phát, tăng khiến lãi suất ngân hàng và tỷ giá ngoại tệ có xu hướng tăng, giá nhiên liệu sản xuất tăng rủi ro về chi phí như: chi phí tài chính, chi phí bảo dưỡng sửa chữa, chi phí vật tư/thiết bị ...tăng cao.

Tiếp cận vốn: Các dự án nhiệt điện than hiện nay gần như không thể tiếp cận vốn vay do các cam kết về môi trường (Net Zero), trong khi dự án năng lượng tái tạo lại đòi hỏi vốn lớn nhưng tính rủi ro về pháp lý vẫn cao.



RỦI RO VẬN HÀNH VÀ HẠ TẦNG LƯỚI ĐIỆN

Quá tải lưới điện truyền tải: Tốc độ phát triển nguồn điện (đặc biệt là năng lượng tái tạo ở miền Trung và miền Nam) nhanh hơn tốc độ nâng cấp lưới điện, dẫn đến tình trạng doanh nghiệp bị cắt giảm công suất (curtailment) - có điện nhưng không thể phát lên lưới.

Tính bất định của năng lượng tái tạo: Điện gió và điện mặt trời phụ thuộc hoàn toàn vào thời tiết. Việc thiếu các hệ thống lưu trữ (BESS) khiến việc vận hành hệ thống trở nên cực kỳ công thẳng. Từ đó, dẫn đến việc điều chỉnh tăng/giảm tải thường xuyên các nhà máy điện khí/than, gây ra các rủi ro về an toàn vận hành và tuổi thọ nhà máy điện.



RỦI RO MÔI TRƯỜNG VÀ CHUYỂN ĐỔI XANH

Thuế carbon và rào cản xanh: Từ năm 2026, cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) của EU bắt đầu áp dụng nghiêm ngặt. Các doanh nghiệp sử dụng năng lượng "không sạch" thuộc PV Power sẽ bị giảm lợi thế cạnh tranh khi bán điện cho các khách hàng sản xuất hàng xuất khẩu.



RỦI RO NGUYÊN LIỆU ĐẦU VÀO

Giá nhiên liệu thế giới: Các doanh nghiệp nhiệt điện than và điện khí (LNG) như PV Power đối mặt với biến động giá than và khí nhập khẩu.

An ninh nguồn nhiên liệu: Nguồn khí, than nội địa đang suy giảm, việc chuyển sang nhập khẩu LNG, than phụ thuộc vào hạ tầng kho cảng, chất lượng nhiên liệu và giá thị trường quốc tế rất bấp bênh. Ngoài ra, Nhà máy điện Vũng Áng 1, việc thiếu than và phải sử dụng 100% than cám Sa10 và tỷ lệ than phối trộn có chất bốc cao >10% làm gia tăng rủi ro xảy ra sự cố.

VAI TRÒ CỦA QUẢN TRỊ RỦI RO HAY LÝ DO TẠI SAO DOANH NGHIỆP NHƯ PV POWER PHẢI QUẢN TRỊ RỦI RO

PV Power nhận định vai trò của công tác quản trị rủi ro trong doanh nghiệp như sau:

Giúp doanh nghiệp đạt được mục tiêu, chiến lược, kế hoạch để ra;

Bảo vệ tài sản, nguồn lực và lợi ích của doanh nghiệp khỏi những tổn thất và thiệt hại có thể xảy ra do các rủi ro không mong muốn;

Hỗ trợ định hình chiến lược tài chính, giảm thiểu rủi ro tài chính và tăng cường khả năng chống chịu với biến động trong thị trường tài chính;

Cung cấp thông tin quan trọng và phân tích rủi ro, giúp lãnh đạo doanh nghiệp hiểu rõ hơn về các nguy cơ và cơ hội, từ đó đưa ra các quyết định chiến lược thông minh hơn;

Tăng tính linh hoạt và ứng phó; giúp doanh nghiệp nên linh hoạt hơn trong việc thích nghi với biến động, xử lý tình huống không chắc chắn và điều chỉnh kế hoạch hoạt động khi cần thiết;

Xây dựng niềm tin và uy tín: Việc triển khai một chiến lược quản trị rủi ro hiệu quả không chỉ giúp tạo dựng niềm tin từ phía cổ đông, đối tác mà còn tăng cường uy tín của doanh nghiệp trên thị trường;

Đảm bảo tuân thủ quy định pháp lý: Quản trị rủi ro giúp doanh nghiệp tuân thủ các quy định pháp lý, giảm thiểu rủi ro pháp lý và tránh các vấn đề liên quan đến vi phạm luật/quy định;

Tăng cường sự cạnh tranh: Bằng cách quản trị rủi ro một cách thông minh, doanh nghiệp có thể tận dụng cơ hội mới và tăng cường sự cạnh tranh trong ngành.



HOẠT ĐỘNG CỦA PV POWER NHẪM XÂY DỰNG, ĐƯA VÀO VẬN HÀNH HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO

Với mục tiêu đạt được các hiệu quả quản trị nêu trên, PV Power đã thành lập Tổ Quản trị rủi ro (QTRR) của Tổng công ty tại Quyết định số 871/QĐ-ĐLĐK ngày 30/9/2025. Hiện Tổ có 05 thành viên: 01 Tổ Trưởng, 01 Tổ Phó và 03 Tổ viên. Tổ QTRR được giao chức năng hỗ trợ Ban Điều hành trong các công tác nhận diện, đánh giá, ứng phó và giám sát các rủi ro nhằm hạn chế tác động tiêu cực của rủi ro, nếu xảy ra, qua đó, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Hiện PV Power đang trong quá trình từng bước áp dụng hệ thống Quản trị rủi ro vào hoạt động sản xuất kinh doanh căn cứ quy chế và QTRR, do Hội đồng quản trị Tổng công ty ban hành theo Quyết định số 151/QĐ-ĐLĐK ngày 28/2/2024. Bên cạnh việc đào tạo/đổi huấn nghiệp vụ, Tổng công ty tiếp tục hoàn thành việc xây dựng các công cụ trong hệ thống quản trị rủi ro như:

Cơ cấu tổ chức giám sát hoạt động quản trị rủi ro, phù hợp với chức năng, vai trò, nhiệm vụ cụ thể cho từng nhân sự chuyên trách

Hệ thống các chỉ số cảnh báo rủi ro (Key Risk Indicators)

Bộ biểu mẫu báo cáo áp dụng toàn PV Power

Thước đo rủi ro (Risk Parameters)

Sổ tay Quản trị rủi ro

Đồng thời, PV Power cũng đã tập trung triển khai nghiên cứu các tài liệu, phân tích đánh giá hiện trạng về công tác quản trị rủi ro của PV Power theo tiêu chuẩn COSO ERM 2017 và ISO 31000:2018 nhằm lựa chọn phương án tổ chức tự thực hiện, phù hợp với năng lực nội tại của PV Power, phát huy những lợi thế của hệ thống, tổ chức, nhân sự với mục tiêu hiệu quả, tiết giảm chi phí.



CHƯƠNG
02

Tình hình
hoạt động năm 2025

- 58 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 66 Tổ chức và nhân sự
- 68 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 78 Tình hình tài chính
- 80 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu
- 82 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty



Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Các khó khăn thách thức năm 2025

Các yếu tố đầu vào



Các xung đột chính trị, chiến tranh phá hoại/chiến tranh (thương mại trên thế giới giữa các quốc gia (Nga/ Ukraine; ở Đai Gaza; Mỹ/ Trung Quốc/ Canada,...) vẫn diễn biến phức tạp, ảnh hưởng lớn đến sự ổn định nguồn cung, giá nhiên liệu đầu vào (dầu/ khí/ than), giá vật tư/ thiết bị/ dịch vụ kỹ thuật của các nhà máy điện; Tiếp tục gây ra đứt gãy chuỗi cung ứng dẫn đến việc tăng giá nhiên liệu, năng lượng, giá vật tư thiết bị, dịch vụ, ngoại tệ tăng làm tăng chi phí sản xuất kinh doanh của PV Power.



Nhà máy điện khí Cà Mau 1&2 đã phát sinh khí trả trước từ năm 2021 với bên bán là 320 triệu Sm³, trong năm 2024 đã giảm nghĩa vụ trả trước dự kiến được 162,2 triệu Sm³ và trong năm 2025 - 2026 là 158,8 triệu Sm³, tuy nhiên năm 2025 dự kiến nhà máy chỉ có thể thu hồi khoảng 40 triệu Sm³ dẫn đến áp lực vận hành để thu hồi khí trả trước năm 2026.



Chính sách bảo vệ sản xuất trong nước của Mỹ/ các quốc gia có nền kinh tế hàng đầu thế giới làm tỷ giá ngoại tệ tăng cao trong giai đoạn vừa qua dẫn đến chi phí tài chính, chi phí chênh lệch tỷ giá và các chi phí khác tăng cao.



Các nguồn khí nội địa cho sản xuất điện ngày càng suy giảm, thêm vào đó, Nhà máy điện Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2 ở cuối nguồn cấp khí phải chịu phân cước phân phối Phú Mỹ - Nhơn Trạch làm cho giá khí bình quân/ giá biến đổi của nhà máy kém cạnh tranh trên thị trường điện (thường xuyên cao hơn giá điện thị trường toàn phần bình quân FMP) ảnh hưởng đến vận hành sản xuất khi tham gia thị trường điện và khả năng huy động của nhà máy.



Nhà máy Điện Vũng Áng 1 phải sử dụng than Sa14 (tròn) với giá cao cơ với sử dụng than Sa10 làm giảm sự cạnh tranh khi tham gia thị trường điện, vận hành sản xuất hiệu quả sản xuất kinh doanh điện của Nhà máy Điện Vũng Áng 1.

Các yếu tố đầu ra



Giá thị trường điện không thuận lợi:

Ngày 27/12/2024, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 3621/QĐ-BCT phê duyệt kế hoạch vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh năm 2025, giá CAN trung bình là 47,74 (đồng/kWh) thấp hơn nhiều so với giá CAN trung bình các năm gần đây 330,47 đồng/kWh (năm 2024), 300,76 đồng/kWh (năm 2023) trong khi giá trần thị trường (SMP) là 1.682,6 đ/kWh. Điều này làm ảnh hưởng lớn đến việc tham gia thị trường, sản xuất kinh doanh điện của các nhà máy nhiệt điện của Tổng công ty.

Năm 2025 là năm có hiện tượng khí hậu thủy văn cực đoan đặc biệt, dị thường, lượng mưa lớn, bão lũ lụt kéo dài từ tháng 6 đến cuối năm và trải dài từ khắp miền Bắc, miền Trung và đến Đông Nam Bộ, nền nhiệt thấp (kể cả giai đoạn mùa hè từ tháng 5 - đến tháng 7) dẫn đến phụ tải tăng trưởng thấp, thủy điện được ưu tiên huy động mặc dù có những thời điểm hệ thống đã

ghi nhận tăng trưởng công suất phụ tải cực đại cao trong những ngày nắng nóng cực đoan giai đoạn cuối tháng 7 - đầu tháng 8. Cụ thể hệ thống điện Quốc gia đạt 54.370 MW (tăng +5.400 MW, +10% so với cùng kỳ 2024), đặc biệt hệ thống điện miền Bắc đạt 28.167 MW (tăng +3.000 MW, +12% so với cùng kỳ 2024). Nhưng giá thị trường điện thực tế trong 11 tháng đầu năm 2025 rất thấp, cụ thể giá điện năng thị trường (SMP) trung bình là 847,46 (đồng/kWh), giá công suất thị trường (CAN) là 47,81 (đồng/kWh), giá thị trường điện toàn phần (FMP) trung bình đạt 695,27 (đồng/kWh). So sánh với giá FMP trung bình cùng kỳ của năm 2024 và năm 2023 đều thấp hơn, cụ thể năm 2024 là 1.410 (đồng/kWh) và năm 2023 là 1.407,68 (đồng/kWh) ... ảnh hưởng đến sản lượng huy động của các nhà máy điện của Tổng công ty.



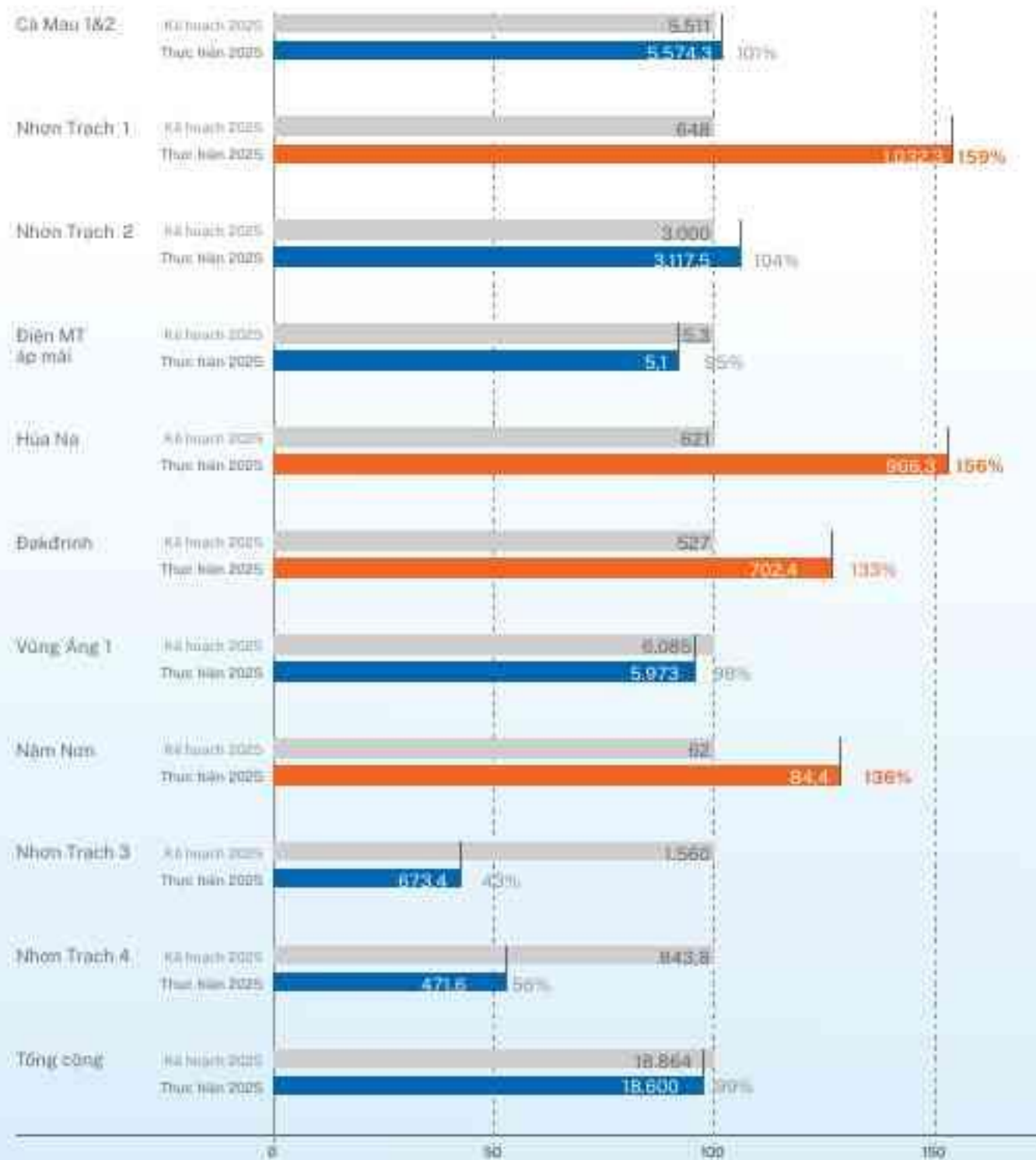
Tỷ trọng các nhà máy điện năng lượng tái tạo vẫn được ưu tiên (thực tế 10 tháng đầu năm chiếm 12% sản lượng điện hệ thống) dẫn tới các nhà máy nhiệt điện phải giảm phát trong các chu kỳ cao điểm ngày, làm sụt giảm sản lượng và doanh thu của các nhà máy.



Một số kết quả đạt được trong năm 2025



Sản lượng điện năm 2025



Lĩnh vực dịch vụ

Công tác sửa chữa bảo dưỡng các nhà máy điện được thực hiện tốt đảm bảo các nhà máy luôn đạt độ khả dụng cao.

PV Power Services/ PV Power TSC ngoài việc đảm bảo thực hiện hoàn thành tốt công tác bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện của PV Power, đơn vị PV Power Services còn phát triển kinh doanh dịch vụ ngoài, trong đó:

Các Hợp đồng cung cấp dịch vụ kỹ thuật với các đối tác như bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy điện Sông Hậu 1, Thái Bình 2, Duyên Hải 1, Duyên Hải 3 mở rộng, Mông Dương 2;

Các Hợp đồng cung cấp vật tư hàng hóa với Nhà máy nhiệt điện Thăng Long, Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 1, Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 2, Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 3.

Cung cấp nhiên liệu: Đảm bảo cung cấp than ổn định cho Nhà máy điện Vũng Áng 1 so với kế hoạch, PV Power đã ký kết hợp đồng với các đơn vị cung cấp với tổng khối lượng than giao nhận thực hiện trong năm 2025 là **2.785.000 tấn** (đã quy âm). Trong đó:

Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV):

1.944.247 tấn

Tổng công ty Đông Bắc - Bồ Quốc Phòng (TCTĐB):

387.743 tấn

CTCP Tập đoàn Hoàng Sơn (HSG):

453.010 tấn

Kế hoạch than dự kiến giao nhận trong năm 2025:

3.000.000 tấn, trong đó:

TKV:

1.500.000 tấn

Nguồn khác (Công ty TNHH Năng lượng Xekong, TCTĐB, HSG...):

1.500.000 tấn

PV Power/ PV Power Fuel đã tích cực tìm kiếm đa dạng hoá nguồn than để luôn chủ động nguồn cung cấp phục vụ nhu cầu sản xuất. Đồng thời chủ động triển khai các công việc để mở rộng cung cấp than cho các Nhà máy điện trong PVN.



Tình hình thực hiện các dự án

Dự án Nhiệt điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4:

Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 được công nhận COD ngày 21/11/2025.

Nhà máy điện Nhơn Trạch 4 được công nhận COD ngày 17/12/2025.

Công tác thoái vốn

PV Power gặp nhiều khó khăn khi thực hiện thoái vốn do tình hình chung của thị trường và danh mục thoái vốn phần lớn là các công ty chưa đại chúng.

PV Power đang bám sát thị trường để xây dựng kế hoạch thoái vốn phù hợp cho từng đơn vị, đảm bảo hiệu quả kinh tế.



Tổ chức và nhân sự



Danh sách Ban điều hành

| TT | Ban điều hành | Chức vụ | Tỷ lệ sở hữu cổ phần (*) | Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn (**) |
|----|--------------------------|------------------------------------|--------------------------|---------------------------------|
| 1 | Ông Lê Như Linh | Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc | 0% | 20% |
| 2 | Ông Ngô Văn Chiến | Phó Tổng giám đốc | 0,00028% | 0% |
| 3 | Ông Nguyễn Minh Đạo(***) | Phó Tổng giám đốc | 0% | 0% |
| 4 | Ông Nguyễn Duy Quang | Phó Tổng giám đốc | 0,0009% | 0% |
| 5 | Ông Nguyễn Kiên | Phó Tổng giám đốc | 0% | 0% |
| 6 | Ông Phạm Ngọc Hiến | Phó Tổng giám đốc | 0% | 0% |
| 7 | Ông Trương Việt Phương | Phó Tổng giám đốc | 0% | 0% |
| 8 | Ông Chu Quang Toàn | Kế toán trưởng | 0% | 0% |

(*) Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành

(**) Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam

(***) Chức vụ Phó Tổng giám đốc từ ngày 30/05/2025 do Chuyển công tác theo Quyết định tiếp nhận và bổ nhiệm cán bộ của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam

Những thay đổi trong Ban điều hành

| TT | Họ và tên | Thay đổi | Lý do thay đổi | Ngày có hiệu lực |
|----|---------------------|---|--|------------------|
| 1 | Ông Nguyễn Minh Đạo | Không còn đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc | Chuyển công tác theo Quyết định tiếp nhận và bổ nhiệm cán bộ của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam | 30/05/2025 |

Số lượng cán bộ, nhân viên

Tính đến 31/12/2025,
tổng số lao động của toàn Tổng công ty là:

2.182 người

(Số này gồm Người lao động tại và lao động lao động của PVPC, PV Power TSC)

Cơ cấu giới tính

Nam: 1.048 người (chiếm 78,98%)

Nữ: 279 người (chiếm 21,02%)



Trong đó, số lao động tại Công ty mẹ Tổng công ty là 1.327 người (gồm: Viên chức quản lý là 18 người và Người lao động Công ty mẹ (gồm cả Người lao động tại PVPC, PV Power TSC là 1.327 người), cụ thể:

Cơ cấu trình độ

- Đại học trở lên: **1.076 người** (chiếm 81,09 %)
- Cao đẳng, trung cấp, trung học: **105 người** (chiếm 7,91 %)
- Công nhân kỹ thuật lái xe: **140 người** (chiếm 10,55 %)
- Sơ cấp, lao động phổ thông: **66 người** (chiếm 0,45 %)

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động



Căn cứ Quyết định số 7468/QĐ-CNNL ngày 26/8/2025 của PVN về việc ban hành Quy chế quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng tại các doanh nghiệp trong PVN, PV Power đã rà soát và triển khai xây dựng, sửa đổi/bổ sung cho phù hợp, cụ thể như sau:

- Trình điều chỉnh kế hoạch quỹ tiền lương năm 2025; Báo cáo phương án tạm quyết toán và xây dựng kế hoạch quỹ tiền lương năm 2026 của người lao động, Ban điều hành và người quản lý.
- Trình ban hành Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người quản lý Tổng công ty (Quyết định số 1321/QĐ-ĐLĐK ngày 31/12/2025).



Hoàn thiện và tổ chức lấy ý kiến rộng rãi đến toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty mẹ - Tổng công ty trước khi trình HĐQT xem xét phê duyệt Quy chế trả lương cho Người lao động Công ty mẹ - Tổng công ty. Quy chế lương mới thực hiện chi trả theo vị trí công việc, theo kết quả đánh giá KPI, gắn với việc thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, năng suất lao động của đơn vị/Tổng công ty. Hoàn thiện Quy định đánh giá hiệu suất công việc KPI cho cán bộ nhân viên cơ quan Tổng công ty và triển khai áp dụng thi điểm việc giao, đánh giá hiệu suất công việc trên phần mềm HROffice từ tháng 11/2025.



Quan tâm tổ chức đối thoại định kỳ với người lao động và thông qua tổ chức Công đoàn để lấy ý kiến Người lao động trước khi ban hành các quy chế, quy định liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động, tạo sự đồng thuận và thống nhất cao nhất với người lao động.

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Các khoản đầu tư lớn

Năm 2025, PV Power là chủ đầu tư và tham gia thực hiện (góp vốn đầu tư) các dự án lớn sau:

Dự án các Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4

Hội đồng quản trị PV Power đã phê duyệt Dự án các Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 tại Quyết định số 628/QĐ-ĐLĐK ngày 21/7/2020.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 đã được khánh thành vào ngày 14/12/2025, Vận hành thương mại từ ngày 01/01/2026.

THÔNG TIN DỰ ÁN

Quy mô (công suất): **1.624MW**
 Chủ đầu tư: Tổng công ty Điện lực Đáo khí Việt Nam - CTCP.
 Địa điểm đầu tư: Khu công nghiệp Ông Kèo, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
 Tổng mức đầu tư: **32.486.933.657,876 đồng**

Dự án đầu tư trụ sở làm việc của PV Power

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

PV Power đã nhận bàn giao Tòa nhà vào ngày 26/12/2025, hạng mục Hoàn thiện tòa nhà do PV Power tổ chức thực hiện đã hoàn thành thi công xây lắp ngày 31/12/2025.

THÔNG TIN DỰ ÁN

Diện tích đất xây dựng Tòa nhà văn phòng DLC: **773,5m²** (đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có diện tích sử dụng riêng là 773,5m²)
 Mặt độ xây dựng: 45% (theo mặt độ dự án)
 Tầng cao công trình: 32 tầng nổi (có 04 tầng hầm sử dụng chung thuộc dự án DLC-Complex Nguyễn Tuấn)
 Tổng diện tích sàn xây dựng: **24.752 m²**

Dự án Nhà máy điện khí LNG Quảng Ninh

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

Dự án Nhà máy điện LNG Quảng Ninh đã được phê duyệt dự án đầu tư, phát hành hồ sơ mời thầu gói thầu EPC, đang đàm phán PPA và thu xếp vốn triển khai dự án.

THÔNG TIN DỰ ÁN

Quy mô (công suất):
 • Nhà máy điện khí chu trình hỗn hợp: **1.500 MW**
 • Kho chứa LNG, hệ thống tái hóa khí, bến nhập LNG
 Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Điện khí LNG Quảng Ninh (QN LNG Power). PV Power góp 30% vốn điều lệ
 Địa điểm: Phường Cẩm Thịnh, TP Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh
 Tổng mức đầu tư dự kiến: **52.870,8 tỷ đồng**
 Tiến độ dự kiến vận hành thương mại trong quý IV/2028 - quý I/2029



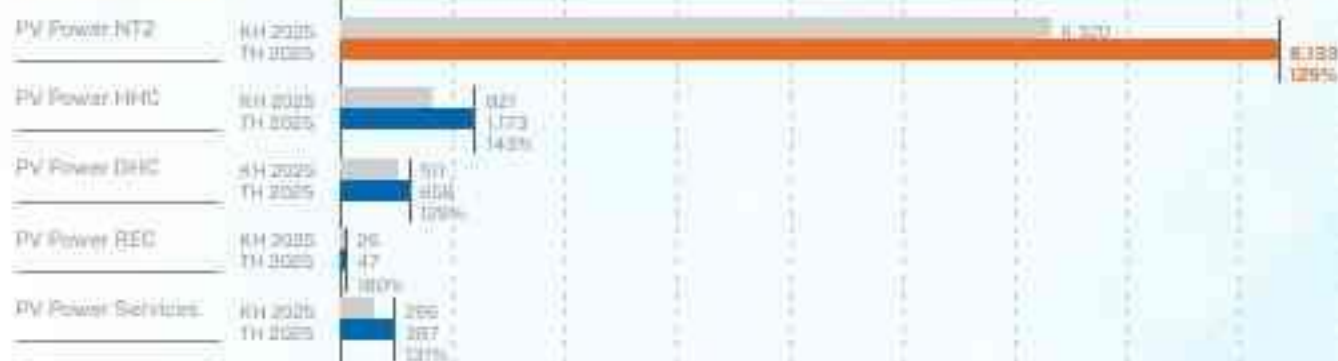
Các công ty con, công ty liên kết

Các công ty con

Sản lượng điện (triệu kWh)



Doanh thu (tỷ đồng)



Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)



Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2 (PV POWER NT2)



Tổng doanh thu đạt **8.133** tỷ đồng, hoàn thành **129%** kế hoạch



Tổng chi phí được kiểm soát ở mức **6.855,4** tỷ đồng, chỉ bằng **86,8%** kế hoạch.



Lợi nhuận trước thuế đạt **1.268** tỷ đồng, tăng đột biến so với năm trước.



Thực hiện chi trả cổ tức **7%** bằng tiền mặt



PV Power NT2 đạt sản lượng điện **3.117,5** triệu kWh, tương đương **104%** kế hoạch năm và tăng **14%** so với thực hiện năm 2024

Trong năm 2025, PV Power NT2 đạt sản lượng điện 3.117,5 triệu kWh, tương đương 104% kế hoạch. Tổng doanh thu đạt 8.133 tỷ đồng, hoàn thành 129% kế hoạch, trong khi tổng chi phí được kiểm soát ở mức 6.855,4 tỷ đồng, chỉ bằng 86,8% kế hoạch. Nhờ đó, lợi nhuận sau thuế đạt 1.130 tỷ đồng, vượt 405% so với kế hoạch năm 2025. Trả 7% cổ tức bằng tiền từ nguồn lợi nhuận

sau thuế chưa phân phối lũy kế của Công ty vào ngày 31/10/2025. Nộp Ngân sách nhà nước năm 2025 là 207,65 tỷ đồng đạt 115% KH năm. Kết quả vượt trội về lợi nhuận năm 2025 không mang tính nhất thời, mà là kết quả của nhiều giải pháp điều hành quyết liệt và kịp thời của Ban Lãnh đạo Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HƯA NÀ (PV POWER HHC)



Tổng doanh thu năm 2025 đạt **1.173** tỷ đồng, vượt 43% so với kế hoạch, tăng 47% so với năm 2024 (801 tỷ đồng). Trong đó:

Doanh thu từ hoạt động bán điện: **1.152,16** tỷ đồng, vượt 40% so với kế hoạch, tăng 47% so với năm 2024 (785,84 tỷ đồng).

Doanh thu từ hoạt động khác, doanh thu từ hoạt động tài chính và thu nhập khác: **20,79** tỷ đồng, bằng 358% so với kế hoạch, bằng 140% so với năm 2024 (14,73 tỷ đồng).



Lợi nhuận trước thuế đạt **501,3** tỷ đồng, bằng 263% so với kế hoạch, 176% so với năm 2024 (284,4 tỷ đồng).



Trong năm 2025 PV Power HHC đã thực hiện chia cổ tức của năm 2024 chia cho cổ đông là 10%.



Tổng sản lượng điện thương mại năm 2025 của Đơn vị đạt **1.050,8** triệu kWh, vượt 53% so với kế hoạch, tăng 66% so với năm 2024 (635 triệu kWh). Trong đó:

Nhà máy thủy điện Hòa Nà: **966,4** triệu kWh, vượt 55% so với kế hoạch, tăng 52% so với năm 2024 (635,13 triệu kWh).

Nhà máy thủy điện Nậm Nơn: **84,4** triệu kWh, vượt 41% so với kế hoạch, bằng 3.161% so với năm 2024 (2,67 triệu kWh).



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐÀO KHÍ (PV POWER DHC)



Doanh thu đạt **658** tỷ đồng, đạt 129% kế hoạch (tăng 147 tỷ đồng, tăng 29% so với kế hoạch), bằng 121% cùng kỳ năm 2024;



Chi phí ước **503,3** tỷ đồng, đạt 102,7% kế hoạch, bằng 104,4% cùng kỳ năm 2024;



Lợi nhuận trước thuế đạt **262,6** tỷ đồng, đạt 691% kế hoạch (tăng 224,6 tỷ đồng so với kế hoạch), bằng 181% so với cùng kỳ năm 2024



Giá thành sản phẩm năm 2025 (không có thuế, phí): 564,89 đồng/kWh, giảm 27,3% so với kế hoạch năm 2025.

Nộp Ngân sách nhà nước đạt 175 tỷ đồng, đạt 128% kế hoạch



Sản lượng điện thương mại đạt 702,4 triệu kWh, đạt 133,3% kế hoạch (vượt kế hoạch 175,4 triệu kWh, tương ứng vượt 33,3%); Bằng 124% cùng kỳ năm 2024

* Nguyên nhân sản lượng, doanh thu, lợi nhuận vượt so với kế hoạch là do thuận lợi về thủy văn; nỗ lực được công tác bảo dưỡng sửa chữa, công tác chỉ đạo điều hành tham gia thị trường điện hiệu quả.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC ĐẦU KHÍ (PV POWER SERVICES)



Năm 2025 chỉ tiêu Doanh thu và Lợi nhuận của công ty đều vượt so với kế hoạch được giao (Doanh thu đạt **387** tỷ đồng, bằng **131%** kế hoạch năm 2025)



Lợi nhuận trước thuế đạt **18,8** tỷ đồng bằng **142%** kế hoạch năm 2025.

Năm 2025 không có hoạt động báo dưỡng sửa chữa lớn; tuy nhiên PV Power Services đã nỗ lực phấn đấu, tìm kiếm và ký kết thêm các hợp đồng dịch vụ mới ngoài các hợp đồng trong Tổng công ty, tiết giảm tiết kiệm tối đa các khoản mục chi phí, mua sắm chưa cần thiết... nhằm hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty giao từ đầu năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO ĐIỆN LỰC ĐẦU KHÍ (PV POWER REC)

PV Power REC đang trong giai đoạn vừa sản xuất kinh doanh điện vừa nghiên cứu, xúc tiến đầu tư các dự án Năng lượng tái tạo mới. Đến nay, PV Power REC đã và đang sở hữu 5 dự án/ nhà máy điện mặt trời mới nhà và 02 hệ thống tiết kiệm năng lượng sử dụng biến tần tại Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1.

Các chỉ tiêu chính cả năm 2025 đạt được như sau:



Năm 2025, sản lượng điện đạt **5,1** triệu kWh;



Doanh thu cả năm 2025 đạt **47** tỷ đồng;



Lợi nhuận trước thuế đạt **20,7** tỷ đồng
Nộp Ngân sách nhà nước đạt **0,87** tỷ đồng



Năm 2025, sản lượng điện đạt 5,1 triệu kWh



Các công ty liên kết

| TT | Tên doanh nghiệp | Giá trị đầu tư tại 31/12/2025 (Tỷ đồng) | Trích dự phòng tại 31/12/2025 (Tỷ đồng) | Tỷ lệ sở hữu theo vốn điều lệ thực góp tại 31/12/2025 (%) | Lợi nhuận sau thuế (Tỷ đồng) | Ghi chú |
|----------|--|---|---|---|------------------------------|-----------------------------|
| 1 | Nhóm các đơn vị sản xuất, kinh doanh điện | | | | | |
| 1.1 | Công ty Cổ phần Thủy điện Nam Chiến | 292,25 | - | 15,49% | 292,13 | BCTC 2025 sau KT |
| 1.2 | Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng | 32,89 | - | 44,07% | 12,43 | BCTC 2025 sau KT |
| 1.3 | Công ty Cổ phần Điện Việt-Lào | 305,55 | - | 6,98% | 1.525,95 | BCTC 2025 sau khi kiểm toán |
| 1.4 | Công ty Cổ phần EVN Quốc tế | 28,22 | - | 7,69% | 54,0 | BCTC Quý IV/2025 |
| 1.5 | Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Tranh 3 | 29,34 | - | 5,34% | 11,045 | BCTC năm 2025 |
| 1.6 | Công ty Cổ phần Điện khí LNG Quảng Ninh | 108 | - | 30% | -2,2 | BCTC 2025 chưa kiểm toán |
| 2 | Nhóm các đơn vị dịch vụ - kinh doanh | | | | | |
| 2.1 | Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí | 1,0 | 0,3 | 13,61% | | |
| 2.2 | Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí | 18,20 | 18,2 | 6,5% | | |

Nhóm các đơn vị sản xuất, kinh doanh điện

Bao gồm 05 đơn vị là các Công ty chủ quản thực hiện đầu tư và quản lý vận hành, khai thác các dự án thủy điện.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NAM CHIẾN (NCC)

Năm 2025, NCC đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2018, 2019 và 2022 cho cổ đông. Tổng số tiền cổ tức NCC đã chuyển là **99** tỷ đồng, trong đó ghi nhận vào kết quả SXKD năm 2025 của PV Power là **91,4** tỷ đồng. Năm 2025, lợi nhuận trước thuế của NCC đạt **292,13** tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG SÔNG HỒNG (SHE)

Năm 2025, SHE có lợi nhuận sau thuế đạt **12,43** tỷ đồng. SHE chi trả cổ tức năm 2024 cho cổ đông tỷ lệ 5%, PV Power nhận được **1,645** tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN VIỆT - LÀO (VLP)

Lợi nhuận sau thuế của VLP năm đạt **1.525,95** tỷ đồng. VLP thanh toán toàn bộ cổ tức năm 2024 và tạm ứng cổ tức năm 2025 cho cổ đông. PV Power nhận được **110** tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ (EVNI)

Theo báo cáo tài chính quý IV/2025, LNST lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV của EVNI đạt **54** tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG TRĂNG 3

Công ty hiện đang lỗ lũy kế. Theo báo cáo tài chính năm 2025, LNST năm 2025 là **11,045** tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN KHÍ LNG QUẢNG NINH

Công ty được thành lập tháng 11/2022. Năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ lên 360 tỷ, gồm các cổ đông: PV Power (30%), COLAVI (30%), Marubeni (20%) và Tokyo Gas (20%). Doanh thu hoạt động tài chính năm 2025 ước đạt 6,2 tỷ đồng, chi phí quản lý Doanh nghiệp ước thực hiện là **8,7** tỷ đồng.

Nhóm các đơn vị kinh doanh - dịch vụ

Bao gồm 02 đơn vị là CTCP Cơ điện Dầu khí Việt Nam (ngành nghề chính là thi công bảo dưỡng cơ điện), CTCP Phát triển Đô thị Dầu khí - PVC Mekong (ngành nghề chính là tư vấn thiết kế và kinh doanh bất động sản). Đến nay, hầu như 02 doanh nghiệp đã dừng hoạt động, lỗ lũy kế ngày càng tăng, cổ phiếu của PVC Mekong (mã CK: PXC1) đã bị Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội tạm dừng giao dịch. PV Power đã thực hiện trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn đối với 02 khoản đầu tư này theo đúng quy định, gồm: dự phòng cho khoản đầu tư tại PVC Mekong là 18,202 tỷ đồng/giá trị đầu tư **18,202 tỷ đồng**, dự phòng cho khoản đầu tư tại CTCP Cơ điện Dầu khí là 0,3 tỷ đồng/01 tỷ đồng vốn đầu tư.

Tình hình tài chính

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu



| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2024 | Năm 2025 |
|---|-------------|----------|----------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | 0,90 | 1,17 |
| Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn | | | |
| + Hệ số thanh toán nhanh | Lần | 0,84 | 1,10 |
| (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn | | | |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 56,60 | 58,00 |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 130,43 | 138,10 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho bình quân | Vòng | 14,29 | 15,03 |
| Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân | | | |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân | Lần | 0,40 | 0,41 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 4,00 | 8,77 |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | % | 3,52 | 8,37 |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân | % | 1,61 | 3,57 |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | % | 2,91 | 9,43 |

Về chỉ tiêu khả năng thanh toán

Trong năm 2025, các chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán của Công ty đã có sự cải thiện rõ rệt so với năm 2024. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 0,90 lên 1,17; hệ số thanh toán nhanh cũng tăng từ 0,84 lên 1,10, cho thấy Tổng công ty đã nâng cao khả năng đáp ứng các nghĩa vụ nợ ngắn hạn đáng kể. Nhìn chung, các biến động tích cực này cho thấy tình hình thanh khoản của Tổng công ty trong năm 2025 đã được củng cố, góp phần giảm thiểu rủi ro tài chính trong ngắn hạn.



Về chỉ tiêu khả năng sinh lời

Trong năm 2025, các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời của Công ty ghi nhận sự cải thiện mạnh mẽ so với năm 2024. Cụ thể, hệ số lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần tăng từ 4,00% lên 8,77%, cho thấy biên lợi nhuận được cải thiện đáng kể. Tương tự, hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân tăng từ 3,52% lên 8,37%; và hệ số lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân tăng từ 1,61% lên 3,57%, phản ánh hiệu quả sử dụng vốn và tài sản được nâng cao rõ rệt. Đặc biệt, hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần tăng mạnh từ 2,91% lên 9,43%, cho thấy hoạt động kinh doanh cốt lõi đã được cải thiện đáng kể về hiệu quả. Nhìn chung, các chỉ tiêu này cho thấy khả năng sinh lời của Công ty trong năm 2025 đã được củng cố và tăng trưởng tích cực.



Về chỉ tiêu cơ cấu vốn

Hệ số nợ/Tổng tài sản của Tổng công ty tăng từ mức 56,60% trong năm 2024 lên mức 58,00% trong năm 2025, đồng thời Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu cũng tăng từ mức 130,43% trong năm 2024 lên mức 138,10% trong năm 2025. Nguyên nhân do Tổng công ty đang sử dụng nhiều nợ hơn để tài trợ cho tài sản là các dự án mới đang trong quá trình xây dựng của Tổng công ty.



Về chỉ tiêu hiệu quả hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho trong năm 2025 tăng lên mức 15,03 vòng, cho thấy Tổng công ty đang quản lý hàng tồn kho hiệu quả hơn. Chỉ tiêu Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân tăng nhẹ lên mức 0,41 lần trong năm 2025. Nhìn chung, các chỉ tiêu này cho thấy hoạt động vận hành của Tổng công ty đang trong quá trình tối ưu hóa.



Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành:

2.341.871.600 CỔ PHẦN

Mệnh giá:

10.000 ĐỒNG/ CỔ PHẦN

Loại cổ phần: toàn bộ cổ phần đang lưu hành đều là cổ phần phổ thông.

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do:

1.146.699.884 CỔ PHẦN

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:

1.195.171.716 CỔ PHẦN

Cơ cấu cổ đông (tại ngày 11/12/2025)

| TT | Tiêu chí | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu (%) | Số lượng cổ đông |
|----------|---|-------------------|------------------|------------------|
| 1 | Tỷ lệ sở hữu | | | |
| | Cổ đông lớn | 1.872.141.477 | 79,94 | 1 |
| | Cổ đông nhỏ | 469.730.123 | 20,06 | 48.257 |
| 2 | Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân | | | |
| | Cổ đông tổ chức | 1.991.911.568 | 85,02 | 132 |
| | Cổ đông cá nhân | 359.860.032 | 14,98 | 48.136 |
| 3 | Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài | | | |
| | Cổ đông trong nước | 2.244.383.827 | 95,84 | 47.797 |
| | Cổ đông nước ngoài | 97.487.773 | 4,16 | 471 |
| 4 | Cổ đông nhà nước và cổ đông khác | | | |
| | Cổ đông nhà nước | 1.872.141.477 | 79,94 | 1 |
| | Cổ đông khác | 469.730.123 | 20,06 | 59.225 |

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 50%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

Trong năm 2025, vốn đầu tư của chủ sở hữu không thay đổi.

Ngày 25/09/2025, Tổng công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 thông qua Phương án chào bán/phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, cụ thể như sau:

| Tên cổ phiếu | Cổ phiếu Tổng công ty Điện lực Đẩu khí Việt Nam - CTCP |
|--|--|
| Loại cổ phiếu | Cổ phiếu phổ thông |
| Mệnh giá cổ phiếu | 10.000 đồng/cổ phiếu |
| Tổng số cổ phiếu đã phát hành | 2.341.871.600 cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 2.341.871.600 cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu dự kiến và tình thực chào bán/ phát hành | 725.980.196 cổ phiếu, trong đó: |

- Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu: 281.024.592 cổ phiếu, tương đương 12% số lượng cổ phiếu đang lưu hành.
- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: 351.280.740 cổ phiếu, tương đương 15% số lượng cổ phiếu đang lưu hành.
- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức: 93.674.864 cổ phiếu, tương đương 4% số lượng cổ phiếu đang lưu hành.
- Giá chào bán cổ phiếu thêm ra công chúng cho cổ đông hiện hữu: 10.000 đồng/cổ phiếu

Ngày 11/12/2025, PV Power kết thúc đợt phát hành Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với kết quả: Tổng số cổ phiếu đã phân phối là 444.949.496 cổ phiếu, thực hiện điều chỉnh thông tin số lượng cổ phiếu đăng ký tại VSDC ngày 06/01/2026, thay đổi đăng ký niêm yết ngày 09/01/2026, ngày giao dịch của chứng khoán thay đổi niêm yết: 27/01/2026.

Ngày 30/01/2026, PV Power kết thúc đợt Chào bán cổ phiếu ra công chúng với kết quả: Tổng số cổ phiếu đã phân phối là 281.024.592 cổ phiếu.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu.

Trong năm 2025, Tổng công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ.

Các chứng khoán khác

Trong năm 2025, Tổng công ty không thực hiện phát hành chứng khoán khác.



Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty



Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của Tổng công ty trong năm:

- PV Power không sử dụng nguyên vật liệu để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của Tổng công ty trong năm.

Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của Tổng công ty:

- PV Power không tái chế vật liệu để sử dụng sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của Tổng công ty.

Tác động lên môi trường

Tổng phát thải khí nhà kính từ hoạt động sản xuất điện năng tại 4 nhà máy nhiệt điện của PV Power:

- **Phạm vi 1:** 10.973.000 tấn CO₂ quy đổi (thực hiện kiểm kê khí thải theo hướng dẫn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 448/QĐ-PVN ngày 25/01/2022 của Tổng giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam).
- **Phạm vi 2:** 134.820 tấn CO₂ quy đổi (sử dụng hệ số phát thải lưới điện năm 2023 do chưa có công bố chính thức hệ số phát thải lưới điện năm 2024, 2025).

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính năm 2025, PV Power có 1 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Tổng công ty về kiểm kê khí nhà kính, 1 đề tài nghiên cứu khoa học cấp PVN. Các nhà máy nhiệt điện đang lập kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cho giai đoạn 2025-2030 và tiếp tục nghiên cứu các giải pháp cho giai đoạn tiếp theo.

Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp:

| Nhà máy | Nhiên liệu | Đơn vị | Năng lượng tiêu thụ |
|--------------|------------|-----------------------|---------------------|
| Cá Mau 1 | Khí | Triệu Sm ³ | 565,51 |
| | Dầu | Tấn | 308,477 |
| Cá Mau 2 | Khí | Triệu Sm ³ | 582,08 |
| | Dầu | Tấn | 197,643 |
| Nhơn Trạch 1 | Khí | Triệu Sm ³ | 208,24 |
| | Dầu | Tấn | 66,840 |
| Nhơn Trạch 2 | Khí | Triệu Sm ³ | 626,16 |
| | Dầu | Tấn | 0 |
| Vũng Áng 1 | Than | Tấn | 2,756,336 |
| | Dầu | Tấn | 3,773 |



Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

| Nhà máy | Đơn vị | Năng lượng tiết kiệm |
|--------------|-----------|----------------------|
| Cà Mau | Triệu BTU | 259.677 |
| Nhơn Trách 1 | Triệu BTU | 36.931 |
| Nhơn Trách 2 | Triệu BTU | 185.229 |
| Vũng Áng | Triệu BTU | 722.782 |



206 sáng kiến
cải tiến kỹ thuật đã
được công nhận



15 sáng kiến
tiết kiệm năng lượng

Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

Năm 2025, PV Power có 206 sáng kiến cải tiến kỹ thuật đã được công nhận, trong đó có 15 sáng kiến tiết kiệm năng lượng như sau:

| TT | Tên sáng kiến | Đơn vị |
|----|---|------------------|
| 1 | Thiết kế cải tiến, lắp đặt mới các đường ống cấp gió điều khiển cho các thiết bị đo trên ống khói của hệ thống Quan trắc khí thải để khắc phục tình trạng xì gió điều khiển do ảnh hưởng bởi nhiệt độ cao tại NMD NT1 | PV Power NT |
| 2 | Giải pháp tối ưu thời gian hoạt động hệ thống Ejector khởi động trong quá trình khởi động tổ máy ST18 để tiết kiệm năng lượng | PV Power NT |
| 3 | Tối ưu thời gian vận hành tuần hoàn trước khi ngừng của hệ thống lọc RO để tiết kiệm chi phí vận hành | PV Power NT |
| 4 | Thay thế lọc gió Model mới cho hệ thống gió điều khiển tổ máy ST18 | PV Power NT |
| 5 | Tối ưu hóa chế độ sóng sấy tăng cánh đầu theo độ giãn nở của tuabin cao áp. Theo tiến trình khởi động tổ máy S1 | PV Power NT |
| 6 | Tối ưu áp suất ống góp gió cấp-2 để giảm điện tư dùng tổ máy | PV Power Hạ Tĩnh |
| 7 | Giải pháp tối ưu lượng hóa chất sử dụng trong quá trình sản xuất nước khử khoáng và nước dịch vụ nhà máy VA1 nhằm tiết giảm chi phí sản xuất | PV Power Hạ Tĩnh |
| 8 | Xây dựng chương trình thổi bụi tối ưu nhằm tăng hiệu suất lò hơi NM VA1 | PV Power Hạ Tĩnh |
| 9 | Tối ưu lượng thí nghiệm để giảm điện tư dùng cho hệ thống máy nghiền than Nhà máy nhiệt điện VA1 | PV Power Hạ Tĩnh |
| 10 | Phương án tăng nhiệt độ nhiên liệu khí gas đầu vào tuabin khí nhằm nâng cao hiệu suất Nhà máy điện Cà Mau 1&2 | PV Power Cà Mau |
| 11 | Giải pháp cải tiến chế độ vận hành Lò hơi phụ | PV Power Cà Mau |
| 12 | Phương án tối ưu hoá hiệu suất turbine hơi khí vận hành chu trình 1-1-1 | PV Power Cà Mau |
| 13 | Cải tiến đường xả thải của bộ lọc RO để ngăn ngừa thất thoát nước từ bốn khu khí | PV Power NT |
| 14 | Đốt than Láo tại Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 | PV Power Hạ Tĩnh |
| 15 | Nâng cao sản lượng, giảm suất hao nước Nhà máy thủy điện Đakrinh | PV Power Đakrinh |



Tiêu thụ nước

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

| Nhà máy | Nhiên liệu | Đơn vị | Năng lượng tiêu thụ |
|--------------|---|----------------------|---------------------|
| C3 Mau | Nhà máy nước U Minh và Nhà máy nước Khánh An | m ³ | 307.980 |
| Nhon Trạch 1 | Nhà máy nước Nhon Trạch | m ³ | 94.243 |
| Nhon Trạch 2 | Nhà máy nước Nhon Trạch | m ³ | 81.614 |
| Vũng Áng | Nhà máy cấp nước Công ty cổ phần tập đoàn Hoành Sơn | m ³ | 1.066.554 |
| Hòa Na | Thiên nhiên (hồ chứa) | Triệu m ³ | 3.435 |
| Bakđinh | Thiên nhiên (hồ chứa) | Triệu m ³ | 1.235 |

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

| Nhà máy | Tỷ lệ phần trăm | Tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng (m ³) |
|--------------|-----------------|--|
| Cá Mau | | Không tái chế và tái sử dụng |
| Nhon Trạch 1 | | Không tái chế và tái sử dụng |
| Nhon Trạch 2 | | Không tái chế và tái sử dụng |
| Vũng Áng | 37,35 % | 398.300 |
| Hòa Na | | Không tái chế và tái sử dụng |
| Bakđinh | | Không tái chế và tái sử dụng |

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Số lần bị xử phạt vì phạm đo không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

Tổng số tiền do bị xử phạt vì phạm đo không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 VND

Chính sách liên quan đến người lao động

SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG, MỨC LƯƠNG TRUNG BÌNH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổng số cán bộ công nhân viên tại Công ty mẹ - Tổng công ty (bao gồm Người quản lý và Người lao động tại PVPE) là **1.327 người**.

Mức tiền lương, thu nhập bình quân thực hiện năm 2025 của người lao động Công ty mẹ - Tổng công ty (bao gồm tiền thưởng an toàn và không bao gồm tiền lương làm thêm giờ) là **26,67 triệu đồng/người/tháng**.

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẪM ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định của Nhà nước (về thời giờ làm việc/nghỉ ngơi, đồng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, thanh toán đầy đủ các chế độ trợ cấp Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế cho cán bộ nhân viên như ốm đau, thai sản...), theo Quy chế khen thưởng, phúc lợi và Thỏa ước lao động tập thể của Tổng công ty...

Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, tạo môi trường và điều kiện lao động thân thiện, hợp vệ sinh; tổ chức tham quan nghỉ mát cho cán bộ công nhân viên; tổ chức các phòng trào văn hóa, văn nghệ, thể thao...; tạo không khí vui tươi phấn khởi. Thực hiện khám sức khỏe định kỳ; trang bị đầy đủ công cụ, dụng cụ, phương tiện an toàn - bảo hiểm lao động cho Người lao động.

Tiếp tục duy trì chế độ bảo hiểm chăm sóc sức khỏe, chương trình bảo hiểm hưu trí tự nguyện, nhân thọ cho cán bộ công nhân viên Công ty mẹ - Tổng công ty...

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trong năm 2025, Công ty mẹ - Tổng công ty đã hoàn thành công tác giao kế hoạch đào tạo và phát triển nhân lực cho các đơn vị trực thuộc, đảm bảo đúng tiến độ và phù hợp với định hướng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Công tác triển khai đào tạo được thực hiện tích cực; dự kiến đến ngày 31/12/2025, Công ty mẹ - Tổng công ty đã tổ chức đào tạo cho 2.319 lượt người tham gia các chương trình đào tạo Thạc sĩ, đào tạo kỹ thuật/kỹ thuật chuyên sâu và bồi dưỡng thường xuyên chuyên môn nghiệp vụ, với tổng kinh phí ước đạt 9.644 triệu đồng. Các chương trình đào tạo trong năm trong năm bao gồm: đào tạo Thạc sĩ (MBA, EMBA, Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính - Kế toán) cho cán bộ quản lý và cán bộ chuyên môn; các khóa đào tạo lãnh đạo - quản lý như MDP, lý luận chính trị, quản trị hệ thống và các diễn đàn quản trị trong nước - quốc tế; các khóa kỹ thuật và bồi dưỡng chuyên môn như an ninh mạng, an toàn thông tin, pháp luật thương mại - đấu thầu, an toàn hóa chất, điện hạt nhân, đào tạo theo tiêu chuẩn ASME/API và cập nhật các chuẩn mực quốc tế (IFRS, ISO 14064-1). Bên cạnh đó, Tổng công ty cũng đẩy mạnh đào tạo về tri tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, logistics - năng lượng, cùng các chương trình kỹ năng mềm và tiếng Anh giao tiếp nhằm hoàn thiện năng lực toàn diện cho đội ngũ CBCNV. Nhìn chung, công tác đào tạo năm 2025 được triển khai hiệu quả, bám sát chiến lược phát triển của Tổng công ty và đóng góp thiết thực vào việc xây dựng đội ngũ nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu đổi mới, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong những năm qua, công tác An sinh xã hội của PV Power luôn được các cấp lãnh đạo Tổng Công ty quan tâm thực hiện thường xuyên và được toàn thể cán bộ, công nhân viên hưởng ứng tích cực. Tổng kinh phí An sinh xã hội thực hiện từ năm 2022 đến 31/12/2025 theo chỉ đạo của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN) là 138 tỷ đồng. Tổng Công ty đã triển khai nhiều chương trình An sinh xã hội thiết thực như dịch vụ công cộng, y tế, giáo dục, nhà đại đoàn kết...

- Tổng kinh phí Tập đoàn giai đoạn 2025-2026 là: **35.000.000.000 VND.**
- Tổng số chương trình đã triển khai/ Tổng số chương trình được giao: **9/11 chương trình**
- Tổng số chương trình đã hoàn thành/ Tổng số chương trình được giao: **1/11 chương trình**
- Tổng số chương trình chưa triển khai: **2/11 chương trình**

01 chương trình: Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng công trình nhà học 02 tầng 12 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Thạch Xuân, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh với kinh phí: **5.000.000.000 VND.** (Không thực hiện do địa phương đã xây xong, địa phương đã có văn bản gửi ra PVN và PV Power xin đề xuất sang công trình khác).

01 chương trình: Tiếp tục thực hiện triển khai phòng thực hành STEM với kinh phí **27.000.000.000 VND** (chưa thực hiện do chờ chỉ đạo của PVN)



Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

PV Power đang làm việc với các đối tác để hợp tác đầu tư trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, tìm kiếm nguồn tài trợ từ các tổ chức tín dụng cho vay để thực hiện các dự án năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió, thủy điện... nhằm khai thác tiềm năng thị trường vốn xanh.



CHƯƠNG
03

Báo cáo và Đánh giá
của Ban Tổng giám đốc

| | |
|-----|---|
| 92 | Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh |
| 96 | Tình hình tài chính |
| 97 | Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý |
| 99 | Kế hoạch phát triển trong tương lai |
| 101 | Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán |
| 101 | Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty |



Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh



Chỉ tiêu Doanh thu

Doanh thu của toàn Tổng công ty năm 2025 là **35.364** tỷ đồng, bằng 93% kế hoạch năm 2025 và bằng 110% so với năm 2024.

Doanh thu Công ty Mẹ đạt **25.760** tỷ đồng, bằng 84% kế hoạch năm 2025 và bằng 104% so với năm 2024.

Doanh thu của Tổng công ty không hoàn thành kế hoạch được giao chủ yếu bởi:

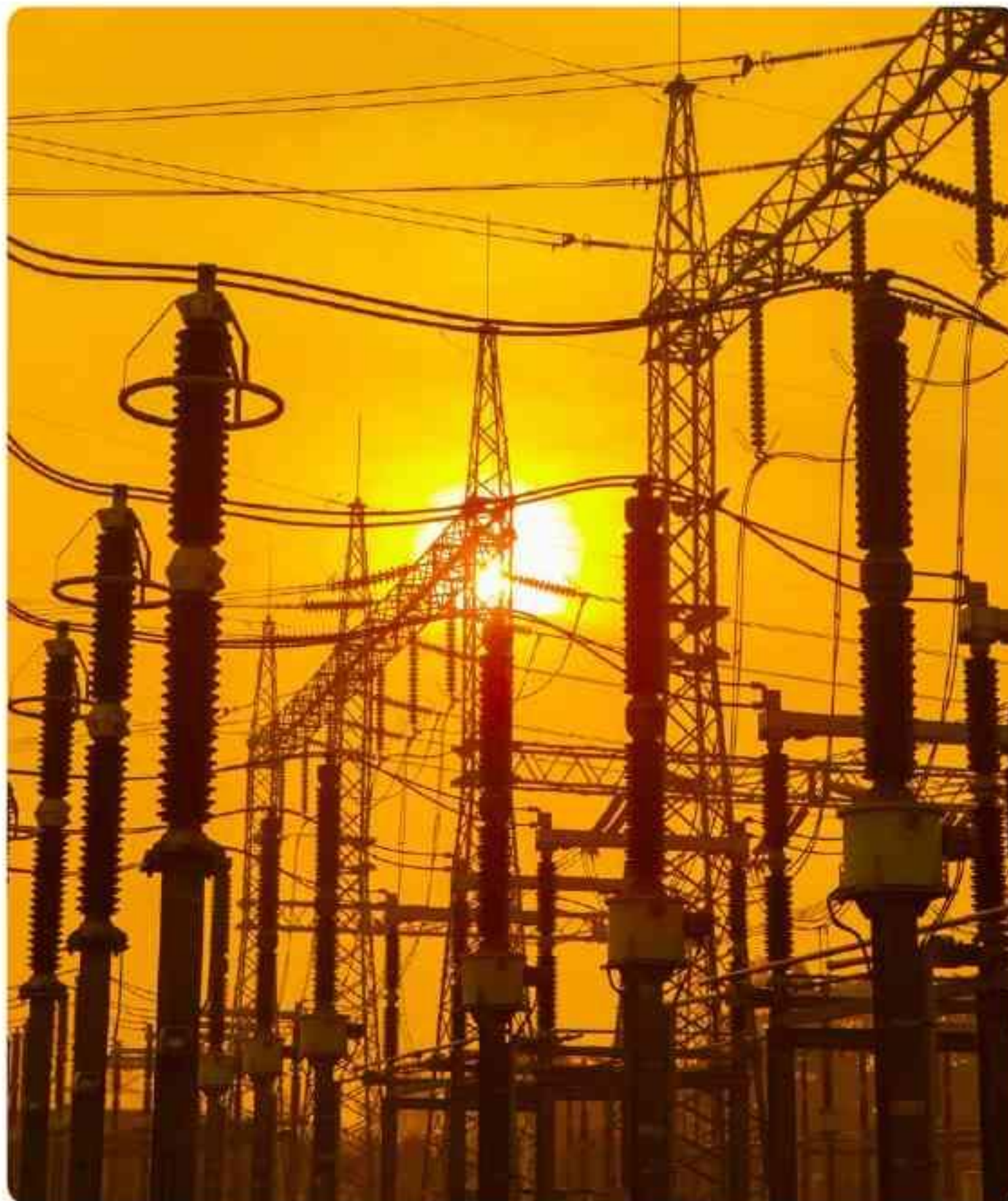
Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 đi vào vận hành thương mại chậm so với Kế hoạch.

Sản lượng điện thấp hơn so với Kế hoạch.



Thực hành tiết giảm chi phí

Tổng chi phí tiết kiệm, tiết giảm được năm 2025 đạt **624** tỷ đồng, đạt 106% so với kế hoạch.



Chỉ tiêu Lợi nhuận

Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ đạt **1.733** tỷ đồng, đạt 224% so với kế hoạch được giao.

Lợi nhuận trước thuế toàn Tổng công ty đạt **3.234** tỷ đồng, đạt 656% kế hoạch được giao.



Nợ ngân sách nhà nước

Nợ ngân sách của Công ty Mẹ trong năm 2025 đạt **631,9** tỷ đồng, đạt 277% kế hoạch được giao.

Toàn Tổng công ty nợ ngân sách đạt **1.258** tỷ đồng, đạt 172% kế hoạch được giao.

Về quản lý kỹ thuật, vận hành sản xuất, sửa chữa bảo dưỡng các nhà máy điện

Đảm bảo an toàn tuyệt đối, đáp ứng yêu cầu huy động của NSMQ, tuân thủ chặt chẽ các quy định hiện hành về môi trường và thị trường điện, hiệu quả cao.

Tổng sản lượng điện toàn Tổng công ty đạt 18,6 TWh, bằng 99% kế hoạch năm 2025.

Các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến sản lượng điện được PVN giao là:

Tăng trưởng phụ tải trong năm thấp chỉ khoảng 4%.

Năm 2025 là năm cơ hiện tượng khí hậu thủy văn cực đoạn đặc biệt, dị thường, lượng mưa lớn, bão lũ lụt kéo dài từ tháng 8 đến cuối năm và trải dài từ khắp miền Bắc, miền Trung và đến Đông Nam Bộ, nền nhiệt thấp, nên sản lượng của các nhà máy nhiệt điện giảm do ưu tiên huy động thủy điện.

Là Công ty đại chúng nên PV Power phải thường xuyên cân đối mục tiêu lợi nhuận và sản lượng tối ưu để hài hòa lợi ích cổ đông và phân đầu hoàn thành nhiệm vụ PVN giao.

Lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật sửa chữa bảo dưỡng và cung ứng nhiên liệu

Về lĩnh vực cung ứng nhiên liệu: PV Power đã nỗ lực phối hợp với các nhà cung cấp để đảm bảo nguồn than sản xuất cho Nhà máy điện Vũng Áng 1. Tổng khối lượng giao nhận than đến hết 31/12/2025 đạt 2,7 triệu tấn/kế hoạch 3 triệu tấn, tương đương 92% kế hoạch năm.

PV Power đã chủ động xây dựng kế hoạch sửa chữa định kỳ phù hợp, hiệu quả, tổ chức triển khai thực hiện sửa chữa định kỳ các nhà máy điện đảm bảo an toàn, tiến độ và duy trì độ khả dụng cao. PV Power TSC, PV Power Services đã phối hợp với các nhà máy thực hiện tốt công tác bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, định kỳ và đột xuất, xử lý các sự cố thiết bị nhằm đảm bảo vận hành an toàn và hiệu quả.

Công tác đầu tư xây dựng

Tập trung triển khai công tác xúc tiến/chuẩn bị đầu tư, quyết toán các dự án đầu tư bao gồm:

Đối với các dự án đã và đang thực hiện đầu tư:

Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4:

- Từ 9h00 ngày 21/11/2025, Tổ máy GT1 Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 với công suất 812 MW chính thức đi vào vận hành thương mại.
- Từ 9h00 ngày 17/12/2025, Tổ máy GT2 Nhà máy điện Nhơn Trạch 4 với công suất 812 MW chính thức đi vào vận hành thương mại.
- Ngày 14/12/2025 Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 đã khánh thành với sự tham dự của Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, Ngành Trung ương, địa phương và các nhà thầu, đối tác của Tổng Công ty.



Dự án Thủy điện Đakrinh và Thủy điện Hòa Nô: Dự án Thủy điện Hòa Nô, tập trung xử lý nốt phần việc còn lại thuộc các nội dung Bồi thường tái định cư, định canh đang thực hiện dở dang. Dự án Thủy điện Đakrinh đang tiếp tục phối hợp các địa phương hoàn thành công tác đến bù – giải phóng mặt bằng còn lại, giải trình, hoàn thiện thủ tục/ hồ sơ quyết toán theo quy định.

Văn phòng làm việc Tổng công ty đã hoàn thành và bàn giao đi vào sử dụng trong tháng 12/2025.

Công tác tìm kiếm cơ hội đầu tư và chuẩn bị đầu tư:

Ngay từ đầu năm, PV Power đã hoàn thành xây dựng kế hoạch 2026-2030 và chiến lược phát triển báo cáo PVN. Đồng thời Tổng Công ty đẩy mạnh các hoạt động tìm kiếm cơ hội đầu tư trên diện rộng để tìm kiếm các cơ hội, thực hiện các thủ tục liên quan để Tổng Công ty đảm bảo phát triển ổn định, xứng tầm với vị thế của mình.

Đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty hoàn toàn tự tin cũng các đối tác có tiềm lực để triển khai các dự án Năng lượng tái tạo và năng lượng mới được giao như:

- Dự án Nhà máy điện LNG: Quỳnh Lập, Vũng Áng 3, Cà Mau 1&2 mở rộng;
- Dự án Nhà máy điện linh hoạt Nhơn Trạch 5;
- Dự án thủy điện tích năng Lâm Sơn, Thủy điện Nậm Sơn 3, ...
- Dự án Điện than Kekong (Lào).

Tổng Công ty cũng đã ký thỏa thuận hợp tác với Tập đoàn Vingroup để cung cấp trạm sạc (PV Power hiện đang đàm phán với V-Green về cung cấp thiết bị trạm sạc), lắp đặt điện mặt trời tại các dự án và bán điện sạch cho Vingroup.

Công tác tái cấu trúc

Năm 2025, PV Power tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu, định hình rõ ràng vai trò của các đơn vị phù hợp với tình hình thực tế và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty:

- Hoàn thành M&A thủy điện Năm Ngon, hoạt động có hiệu quả cao, đánh dấu bước chuyển mình trong đầu tư phát triển với hình thức M&A.
- Hoàn thành báo cáo chiến lược đầu tư, phương án tái cấu trúc các đơn vị thực hiện dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa; Thông qua phương án sắp xếp, đổi mới tổ chức bộ máy và tái cơ cấu doanh nghiệp tinh gọn, nâng cao năng suất lao động PV Power.
- Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động PV Power (sửa đổi bổ sung lần thứ 01 ngày 25/9/2025 theo các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của Tổng công ty.
- Thành lập Tổ Quản trị rủi ro của PV Power tại Quyết định số 871/QĐ-DLĐK ngày 30/9/2025.

Công tác khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tổng công ty đã ban hành nhiều Nghị Quyết/ Quyết định về việc đẩy mạnh phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, với trên 245 sản phẩm sáng tạo và trên 90 sáng kiến được Tổng công ty công nhận/ áp dụng.

Công tác chuyển đổi số được thực hiện từng bước theo lộ trình, trong đó đã chú trọng quan tâm đến công tác an ninh mạng, áp dụng công nghệ vào công tác báo cáo quản trị vào hành, bảo dưỡng sửa chữa nhà máy điện, đặc biệt đang tiến hành triển khai Chatbot giải đáp thông tin nội bộ PV Power, hệ thống này được kỳ vọng sẽ giúp đơn giản hóa việc tra cứu thông tin, các quy chế quy định, giúp cho việc giải quyết công việc được nhanh, chính xác và hiệu quả hơn.

Công tác khác

Tổng công ty tiếp tục quan tâm đến công tác cộng đồng, an sinh xã hội, trong năm 2025 đã ủng hộ hơn 55 tỷ đồng để hỗ trợ xây dựng nhà đại đoàn kết, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt, steam....

Bên cạnh những thành công trong công tác sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển, năm 2025 PV Power đã tổ chức thành công Đại hội Đảng/ công đoàn/ đoàn thanh niên Tổng công ty nhiệm kỳ 2025-2030, đây là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng, là dấu mốc đặc biệt trên con đường phát triển, đồng thời là thời điểm PV Power tiến hành khẩn trương, đồng bộ về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao năng suất lao động từ cơ quan Tổng công ty đến các đơn vị thành viên theo quan điểm chỉ đạo của Chính phủ và Tập đoàn để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Với kết quả đạt được nêu trên năm 2025 PV Power đã vinh dự được nhận các danh hiệu, giải thưởng:

- Được Thủ tướng Chính phủ/ Bộ Tài chính/ Tập đoàn tặng bằng khen/ giấy khen trong công tác Đầu tư Xây dựng Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 cho Tổng công ty/ các Ban chức năng và tập thể/cá nhân có thành tích xuất sắc trong quá trình đầu tư xây dựng Nhà máy.
- Lần thứ 6 liên tiếp được vinh danh trong Top 100 Doanh nghiệp bền vững Việt Nam.
- Năm thứ 3 liên tiếp PV Power góp mặt trong nhóm doanh nghiệp có báo cáo thường niên chất lượng cao nhất.
- Năm thứ năm liên tiếp, được công nhận là "Doanh nghiệp tiêu biểu vì Người lao động".
- PV Power được Forbes Việt Nam vinh danh Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất năm 2025.

Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu | 31/12/2024 (Tỷ đồng) | 31/12/2025 (Tỷ đồng) | % Tăng/giảm |
|------------------|-------------------------|-------------------------|-------------|
| Tài sản ngắn hạn | 29.981 | 37.008 | 23,44% |
| Tài sản dài hạn | 49.934 | 51.604 | 3,34% |
| Tổng tài sản | 79.915 | 88.612 | 10,88% |
| Nợ phải trả | 45.234 | 51.396 | 13,62% |
| Nợ ngắn hạn | 33.457 | 31.612 | -5,51% |
| Nợ dài hạn | 11.777 | 19.784 | 67,99% |
| Vốn chủ sở hữu | 34.681 | 37.216 | 7,31% |
| Tổng nguồn vốn | 79.915 | 88.612 | 10,88% |



Tình hình tài sản

Tại thời điểm 31/12/2025, Tổng tài sản đạt 88.612 tỷ đồng, tăng 10,88% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó:

• **Tài sản ngắn hạn đạt 37.008 tỷ đồng**, tương ứng tăng 23,44% so với cùng kỳ năm 2024

Trong năm 2025, cơ cấu tài sản ngắn hạn của Công ty có sự dịch chuyển đáng kể so với đầu năm 2024. Tổng tài sản ngắn hạn tăng từ 29.981 tỷ đồng lên 37.008 tỷ đồng, cho thấy quy mô vốn lưu động được mở rộng.

Cụ thể, tiền và các khoản tương đương tiền giảm mạnh từ 11.564 tỷ đồng xuống 6.738 tỷ đồng. Ngược lại, đầu tư tài chính ngắn hạn tăng mạnh từ 4.112 tỷ đồng lên 12.531 tỷ đồng, cho thấy Tổng công ty đã chuyển dịch một phần dòng tiền sang các kênh đầu tư sinh lời ngắn hạn.

Bên cạnh đó, các khoản phải thu ngắn hạn tăng từ 11.873 tỷ đồng lên 14.578 tỷ đồng, phản ánh quy mô công nợ khách hàng gia tăng theo hoạt động kinh doanh. Hàng tồn kho cũng tăng từ 1.795 tỷ đồng lên 2.174 tỷ đồng, tài sản ngắn hạn khác tăng từ 636 tỷ đồng lên 987 tỷ đồng.

Nhìn chung, cơ cấu tài sản ngắn hạn trong năm 2025 có xu hướng giảm tỷ trọng tiền mặt, tăng tỷ trọng đầu tư tài chính và các khoản phải thu, phản ánh việc Tổng công ty chủ động sử dụng vốn (liên kết hoặc nhận tài trợ) ưu tiên hiệu quả sinh lời, đồng thời mở rộng hoạt động kinh doanh.

• Trong năm 2025, Giá trị Tài sản dài hạn của Tổng công ty đạt 51.604 tỷ đồng, tăng 3,44% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó cơ cấu tài sản dài hạn có sự dịch chuyển về Tài sản cố định, cụ thể Tổng giá trị tài sản cố định tăng mạnh từ 24.321 tỷ đồng lên 45.788 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu do các khoản chi phí Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 đã hoàn thành và được ghi nhận thành tài sản cố định

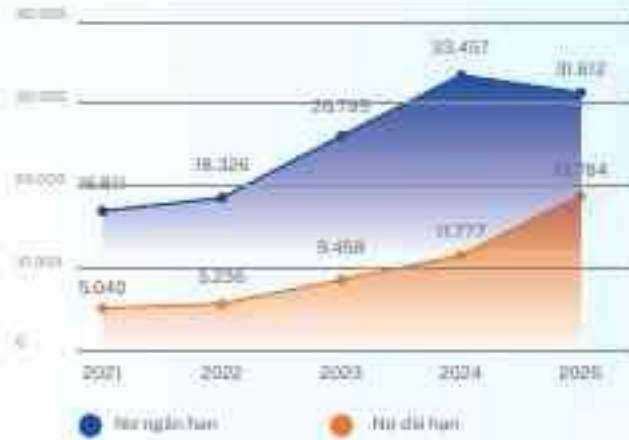


Tình hình nợ phải trả

Tại thời điểm 31/12/2025, Nợ phải trả của Tổng công ty đạt 51.396 tỷ đồng, tương ứng tăng 13,62% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó:

• **Nợ ngắn hạn đạt 31.612 tỷ đồng**, tương ứng giảm 5,51% so với năm 2024

• **Nợ dài hạn đạt 19.784 tỷ đồng**, tương ứng tăng 67,99% so với năm 2024. Nguyên nhân chủ yếu do trong năm 2024 Tổng công ty thực hiện vay để tài trợ cho Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công tác tái cơ cấu doanh nghiệp

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG PHƯƠNG ÁN TÁI CƠ CẤU TỔNG CÔNG TY GIAI ĐOẠN 2021-2025, được PVN chấp thuận thông qua tại Nghị quyết số 239/NQ-ĐLĐK ngày 09/01/2025 và Hội đồng quản trị PV Power phê duyệt, ban hành tại Quyết định số 93/QĐ-ĐLĐK ngày 17/02/2025. Theo đó, bổ sung PV Power ĐHC vào danh sách các đơn vị nắm cổ phần chi phối; thay đổi phương án sắp xếp/tái cơ cấu PV Power Hạ Tĩnh và PV Power NT; Tổng công ty chủ động đánh giá, lựa chọn phương án và quyết định thời điểm thoái vốn tại các công ty/đơn vị liên kết của PV Power.



THỰC HIỆN CÔNG TÁC TÁI CƠ CẤU TRONG NĂM 2025:

- **Điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh** (lần thứ 17 ngày 06/8/2025 và lần thứ 18 ngày 14/10/2025) để (i) bổ sung ngành nghề kinh doanh cho thuê văn phòng nhằm tối ưu hoá tài sản sẵn có và khai thác sử dụng hiệu quả toà nhà trụ sở văn phòng làm việc mới của PV Power; (ii) cập nhật thông tin địa chỉ trụ sở chính theo địa giới hành chính sau sáp nhập và điều chỉnh chi tiết ngành, nghề kinh doanh nhằm phục vụ việc chào bán/phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ PV Power.
- **Kiện toàn cơ cấu tổ chức của PV Power HHC** tại Nghị quyết số 10/NQ-ĐLĐK ngày 13/02/2025 của Hội đồng quản trị PV Power sau khi hoàn tất việc mua bán/sáp nhập (M&A) và tiếp nhận nhà máy thủy điện Năm Nơn.
- **Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động PV Power** theo các nội dung được ĐHCĐ bắt thường năm 2025 thông qua (sửa đổi bổ sung lần thứ 6) ngày 25/9/2025. Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng và các Ban chức năng thuộc PV Power (Quyết định số 710 ngày 15/8/2025 của Tổng giám đốc Tổng công ty) để phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Power.
- **Hội đồng quản trị phê duyệt và ban hành phương án sắp xếp, đổi mới tổ chức bộ máy, tái cơ cấu doanh nghiệp tinh gọn, nâng cao năng suất lao động** Tổng công ty tại Nghị quyết số 83/NQ-ĐLĐK ngày 28/10/2025, làm cơ sở để Tổng công ty triển khai thực hiện.
- **Ngày 30/9/2025, PV Power đã thành lập bộ phận quản trị rủi ro** chuyên trách với mục đích giúp Tổng công ty nhận diện, đánh giá, ứng phó và giám sát các rủi ro, hạn chế tác động tiêu cực của rủi ro khi xảy ra, nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị doanh nghiệp.
- **Giao PV Power TSC quản lý, vận hành, khai thác sử dụng Xưởng gia công phục hồi tại Nhơn Trạch** và giao PV Power NT tiếp nhận, quản lý và vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 sau khi hoàn tất công tác đầu tư xây dựng dự án và đưa nhà máy vào vận hành thương mại.
- **Hoàn thiện các báo cáo, giải trình về công tác tổ chức, đổi mới phát triển doanh nghiệp** theo yêu cầu của Tập đoàn, các đoàn kiểm tra/giám sát của Kiểm toán Nhà nước, Sở Nội vụ, ... tại doanh nghiệp.

Những cải tiến về chính sách, quản lý:

PV Power thường xuyên cập nhật, điều chỉnh các quy chế, quy định nội bộ liên quan đến quản lý lao động, tuyển dụng, sử dụng lao động, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm bảo đảm tuân thủ Bộ luật Lao động và các văn bản hướng dẫn. Công tác quản lý lao động được chuẩn hóa thông qua việc áp dụng hệ thống phần mềm quản trị nhân sự (Hstaff), góp phần nâng cao hiệu quả quản lý hồ sơ, theo dõi biến động lao động, tiền lương và các chế độ chính sách đối với người lao động.

Bên cạnh đó, Tổng công ty tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, thúc đẩy chuyển đổi số trong công tác nhân sự: từng bước số hóa dữ liệu lao động, tiền lương và hồ sơ nhân sự, bảo đảm tính chính xác, kịp thời và thuận tiện trong công tác tổng hợp, báo cáo. Công tác báo cáo lao động, tiền lương và các chế độ chính sách được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, góp phần nâng cao tính minh bạch và hiệu quả trong quản lý.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Nhiệm vụ, kế hoạch trọng tâm năm 2026



1. Tổ chức triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Power đảm bảo bám sát các mục tiêu tăng trưởng, đảm bảo hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2026 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.



2. Quản lý vận hành sản xuất và bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện đảm bảo thiết bị khả dụng cao, tối ưu công suất, vận hành an toàn - ổn định - liên tục - tin cậy. Phần đầu tổng sản lượng điện năm 2026 đạt 21.615 tỷ kWh.



3. Bám sát diễn biến thị trường điện cạnh tranh, xây dựng và áp dụng chiến lược chào giá tối ưu nhằm tối đa hóa hiệu quả kinh tế và lợi nhuận. Triển khai các công việc cần thiết để sẵn sàng tham gia thị trường bán buôn điện cạnh tranh theo lộ trình.



4. Chủ động đàm phán ký hợp lý cho các các Nhà máy điện, đặc biệt tại Nhà máy điện Cà Mau 1&2 và TOP khi phù hợp kế hoạch phân bổ, bảo đảm an toàn vận hành, tối ưu chi phí nhiên liệu. Đồng thời, thu xếp nguồn khí bổ sung cho khu Tây Nam Bộ và LNG cho các Nhà máy điện khu Đông Nam Bộ.



5. Đảm bảo cung cấp than ổn định, dài hạn cho Nhà máy điện Vũng Áng 1 (ưu tiên than 5a,10); đẩy mạnh tiêu thụ tro xỉ để bảo đảm vận hành liên tục; triển khai đàm phán giá điện chính thức cho Nhà máy điện Vũng Áng 1 sau khi quyết toán được phê duyệt và làm việc với EVN về cơ chế giá điện khi sử dụng than chất bốc cao.



6. Tổ chức thực hiện sửa chữa định kỳ các Nhà máy điện: đại tu Nhà máy điện Cà Mau 1, trung tu Nhà máy điện Vũng Áng 1, đại tu Nhà máy điện Đakrinh, đại tu tổ máy H2 Nhà máy điện Năm Nơn; tiểu tu các Nhà máy điện Cà Mau 2, Nhà máy điện Hòa Na, tổ máy H1 Nhà máy điện Năm Nơn; bảo dưỡng định kỳ Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 (tại 4.000/8.000 FFH) trong năm 2026 đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn. Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cho công tác bảo dưỡng sửa chữa năm 2027.



7. Nâng cao quản trị tài chính và giám sát nội bộ; quản lý dòng tiền, mua sắm, tồn kho và các khoản phải thu, bảo đảm sử dụng vốn đúng mục đích, an toàn và hiệu quả. Tăng cường kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động các đơn vị thành viên; tối ưu cơ cấu tổ chức và nâng cao năng suất lao động.



8. Hoàn thành và phê duyệt các định mức bảo dưỡng sửa chữa, tồn kho vật tư để quản lý và giám sát công tác bảo dưỡng sửa chữa, mua sắm vật tư dự phòng phục vụ công tác quản trị doanh nghiệp.



9. Phối hợp với PV Gas trong việc xây dựng phương án đảm bảo nguồn cung khí cho khu vực Cà Mau giai đoạn từ sau năm 2027, có kịch bản/phương án dự phòng trong trường hợp khi việc phát triển các mỏ khí mới (như Nam Du - U Minh, Khánh Mỹ - Đầm Đồi), sản lượng khí về bờ không như dự kiến hoặc đầu tư bổ sung dự án Nhà máy điện Cà Mau mở rộng, làm ảnh hưởng đến việc đáp ứng nhu cầu tiêu thụ khí của các Nhà máy điện.



10. Hoàn thành công tác quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ - PV Power và thực hiện quyết toán đầu tư dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 sau khi đưa vào vận hành thương mại theo quy định. Chỉ đạo Người đại diện phần vốn của PV Power tại các đơn vị thành viên hoàn thành việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư các dự án thủy điện Hòa Na, Đakrinh. Cập nhật và hoàn thiện hệ thống quản trị danh mục đầu tư bao gồm các dự án mua bán - sáp nhập (M&A) rà soát và sắp xếp thứ tự ưu tiên nhằm tập trung nguồn lực cho các dự án trọng điểm và nâng cao hiệu quả phân bổ vốn.



11. Tổ chức triển khai các dự án đã được phê duyệt; thực hiện đầy đủ công tác chuẩn bị đầu tư đối với các dự án trong giai đoạn nghiên cứu, đồng thời phát triển các mô hình hợp tác kinh doanh mới trong lĩnh vực hạ tầng và dịch vụ năng lượng, bảo đảm phù hợp với chiến lược phát triển của PVN và PV Power đến năm 2030, tầm nhìn 2050. Tiếp tục nghiên cứu và mở rộng danh mục dự án trong các lĩnh vực điện khí LNG, năng lượng tái tạo, thủy điện, lưu trữ năng lượng và hạ tầng năng lượng chiến lược; chủ động tìm kiếm các cơ hội hợp tác đầu tư hoặc M&A đối với các dự án tiềm năng trong và ngoài nước phù hợp xu thế chuyển dịch năng lượng.



12. Nghiên cứu thành lập các Công ty cổ phần để triển khai xúc tiến, thực hiện đầu tư dự án Nhà máy điện LNG Vũng Áng 3 (Hà Tĩnh), Nhà máy điện LNG Quỳnh Lập (Nghệ An), Công ty cổ phần đầu tư quốc tế PV Power (PVPI), Công ty lắp ráp, cung cấp thiết bị trạm sạc xe điện theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với EN và V-green (sau khi được cấp có thẩm quyền thông qua).



13. Triển khai các nhiệm vụ tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp theo chỉ đạo của Tập đoàn. Rà soát mô hình tổ chức tinh gọn bộ máy từ Công ty mẹ đến các đơn vị thành viên. Nghiên cứu, xây dựng phương án cổ phần hóa các chi nhánh (Cà Mau, Nhơn Trạch, Vũng Áng 1...) để đảm bảo cân đối vốn phục vụ như cầu đầu tư giai đoạn tiếp theo.



14. Hoàn thiện Chiến lược Phát triển của PV Power đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trình Đại hội đồng cổ đông thông qua sau khi có ý kiến thông qua của Tập đoàn.



15. Thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, ứng dụng công nghệ mới, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP theo lộ trình báo đảm (lịch hợp), đồng bộ dữ liệu sản xuất kinh doanh với Tập đoàn và vận hành hệ thống ERP thông suốt, hiệu quả.



16. Tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động; tăng cường kiểm soát rủi ro, phòng chống cháy nổ, bảo đảm an toàn - sức khỏe - môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các Nhà máy điện. Đối với các nhà máy thủy điện phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác điều tiết lũ và đảm bảo thay lợi.



17. Triển khai công tác An sinh xã hội, truyền thông và Văn hóa doanh nghiệp theo đúng quy định trên cơ sở đảm bảo phù hợp và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.



18. Thực hiện các nhiệm vụ khác được Đại hội đồng cổ đông giao.

Các chỉ tiêu kế hoạch chính



Kế hoạch tài chính toàn Tổng công ty (Hợp nhất)



Kế hoạch Công ty mẹ

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch 2026 |
|----|---------------------------------|-------------|---------------|
| 1 | Vốn chủ sở hữu | Tỷ đồng | 34.759 |
| | Trong đó: Vốn điều lệ | Tỷ đồng | 30.679 |
| | Tỷ lệ tham gia của Tập đoàn | % | 79,94 |
| 2 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 41.721 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 1.189 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 1.097 |
| 5 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VCSH | % | 3,2 |
| 6 | Hệ số nợ/VCSH | lần | 1,4 |
| 7 | Tỷ lệ chia cổ tức/Vốn điều lệ | % | - |
| 8 | Nộp NSNN | Tỷ đồng | 358 |

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch 2026 |
|-----|-------------------------------------|-------------|---------------|
| I | Tổng nhu cầu vốn đầu tư | Tỷ đồng | 1.739 |
| 1 | Đầu tư xây dựng cơ bản | Tỷ đồng | 375 |
| 2 | Mua sắm TTB, tài sản cố định | Tỷ đồng | 287 |
| 3 | Đầu tư tài chính (góp vốn vào ĐVTV) | Tỷ đồng | 1.077 |
| II | Nguồn vốn đầu tư | Tỷ đồng | 1.739 |
| 1 | Vốn Chủ sở hữu | Tỷ đồng | 1.459 |
| 2 | Vốn vay và khác | Tỷ đồng | 279 |
| III | Giá trị giải ngân trong năm | Tỷ đồng | 5.671 |
| 1 | Vốn Chủ sở hữu | Tỷ đồng | 4.243 |
| 2 | Vốn vay và khác | Tỷ đồng | 1.428 |

Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán

Không có;

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường



| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Số lượng |
|--|----------------------|---------------|
| Nước sạch tiêu thụ | m ³ | 1.816.112 |
| Nước mặt làm mát ⁽¹⁾ | m ³ | 1.536.214.927 |
| Tiêu thụ năng lượng (tỉ lệ điện tự dùng) | % | 4,25 |
| Tổng lượng khí thải | triệu m ³ | 126 |
| Tổng lượng nước thải ⁽²⁾ | m ³ | 291.487.757 |
| Chất thải rắn thông thường | tấn | 808 |
| Tro xỉ nhiệt điện than | tấn | 812.713 |
| Chất thải nguy hại | tấn | 395 |

(1) trong đó 1.121.713.550 m³ nước biển sử dụng tại Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1;
 (2) trong đó 209.295.250 m³ nước biển dùng cho hệ thống FGD (hệ thống khử lưu huỳnh khí thải) tại Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 sử dụng nước biển để khử lưu huỳnh thay cho hệ thống dùng đá vôi truyền thống.
 Tất cả khối lượng chất thải rắn thông thường và nguy hại phát sinh đều được các nhà máy thuê đơn vị đủ năng lực xử lý, nước thải trước khi xả vào môi trường đều được xử lý đảm bảo tiêu chuẩn.
 Năm 2025, PV Power và PV Power Hà Tĩnh đã tiêu thụ được 812.713 tấn tro xỉ trong đó 603.920 tấn tro xỉ trực tiếp tái sử dụng và 209.893 tấn hỗn hợp tro xỉ tái sử dụng khác.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

PV Power luôn bảo đảm thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về lao động, tiền lương, bảo hiểm và các chế độ, chính sách đối với người lao động. Quan hệ lao động tại Tổng công ty cơ bản ổn định, hài hòa; quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động được bảo đảm theo quy định của Bộ luật Lao động và các thỏa ước, quy chế nội bộ.

Tổng công ty thực hiện ký kết hợp đồng lao động, bố trí việc làm, trả lương và các khoản phụ cấp đúng quy định; đồng thời thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Công tác tiền lương, thưởng và phúc lợi được triển khai minh bạch, gắn với hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động, góp phần nâng cao đời sống và tạo động lực làm việc cho người lao động.

PV Power cũng chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng năng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng cho người lao động; tạo điều kiện để người lao động phát triển nghề nghiệp, nâng cao năng lực đáp ứng yêu cầu vận hành các nhà máy điện và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong tình hình mới. Các hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, an toàn vệ sinh lao động và đời hoạt tại nơi làm việc được duy trì thường xuyên, góp phần xây dựng môi trường làm việc ổn định, an toàn và gắn kết.

Nhìn chung, tình hình người lao động tại PV Power ổn định, chấp hành tốt nội quy, quy chế của đơn vị chưa phát sinh tranh chấp lao động tập thể, đình công hoặc khiếu nại, tố cáo phức tạp liên quan đến quan hệ lao động.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

PV Power luôn nhận thức một cách cụ thể, rõ ràng về trách nhiệm của PV Power đối với cộng đồng đặc biệt trong môi trường cạnh tranh, xã hội ngày càng có cái nhìn khắt khe hơn đối với doanh nghiệp về bản phân, trách nhiệm trước cộng đồng, xã hội. Hiện nay, trách nhiệm của các doanh nghiệp đối với xã hội ngày càng trở nên quan trọng hơn. Doanh nghiệp muốn phát triển bền vững không chỉ bảo đảm sản xuất kinh doanh phải có lợi nhuận, mà còn cả những chuẩn mực về bảo vệ môi trường thiên nhiên, môi trường lao động, về thực hiện bình đẳng giới, an toàn lao động, quyền lợi lao động...

Các hoạt động thể hiện trách nhiệm xã hội của Tổng công ty được thống nhất triển khai tới toàn bộ các đơn vị thành viên/trực thuộc thông qua việc triển khai các chương trình công tác gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo nên ảnh hưởng tốt cho xã hội ở từng địa phương ví dụ:

- PV Power và các đơn vị thành viên thường xuyên có các hoạt động tại các địa phương nhằm hỗ trợ cộng đồng cũng như thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp như thực hiện tốt việc quản lý/xử lý tốt chất thải/chất thải độc hại, hướng ứng các hoạt động thường niên về công tác bảo vệ môi trường, làm sạch bãi biển, trồng cây xanh, khôi phục cống rãnh vào các ngày Môi trường thế giới, ngày Nước thế giới, chiến dịch gò trái đất...
- Các đơn vị sản xuất của PV Power có khai thác sử dụng nguồn nước đều đã ký hợp đồng với Quý môi trường rừng của địa phương để đồng phi dịch vụ môi trường rừng tương ứng với phần nước khai thác. Năm 2025, PV Power đã đóng 64.699 triệu đồng tiền phi dịch vụ môi trường rừng.
- Các đơn vị vận hành nhà máy thủy điện luôn tuân thủ quy định vận hành liên hồ, thường xuyên phối hợp với địa phương để điều tiết thủy lợi trên lưu vực sông phù hợp với kế hoạch phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; đã phối hợp với địa phương trồng rừng, tái định cư các hộ dân tại khu vực tổng hồ đúng quy định.
- Đối với đơn vị vận hành nhà máy nhiệt điện đều kiểm soát liên tục nguồn nước thải, khí thải đảm bảo tuân thủ quy chuẩn về môi trường; số liệu được hiển thị trên bảng thông tin công khai tại từng nhà máy.
- Trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh PV Power luôn xem xét phương án hạn chế thấp nhất những tác động bất lợi đến lợi ích của cộng đồng (các nhà máy điện của PV Power đều nằm trong khu công nghiệp, xa khu dân cư, hạn chế thấp nhất nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn giao thông, nguy cơ thiệt hại đến người dân khi xảy ra sự cố cháy nổ...).
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực qua hoạt động đào tạo, tăng cường ứng dụng công nghệ mới nhằm tăng năng suất lao động, giảm hao phí xã hội, nâng cao lợi nhuận doanh nghiệp qua sử dụng vốn đầu tư hiệu quả, chi phí thấp. Phối hợp với các tổ chức công đoàn thực thi đầy đủ hoặc cao hơn luật định trách nhiệm về vật chất, tinh thần đối với người lao động của đơn vị.
- PV Power luôn tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội hướng tới cộng đồng: Hoạt động hỗ trợ khắc phục thiên tai, hỗ trợ người nghèo, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và các hoạt động hỗ trợ về giáo dục, tích cực tham gia các chương trình hiến máu nhân đạo...





CHƯƠNG
04 | *Đánh giá*
của Hội đồng quản trị
về hoạt động của Tổng công ty

- 106: Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
- 108: Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Tổng công ty
- 109: Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Đánh giá chung hiệu quả hoạt động

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 của PV Power, Nghị quyết số 73/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/09/2025 của ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 của Tổng công ty, với tư cách lãnh đạo, chỉ đạo của Hội đồng quản trị (HDQT), Ban điều hành, Tập thể CBCNV PV Power đã nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ được giao và đạt được một số kết quả vượt trội so với kế hoạch:

Kết quả Hợp nhất Tổng công ty

Tổng doanh thu:

Đạt **35.364** tỷ đồng, bằng 93% kế hoạch năm.

Lợi nhuận sau thuế:

Đạt **3.007** tỷ đồng, đạt 685% kế hoạch năm và tăng 148% so với cùng kỳ.

Lợi nhuận trước thuế:

Đạt **3.234** tỷ đồng, bằng 656% kế hoạch năm và tăng 134% so với năm 2024.

Nộp Ngân sách Nhà nước:

Thực hiện **1.258** tỷ đồng, đạt 172% kế hoạch.

Kết quả của Công ty mẹ

Doanh thu:

Đạt **25.760** tỷ đồng, bằng 84% kế hoạch, tăng 4% so với năm 2024.

Nộp Ngân sách Nhà nước:

Thực hiện **631,9** tỷ đồng, bằng 227% kế hoạch.

Lợi nhuận sau thuế:

Đạt **1.684** tỷ đồng, đạt 228% kế hoạch.

Vốn điều lệ:

Hoàn thành tăng vốn lên mức **30.678.455.880.000** đồng sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép và thực hiện phát hành thành công, góp phần nâng cao năng lực tài chính và khả năng triển khai các dự án đầu tư phát triển.

Đánh giá theo các lĩnh vực

Quản lý kỹ thuật - vận hành

HDQT đã phê duyệt Định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng hàng năm cho các Nhà máy điện của Tổng công ty và Định mức bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, định mức mức bảo dưỡng sửa chữa định kỳ cho Nhà máy điện Vũng Áng 1, Nhà máy điện Nhơn Trạch 1, Cà Mau 1&2; Thông qua để Người đại diện phần vốn phê duyệt Định mức mức bảo dưỡng sửa chữa định kỳ Nhà máy điện Hòa Na. Công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ và xử lý bất thường được triển khai đúng kế hoạch, đảm bảo các nhà máy vận hành an toàn, ổn định, hiệu quả và duy trì độ khả dụng cao.

Công tác thương mại và nhiên liệu

Tổng công ty đảm bảo đầy đủ, kịp thời nguồn nhiên liệu (khí LNG, than), phục vụ vận hành các nhà máy điện; đồng thời hoàn thiện, ký kết các hợp đồng mua bán điện, hợp đồng nhiên liệu cho các dự án mới, đặc biệt là các Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4. Công tác bảo hiểm tài sản được thực hiện đầy đủ, góp phần kiểm soát rủi ro trong sản xuất kinh doanh.

Công tác tài chính

HDQT đã chỉ đạo quyết liệt việc hoàn tất thủ tục tăng vốn điều lệ, triển khai các giải pháp tín dụng; đồng thời tiếp tục phối hợp với các cấp có thẩm quyền trong công tác quản lý toàn có phần hóa và quyết toán các dự án hoàn thành.

Đầu tư xây dựng

Năm 2025 ghi dấu mốc quan trọng với việc hoàn thành và khánh thành Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4. Bên cạnh đó, HDQT đã chỉ đạo triển khai các dự án trọng điểm khác như Trụ sở làm việc Tổng công ty. Dự án điện khí LNG Quảng Ninh và quyết toán các dự án thủy điện theo quy định song song với việc nghiên cứu, xúc tiến các dự án đầu tư phát triển mới.

Tài cơ cấu và quản trị doanh nghiệp

PV Power tiếp tục sắp xếp, tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả quản trị và năng suất lao động; tăng cường giám sát, quản trị rủi ro; hoàn thiện hệ thống quy chế nội bộ và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định đối với công ty đại chúng.

Nhân sự - lao động - tiến lương

HDQT quan tâm chỉ đạo công tác định biên, chế độ tiền lương, khen thưởng và phúc lợi thu nhập người lao động được duy trì ổn định. PV Power tiếp tục được ghi nhận là "Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động".

An toàn - sức khỏe - môi trường và an sinh xã hội

Tổng công ty đảm bảo an toàn tuyệt đối trong vận hành, không để xảy ra sự cố nghiêm trọng về môi trường và cháy nổ; duy trì hiệu quả hệ thống quản lý An toàn - Sức khỏe - Môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế; tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội, thể hiện trách nhiệm với cộng đồng.

Khoa học công nghệ và chuyển đổi số

HDQT đã ban hành chương trình hành động về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; triển khai các phần mềm quản trị, giám sát vận hành và bảo dưỡng sửa chữa, từng bước nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp.

Quan hệ cổ đông

Công tác công bố thông tin, truyền thông và quan hệ nhà đầu tư được thực hiện minh bạch, chuyên nghiệp, tuân thủ quy định pháp luật đối với công ty niêm yết; tổ chức thành công các hội thảo, sự kiện gặp gỡ nhà đầu tư. PV Power tiếp tục được các tổ chức uy tín vinh danh về hiệu quả hoạt động và chất lượng báo cáo thường niên.





Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty

HDQT đánh giá Ban Tổng giám đốc đã điều hành Tổng công ty tuân thủ pháp luật, Điều lệ, Quy chế/Quy định nội bộ và các nghị quyết của HDQT, phát huy tinh thần chủ động, trách nhiệm, phối hợp chặt chẽ với HDQT trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Công tác điều hành linh hoạt, minh bạch, hiệu quả, góp phần hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025.

Định hướng và kế hoạch năm 2026

- 01 HDQT tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh
- 02 Nâng cao hiệu quả vận hành các nhà máy điện
- 03 Đảm bảo nguồn nhiên liệu ổn định
- 04 Đẩy mạnh đầu tư các dự án trọng điểm, đặc biệt trong lĩnh vực điện khí LNG và năng lượng sạch
- 05 Tăng cường quản trị rủi ro, chuyển đổi số, phát triển nguồn nhân lực và thực hiện tốt trách nhiệm môi trường - xã hội, hướng tới phát triển bền vững.

CHƯƠNG 05 | Quản trị công ty

| | |
|-----|---|
| 112 | Hội đồng quản trị |
| 122 | Ban Kiểm soát |
| 124 | Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát |

Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

| TT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Tỷ lệ sở hữu cổ phần (*) | Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn (**) |
|----|-------------------------|------------------------------------|--------------------------|---------------------------------|
| 1 | Ông Hoàng Văn Quang | Chủ tịch HĐQT | 0% | 24,94% |
| 2 | Ông Lê Như Linh | Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc | 0% | 20% |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích | Thành viên HĐQT | 0,0018% | 10% |
| 4 | Bà Vũ Thị Tố Nga | Thành viên HĐQT | 0% | 10% |
| 5 | Bà Nguyễn Hoàng Yến | Thành viên HĐQT | 0% | 5% |
| 6 | Ông Nguyễn Anh Tuấn | Thành viên HĐQT | 0% | 10% |
| 7 | Ông Vũ Chí Cường (***) | Thành viên độc lập HĐQT | 0% | 0% |
| 8 | Ông Phạm Ngọc Khuê | Thành viên độc lập HĐQT | 0% | 0% |
| 9 | Ông Nguyễn Bá Phước | Thành viên độc lập HĐQT | 0% | 0% |

(*) Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành

(**) Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam

(***) ĐHQĐ PV Power đã thông qua việc miễn nhiệm chức danh Thành viên độc lập HĐQT từ ngày 22/04/2025 đối với Ông Vũ Chí Cường.



Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Căn cứ các quy định hiện hành thì việc thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị là không bắt buộc. Vì vậy, cho đến thời điểm này Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Cơ cấu và Hoạt động của Hội đồng quản trị



Thành phần HĐQT:

Tính đến ngày 31/12/2025, HĐQT Tổng công ty gồm 08 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập. Cơ cấu này đảm bảo tuân thủ đầy đủ quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ Tổng công ty về tỷ lệ thành viên độc lập, giúp tăng cường tính khách quan trong các quyết sách chiến lược.

Hoạt động chỉ đạo:

HĐQT đã tổ chức 12 cuộc họp định kỳ và chuyên đề, ban hành 43 Nghị quyết/Quyết định để thực hiện chức năng quản trị hoạt động của Tổng công ty và chỉ đạo Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được ĐHQĐ giao. Các nội dung tập trung vào: Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh, phê duyệt các dự án đầu tư trọng điểm (Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4, LNG Quảng Ninh), quyết định các phương án huy động vốn (IECA, tín dụng trong nước) và kiến toàn bộ máy tổ chức.



Các cuộc họp HĐQT trong năm 2025

| TT | Thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp (%) | Lý do không tham dự họp |
|----|---|--------------------------|-----------------------|--|
| 1 | Ông Hoàng Văn Quang-Chủ tịch HĐQT | 12 | 100% | |
| 2 | Ông Lê Như Linh -Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc | 12 | 100% | |
| 3 | Bà Nguyễn Hoàng Yến - Thành viên HĐQT | 12 | 100% | |
| 4 | Bà Vũ Thị Tố Nga -Thành viên HĐQT | 12 | 100% | |
| 5 | Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích - Thành viên HĐQT | 12 | 100% | |
| 6 | Ông Nguyễn Anh Tuấn -Thành viên HĐQT | 12 | 100% | |
| 7 | Ông Vũ Chí Cường - Thành viên độc lập HĐQT (Ngày 26/12/2024, Ông Vũ Chí Cường được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng giám đốc Chi nhánh Tập đoàn - Công ty Điều hành Dầu khí Phú Quốc (PQPOC). Căn cứ Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Ông Vũ Chí Cường không còn đủ điều kiện và điều kiện để tiếp tục đảm nhận vai trò Thành viên độc lập HĐQT PV Power kể từ ngày 26/12/2024 | 0 | 0% | Chuyển công tác, miễn nhiệm chức danh Thành viên độc lập HĐQT từ ngày 22/04/2025 |
| 8 | Ông Nguyễn Bá Phước -Thành viên độc lập HĐQT | 12 | 100% | |
| 9 | Ông Phạm Ngọc Khuê - Thành viên độc lập HĐQT | 09 | 100% | Bổ nhiệm chức danh Thành viên độc lập HĐQT từ ngày 22/04/2025 |

Các Nghị quyết/ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông

| TT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|----|----------------------------------|------------|--|
| I | Đại hội đồng cổ đông thường niên | | |
| 1 | 34/NQ-DHĐCĐ | 22/04/2025 | Thông qua các nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của PV Power |
| 2 | 35/NQ-DHĐCĐ | 22/04/2025 | Bầu ông Phạm Ngọc Khuê giữ chức Thành viên độc lập Hội đồng quản trị PV Power |
| 3 | 36/NQ-DHĐCĐ | 22/04/2025 | Bầu ông Nguyễn Anh Tuấn giữ chức Thành viên Hội đồng quản trị PV Power |
| II | Đại hội đồng cổ đông bất thường | | |
| 1 | 73/NQ-DHĐCĐ | 25/09/2025 | Thông qua các nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của PV Power |



Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

| TT | Số nghị quyết/ quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|----|------------------------------|------------|--|-----------------------|
| 1 | 01/NQ-ĐLĐK | 07/01/2025 | NQ tại cuộc họp định kỳ Quý IV năm 2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP | 100% |
| 2 | 50/QĐ-ĐLĐK | 17/01/2025 | Phê duyệt kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2025 của PV Power | 100% |
| 3 | 51/QĐ-ĐLĐK | 17/01/2025 | Phê duyệt kế hoạch hoạt động năm 2025 của bộ phận Kiểm toán nội bộ PV Power | 100% |
| 4 | 04/NQ-ĐLĐK | 20/01/2025 | Hội nghị tổng kết công tác sản xuất kinh doanh năm 2024, triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 và Hội nghị người lao động năm 2025 | 100% |
| 5 | 05/NQ-ĐLĐK | 20/01/2025 | Chi tạm ứng từ quỹ khen thưởng, phúc lợi cho CBCNV của Tổng Công ty (Tạm trích từ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024) | 100% |
| 6 | 06/NQ-ĐLĐK | 24/01/2025 | Nghị quyết thông qua nội dung công bố thông tin của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP | 100% |
| 7 | 09/NQ-ĐLĐK | 11/02/2025 | Chấp thuận giao dịch giữa Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP với Viện Dầu khí Việt Nam và Công ty cổ phần Dịch vụ bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam | 100% |
| 8 | 93/QĐ-ĐLĐK | 17/02/2025 | Sửa đổi, bổ sung Phương án sắp xếp, tái cơ cấu PV Power giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 12/QĐ-ĐLĐK ngày 08/01/2021 | 100% |
| 9 | 13/NQ-ĐLĐK | 24/02/2025 | Thông qua Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP | 100% |
| 10 | 14/NQ-ĐLĐK | 24/02/2025 | Thông qua nội dung chỉnh Phụ lục sửa đổi bổ sung Hợp đồng cấp điện cho nhà máy Đạm Cà Mau | 100% |
| 11 | 140/QĐ-ĐLĐK | 03/03/2025 | Phân công nhiệm vụ phụ trách lĩnh vực chuyên môn và giám sát hoạt động các đơn vị trong Hội đồng quản trị Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP | 100% |

| TT | Số nghị quyết/ quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|----|------------------------------|------------|--|-----------------------|
| 12 | 17/NQ-ĐLĐK | 10/03/2025 | Thông qua chương trình công tác trọng tâm năm 2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP | 100% |
| 13 | 181/QĐ-ĐLĐK | 14/03/2025 | Quyết định phê duyệt và ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động Quỹ tương trợ Dầu khí - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP | 100% |
| 14 | 21/NQ-ĐLĐK | 17/03/2025 | Chấp thuận giao dịch giữa Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP và Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam | 100% |
| 15 | 23/NQ-ĐLĐK | 24/03/2025 | Chấp thuận giao dịch giữa Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP và Liên danh PVOIL Sài Gòn - PVOIL Vũng Áng - PVOIL Hà Nội | 100% |
| 16 | 28/NQ-ĐLĐK | 04/04/2025 | Nghị quyết tại cuộc họp định kỳ Quý I năm 2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP | 100% |
| 17 | 27/NQ-ĐLĐK | 14/04/2025 | Điều chỉnh Hợp đồng Mua bán khí cho các Nhà máy điện Cà Mau 1&2 | 100% |
| 18 | 32/NQ-ĐLĐK | 18/04/2025 | Thông qua nội dung Báo cáo thường niên năm 2024 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP | 100% |
| 19 | 279/QĐ-ĐLĐK | 16/04/2025 | Bổ nhiệm lại ông Chu Quang Toàn giữ chức Kế toán trưởng kiêm trưởng ban Tài chính Kế toán Tổng công ty | 100% |
| 20 | 39/NQ-ĐLĐK | 25/04/2025 | Chấp thuận giao dịch giữa Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP và Công ty cổ phần Dịch vụ bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam | 100% |
| 21 | 43/NQ-ĐLĐK | 07/05/2025 | Thông qua kế hoạch xây dựng, sửa đổi bổ sung văn bản quản lý nội bộ năm 2025 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP | 100% |
| 22 | 46/NQ-ĐLĐK | 20/05/2025 | Thông qua quyết toán quỹ lương năm 2024 và kế hoạch lao động tiền lương năm 2025 của các đơn vị thành viên thuộc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP | 100% |

| TT | Số nghị quyết/ quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|----|------------------------------|------------|--|-----------------------|
| 23 | 450/QĐ-ĐLĐK | 05/06/2025 | Phê duyệt quyết toán quỹ lương năm 2024 của người lao động Công ty mẹ, Người Quản lý - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP | 100% |
| 24 | 485/QĐ-ĐLĐK | 16/06/2025 | Phê duyệt kế hoạch lao động năm 2025 của Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP | 100% |
| 25 | 54/NQ-ĐLĐK | 30/06/2025 | Thông qua sửa đổi bổ sung Hợp đồng Mua bán khí LNG tại hoá chất Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 | 100% |
| 26 | 55/NQ-ĐLĐK | 30/06/2025 | Chấp thuận giao dịch giữa Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP với Viện Dầu khí Việt Nam và Công ty cổ phần Dịch vụ bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam | 100% |
| 27 | 57/NQ-ĐLĐK | 18/07/2025 | Tại cuộc họp định kỳ Quý II năm 2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP | 100% |
| 28 | 638/QĐ-ĐLĐK | 25/07/2025 | Quyết định tạm phê duyệt kế hoạch tiến lương năm 2025 của Người lao động Công ty mẹ, Người quản lý - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP | 100% |
| 29 | 639/QĐ-ĐLĐK | 25/07/2025 | Quyết định Ban hành Chương trình hành động của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP thực hiện Nghị quyết số 333-NQ/ĐU ngày 28/4/2025 của Đảng ủy Tổng công ty về việc đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP | 100% |
| 30 | 59/NQ-ĐLĐK | 30/07/2025 | Chấp thuận giao dịch giữa PV Power với Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Việt Nam | 100% |
| 31 | 61/NQ-ĐLĐK | 06/08/2025 | Chấp thuận giao dịch giữa Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP với Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Việt Nam | 100% |
| 32 | 62/NQ-ĐLĐK | 06/08/2025 | Thông qua Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP | 100% |

| TT | Số nghị quyết/ quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|----|------------------------------|------------|--|-----------------------|
| 33 | 63/NQ-ĐLĐK | 06/08/2025 | Thông qua kế hoạch tổ chức triển khai tăng vốn điều lệ của PV Power | 100% |
| 34 | 780/QĐ-ĐLĐK | 29/08/2025 | Phê duyệt sửa đổi, bổ sung Quy chế Kiểm toán nội bộ của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP | 100% |
| 35 | 823/QĐ-ĐLĐK | 12/09/2025 | Phê duyệt và ban hành Quy chế về công tác chiến lược của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP | 100% |
| 36 | 72/NQ-ĐLĐK | 15/09/2025 | Chấp thuận giao dịch giữa PV Power với CTCP Dầu khí Thái Bình | 100% |
| 37 | 75/NQ-ĐLĐK | 01/10/2025 | Triển khai phương án chào bán/phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và thông qua hồ sơ đăng ký chào bán | 100% |
| 38 | 76/NQ-ĐLĐK | 01/10/2025 | Chấp thuận giao dịch giữa PV Power với Công ty CP Chứng khoán Dầu khí | 100% |
| 39 | 63/NQ-ĐLĐK | 28/10/2025 | Thông qua phương án sắp xếp, đổi mới tổ chức bộ máy và tái cơ cấu doanh nghiệp tinh gọn, nâng cao năng suất lao động Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP | 100% |
| 40 | 86/NQ-ĐLĐK | 07/11/2025 | Triển khai phương án chào bán/phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và thông qua hồ sơ đăng ký chào bán | 100% |
| 41 | 1191/QĐ-ĐLĐK | 04/12/2025 | Thay đổi Người đại diện phần vốn, giới thiệu tham gia Hội đồng quản trị và ông cử giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam | 100% |
| 42 | 97/NQ-ĐLĐK | 25/12/2025 | Thay đổi (tăng) vốn điều lệ, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký chứng khoán bổ sung tại VSDC và đăng ký niêm yết chứng khoán bổ sung tại HOSE | 100% |
| 43 | 101/NQ-ĐLĐK | 31/12/2025 | Thông qua Chương trình công tác trọng tâm năm 2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP | 100% |

Hoạt động của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Trong năm 2025, thành viên độc lập Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao; phát huy vai trò thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc bảo vệ an toàn vốn của cổ đông, đặc biệt bảo vệ lợi ích của những cổ đông nhỏ và nhóm lợi ích khác liên quan tới Tổng công ty.



Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Các Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng giám đốc và Thư ký công ty đã tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty.



Ban Kiểm soát

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Cuộc họp của Ban Kiểm soát

| TT | Thành viên BKS | Số buổi họp BKS tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|----|---|-------------------------|-------------------|------------------|---|
| 1 | Ông Phạm Minh Đức Trưởng Ban Kiểm soát | 12 | 12/12 | 100% | |
| 2 | Bà Vũ Thị Ngọc Dung Kiểm soát viên | 12 | 12/12 | 100% | |
| 3 | Bà Hà Thị Minh Nguyệt Kiểm soát viên | 12 | 12/12 | 100% | |
| 4 | Bà Đoàn Thị Thu Hà Kiểm soát viên | 3 | 3/3 | 100% | Chuyển công tác, miễn nhiệm chức danh Kiểm soát viên từ ngày 22/04/2025 |
| 5 | Bà Nguyễn Thị Thanh Hương Kiểm soát viên | 12 | 12/12 | 100% | |



Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc điều hành và cổ đông

Hội đồng quản trị Tổng công ty đã tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, thu xếp vốn, công tác đầu tư, công tác tài chính, cổ phần hoá, sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp, kiến toàn bộ máy tổ chức tại các đơn vị thành viên, sắp xếp bổ nhiệm, tái bổ nhiệm cán bộ, lao động tiền lương, thưởng tại các đơn vị thành viên và Tổng công ty, thông qua sửa đổi, bổ sung và ban hành các quy chế, quy định, công văn liên quan đến mọi mặt hoạt động điều hành sản xuất tại Tổng công ty.

Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý theo quy định hoặc đột xuất để xử lý những đề xuất hoặc vướng mắc trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Tổng giám đốc Tổng Công ty đã tổ chức các cuộc họp giao ban Tổng công ty định kỳ để chỉ đạo hoạt động của Tổng Công ty, triển khai các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị. Ngoài ra đã tổ chức các cuộc họp chuyên đề để xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình điều hành hoạt động của Tổng công ty.

Công tác ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhìn chung phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty, phù hợp với các quy định phân cấp theo thẩm quyền. Chấp hành nghiêm túc các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Ban kiểm soát đã tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ hàng quý theo quy định, tham gia các cuộc họp đột xuất của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc. Tại các cuộc họp đã đóng góp ý kiến về định hướng, chất lượng, kết quả các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và những vấn đề được ý kiến. Đồng thời đã đưa ra các kiến nghị, giải pháp, đề xuất để hoạt động của Tổng công ty an toàn, hiệu quả, đúng quy định và đóng góp vào việc hoàn thành các chỉ tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Chủ động thực hiện kế hoạch kiểm tra giám sát đã được phê duyệt, thông báo tới Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và đơn vị được kiểm soát biết nội dung chi tiết, thời gian và địa điểm kiểm soát để Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc biết và phối hợp với Ban Kiểm soát.

Kết thúc các hoạt động kiểm soát, Ban Kiểm soát đã tổng hợp đánh giá nhận xét, đề xuất kiến nghị trực tiếp về từng nội dung kiểm soát, từng đối tượng kiểm soát. Kịp thời thông tin những nội dung và kết quả kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc để cùng phối hợp xử lý vì mục tiêu phát triển chung của Tổng công ty.

Ban Kiểm soát tuyệt đối tuân thủ các Quyết định, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành. Trong hoạt động kiểm soát và phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát luôn tôn trọng quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, và Ban Tổng giám đốc. Không tham gia biểu quyết, quyết định những nội dung không thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát, hoàn toàn tuân thủ các quy định của pháp luật khi triển khai hoạt động của mình.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện công tác kiểm soát theo kế hoạch đã đề ra. Tổ chức tiếp nhận thông tin, kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát ngay sau khi nhận được báo cáo kết quả kiểm soát. Triển khai chỉ đạo các đối tượng kiểm soát khắc phục và/hoặc chấn chỉnh theo những đề xuất kiến nghị mà Ban Kiểm soát đã nêu ra.

Hoạt động khác của Ban Kiểm soát

Ngoài việc hoạt động theo quy định của Pháp luật, quy chế quy định của Tổng công ty, các Kiểm soát viên tham gia các hội nghị, hội thảo chuyên đề do Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam và Tổng công ty tổ chức nhằm tự nâng cao năng lực chuyên môn về các lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện năng. Tham gia các chương trình, khóa học đào tạo chuyên môn nghiệp vụ do Tổng công ty tổ chức. Tham gia các sự kiện khác do các tổ chức chính trị xã hội của Tập đoàn, của Tổng công ty tổ chức.



Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Tiền lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát thực hiện năm 2025:

| | 2025 (Triệu đồng) | 2024 (Triệu đồng) |
|--------------------------|-------------------|-------------------|
| Hội đồng quản trị | | |
| Ông Hoàng Văn Quang | 1.300 | 1.056 |
| Ông Lê Như Linh | 1.327 | 1.269 |
| Bà Nguyễn Hoàng Yến | 1.210 | 1.169 |
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | 1.170 | 1.098 |
| Bà Vũ Thị Tố Nga | 1.145 | 1.094 |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích | 1.131 | 1.086 |
| Ông Nguyễn Bá Phước | 1.027 | 862 |
| Ông Vũ Chí Cường | 495 | 1.037 |
| Ông Phạm Ngọc Khuê | 404 | - |
| | 9.209 | 8.681 |

Ban Tổng giám đốc/Kế toán trưởng

| | 2025 (Triệu đồng) | 2024 (Triệu đồng) |
|------------------------|-------------------|-------------------|
| Ông Lê Như Linh | (*) | (*) |
| Ông Phan Ngọc Hiến | 1.167 | 1.126 |
| Ông Nguyễn Duy Giang | 1.139 | 1.097 |
| Ông Nguyễn Kiên | 1.136 | 1.097 |
| Ông Trương Việt Phương | 1.112 | 820 |
| Ông Ngô Văn Chiến | 1.042 | 970 |
| Ông Nguyễn Minh Đạo | 824 | 1.089 |
| Ông Chu Quang Toán | 1.142 | 1.098 |
| | 7.563 | 7.298 |

(*) Trình bày tại phần thu nhập của Hội đồng quản trị do có sự kiêm nhiệm về chức vụ

Ban Kiểm soát

| | 2025 (Triệu đồng) | 2024 (Triệu đồng) |
|---------------------------|-------------------|-------------------|
| Ông Phạm Minh Đức | 1.163 | 996 |
| Bà Hà Thị Minh Nguyệt | 1.062 | 1.040 |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Hương | 1.055 | 964 |
| Bà Vũ Thị Ngọc Dung | 1.048 | 1.011 |
| Bà Đoàn Thị Thu Hà | 409 | 895 |
| | 4.737 | 4.905 |



Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

| TT | Họ và Tên - Chức vụ | Số lượng CP trước khi giao dịch (CP) | Số lượng CP giao dịch (CP) | Số lượng CP sau khi Giao dịch (CP) | Lý do giao dịch |
|----|--|--------------------------------------|----------------------------|------------------------------------|--|
| 1 | Nguyễn Thị Ngọc Bích Thành viên HĐQT | 41.705 | 7.923 | 49.628 | |
| 2 | Vũ Thị Ngọc Dung Kiểm soát viên | 5.200 | 988 | 6.188 | Ngày 11/12/2025 được phân phối CP từ việc PV Power Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu. |
| 3 | Nguyễn Duy Giang Phó Tổng giám đốc | 22.000 | 4.180 | 26.180 | |
| 4 | Ngô Văn Chiến Phó Tổng giám đốc | 6.600 | 1.254 | 7.854 | Ngày 27/01/2026 số CP này được chỉnh thức giao dịch trên thị trường CK. |
| 5 | Nguyễn Đình Thi Người được ủy quyền công bố thông tin | 5.000 | 950 | 5.950 | |

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có

Thực hiện các quy định về quản trị công ty

Tính tuân thủ và Công bố thông tin

Tuân thủ pháp luật: PV Power luôn tuân thủ nghiêm túc các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định quản trị dành cho công ty đại chúng niêm yết. Mọi hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc đều nằm trong khuôn khổ Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ.

Minh bạch thông tin: Tổng công ty thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ công bố thông tin định kỳ và bất thường trên thị trường chứng khoán. Các thông tin về tình hình tài chính, giao dịch với người có liên quan và các sự kiện quan trọng đều được công khai minh bạch, đảm bảo quyền tiếp cận thông tin bình đẳng cho mọi cổ đông.



Hệ thống Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro

Kiểm soát nội bộ: Hệ thống quản trị của Tổng công ty được kiểm soát chặt chẽ thông qua các Quy chế/Quy định/Quy trình phê duyệt phân cấp rõ ràng.

Quản trị rủi ro: Với đặc thù ngành năng lượng, đội ngũ quản trị luôn chú trọng nhận diện và đánh giá các rủi ro về kỹ thuật vận hành, biến động tỷ giá, giá nhiên liệu và thị trường điện. PV Power đã thiết lập các kịch bản ứng phó để hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh.



Giao dịch liên quan

Các giao dịch giữa Tổng công ty với các đơn vị thành viên, cổ đông lớn (PVN) đều được thực hiện theo nguyên tắc thị trường, phê duyệt đúng thẩm quyền và công bố đầy đủ theo quy định, đảm bảo không có xung đột lợi ích gây thiệt hại cho Tổng công ty.

Thủ tục và lợi ích

Công tác chi trả thù lao, tiền lương cho HĐQT và Ban Điều hành được thực hiện công khai, nằm trong hạn mức đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được thuyết minh chi tiết trong báo cáo tài chính.



CHƯƠNG

06

Báo cáo tài chính

| | |
|-----|---|
| 130 | Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc |
| 132 | Báo cáo kiểm toán độc lập |
| 134 | Bảng cân đối kế toán hợp nhất |
| 138 | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất |
| 140 | Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất |
| 142 | Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất |



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng công ty") đã trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Tổng công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|-------------------------|--|
| Ông Hoàng Văn Quang | Chủ tịch |
| Ông Lê Như Linh | Thành viên |
| Bà Vũ Thị Tố Nga | Thành viên |
| Bà Nguyễn Hoàng Yến | Thành viên |
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | Thành viên |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích | Thành viên |
| Ông Nguyễn Bá Phước | Thành viên độc lập |
| Ông Phạm Ngọc Khuê | Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025) |
| Ông Vũ Chí Cường | Thành viên độc lập (không còn là thành viên độc lập từ ngày 26 tháng 12 năm 2024, miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025) |

Ban Tổng giám đốc

| | |
|------------------------|--|
| Ông Lê Như Linh | Tổng giám đốc |
| Ông Trương Việt Phương | Phó Tổng giám đốc |
| Ông Nguyễn Duy Giang | Phó Tổng giám đốc |
| Ông Nguyễn Minh Đạo | Phó Tổng giám đốc (chuyển công tác từ ngày 30 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định tiếp nhận và bổ nhiệm các bộ của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam) |
| Ông Nguyễn Kiên | Phó Tổng giám đốc |
| Ông Ngô Văn Chiến | Phó Tổng giám đốc |
| Ông Phan Ngọc Hiến | Phó Tổng giám đốc |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

Đưa ra các kết luận và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và

Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,



Lê Như Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2026

Số: /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng công ty"), được lập ngày 12 tháng 3 năm 2026, từ trang 05 đến trang 53, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt quyết toán có phần hòa tại thời điểm Tổng công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Phạm Nam Phong
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0929-2024-001-1

Nguyễn Công Cường
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3022-2022-001-1

Ngày 12 tháng 3 năm 2026

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Mẫu số B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 37.007.847.543.130 | 29.980.558.720.344 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4 | 6.737.940.350.756 | 11.564.348.585.017 |
| 1. Tiền | 111 | | 996.800.350.756 | 445.882.067.932 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 5.741.140.000.000 | 11.118.466.497.085 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 5 | 12.530.855.306.981 | 4.111.871.588.588 |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 12.530.855.306.981 | 4.111.871.588.588 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 14.577.596.321.648 | 11.873.183.177.188 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 6 | 14.196.970.596.014 | 11.120.910.645.480 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 7 | 386.286.838.743 | 296.909.444.148 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 138 | 8 | 537.021.821.872 | 950.858.469.914 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 9 | (542.882.734.781) | (495.515.382.354) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 10 | 2.174.483.173.454 | 1.795.106.165.854 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 2.174.483.173.454 | 1.795.106.165.854 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 986.972.390.291 | 636.069.223.697 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 11 | 128.549.457.892 | 110.171.026.406 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 809.643.821.691 | 507.796.506.263 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 19 | 48.779.110.708 | 18.101.691.028 |

Mẫu số B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 51.604.081.520.646 | 49.934.474.009.218 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 897.663.000 | 353.163.000 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | 8 | 897.663.000 | 353.163.000 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 45.788.892.392.470 | 24.321.200.716.711 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 12 | 45.737.190.440.158 | 24.269.782.261.846 |
| - Nguyên giá | 222 | | 94.834.603.536.783 | 70.534.998.041.647 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (49.097.413.096.625) | (46.265.235.779.801) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 13 | 51.701.952.312 | 51.438.454.865 |
| - Nguyên giá | 228 | | 126.351.601.597 | 119.562.940.947 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (74.649.649.285) | (68.124.495.082) |
| III. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 909.197.419.736 | 19.758.833.869.004 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 14 | 909.197.419.736 | 19.758.833.869.004 |
| IV. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 5 | 847.590.931.900 | 766.206.340.227 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên kết | 252 | | 169.034.984.653 | 88.137.710.017 |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 701.850.757.500 | 701.650.757.500 |
| 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (23.094.810.253) | (23.582.127.290) |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 4.057.503.113.540 | 5.087.879.920.276 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 11 | 3.305.520.360.557 | 4.404.662.737.999 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | 15 | 80.857.408.274 | 76.335.415.657 |
| 3. Thiết bị vật tư phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | 16 | 671.125.346.709 | 606.881.766.620 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | | 88.611.929.063.776 | 79.915.032.729.562 |

MẪU SỐ B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 51.396.020.728.278 | 45.234.397.818.896 |
| 1. Nợ ngắn hạn | 310 | | 31.611.943.025.293 | 33.457.348.745.405 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 17 | 14.879.664.105.059 | 15.726.148.408.151 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 18 | 19.981.627.820 | 89.082.366.712 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 19 | 147.152.272.027 | 76.295.032.123 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 472.453.019.675 | 333.831.322.301 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 20 | 2.153.534.921.675 | 1.534.677.045.840 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | 4.802.191.782 | - |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 21 | 1.058.243.182.174 | 1.467.933.381.631 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 22 | 11.249.612.952.426 | 13.508.102.547.690 |
| 9. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | 23 | 1.472.054.420.133 | 553.193.180.684 |
| 10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 154.444.332.582 | 168.085.460.273 |
| 11. Nợ dài hạn | 330 | | 19.784.077.702.985 | 11.777.049.073.491 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 337 | 21 | 488.344.997 | 491.146.032 |
| 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 22 | 17.637.454.141.259 | 9.151.300.727.781 |
| 3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | 15 | 2.466.486.749 | 4.444.869.270 |
| 4. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | 23 | 2.033.300.483.254 | 2.506.582.715.754 |
| 5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | 110.388.244.726 | 114.219.614.674 |

MẪU SỐ B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 37.215.908.335.498 | 34.680.634.910.666 |
| 1. Vốn chủ sở hữu | 410 | 24 | 37.215.908.335.498 | 34.680.634.910.666 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 27.868.210.960.000 | 23.418.716.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 27.868.210.960.000 | 23.418.716.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | (274.807.025) | (274.807.025) |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 225.720.372.645 | 225.720.372.645 |
| 4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | (191.305.728.000) | (191.305.728.000) |
| 5. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 1.310.438.977.994 | 4.426.081.342.778 |
| 6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 5.002.271.987.019 | 4.130.274.841.945 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | 2.577.535.260.695 | 3.020.307.986.842 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | 421b | | 2.424.736.726.324 | 1.109.966.855.103 |
| 7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | 429 | | 3.000.846.572.865 | 2.671.422.888.323 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400) | 440 | | 88.611.929.063.776 | 79.915.032.729.562 |

Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Người lập

Chu Quang Toàn
Kế toán trưởngLê Như Linh
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-------|-------------|--------------------|--------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 27 | 34.306.140.471.915 | 30.305.634.268.649 |
| 2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10 | | 34.306.140.471.915 | 30.305.634.268.649 |
| 3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 11 | 28 | 29.827.586.858.177 | 28.307.964.591.490 |
| 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 4.478.553.613.738 | 1.997.669.677.159 |
| 5. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 30 | 1.031.587.911.031 | 566.095.305.919 |
| 6. Chi phí tài chính | 22 | 31 | 1.033.518.462.873 | 845.430.985.896 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 655.412.715.805 | 381.846.636.179 |
| 7. Phần lãi trong công ty liên kết | 24 | | 4.817.527.378 | 42.199.990.018 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | 1.500.430.092 | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 32 | 1.245.746.078.874 | 877.790.745.775 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-26) | 30 | | 3.234.194.060.306 | 862.743.241.625 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 33 | 21.429.841.485 | 1.198.188.056.482 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 33 | 21.360.835.748 | 897.690.731.480 |
| 13. Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | 33 | 69.005.737 | 500.497.925.002 |

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | 3.234.263.068.043 | 1.383.241.166.627 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 34 | 233.621.979.906 | 170.618.076.178 |
| 16. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | 34 | (6.500.371.138) | 1.281.135.283 |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) | 60 | | 3.007.141.457.275 | 1.211.341.955.166 |
| Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ | 61 | | 2.426.658.079.064 | 1.111.588.278.970 |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | 580.484.478.211 | 99.753.676.196 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 35 | 871 | 321 |

Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Người lập

Chu Quang Toán
Kế toán trưởng



Lê Như Linh
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|----------------------|----------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 3.234.263.066.043 | 1.383.241.166.627 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | 2.858.757.216.277 | 2.818.161.656.247 |
| Các khoản dự phòng | 03 | 894.685.039.136 | 155.269.273.171 |
| Lãi/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | 182.017.982.778 | 134.309.782.307 |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | (7.035.047.630.550) | (589.872.207.051) |
| Chi phí lãi vay | 08 | 655.412.115.805 | 381.646.636.179 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 6.790.087.789.489 | 4.282.756.307.480 |
| Thay đổi các khoản phải thu | 09 | (2.999.126.754.702) | 3.595.706.024.817 |
| Thay đổi hàng tồn kho | 10 | (443.620.587.689) | 391.856.285.030 |
| Thay đổi các khoản phải trả (Không kể tài vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | (1.213.838.806.642) | (2.830.835.116.161) |
| Thay đổi chi phí trả trước | 12 | 1.006.739.692.735 | (215.897.504.327) |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | (594.324.434.065) | (450.679.477.899) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (204.583.541.004) | (258.708.324.717) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | 7.020.000 | 9.180.000 |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (247.133.901.299) | (170.392.290.184) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 2.094.206.476.823 | 4.343.815.084.239 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | (5.179.992.117.787) | (9.792.927.471.645) |
| 2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | 3.857.107.564 | 2.475.517.704 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (14.777.142.030.045) | (6.452.391.588.588) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán tại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 6.362.037.082.031 | 4.727.580.369.713 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (78.000.000.000) | - |
| 6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 930.223.297.991 | 541.882.196.054 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (12.739.016.660.246) | (10.973.380.976.762) |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|----------------------|---------------------|
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | - | 21.000.000.000 |
| 2. Tiền thu từ đi vay | 33 | 30.148.781.763.155 | 15.799.893.040.032 |
| 3. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (24.094.438.617.231) | (5.934.383.983.944) |
| 4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (229.546.571.458) | (132.353.448.916) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 5.824.798.574.466 | 9.754.155.607.172 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40) | 50 | (4.620.011.608.957) | 3.124.589.714.649 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 11.564.348.565.017 | 8.439.697.613.959 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | (6.396.605.304) | 61.236.409 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61) | 70 | 6.737.940.350.756 | 11.564.348.565.017 |

Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Người lập

Chu Quang Toán
Kế toán trưởng



Lê Như Linh
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam theo Quyết định số 1795/QĐ-ĐKVN ngày 28 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam) (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn", "PVN"). Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 1468/QĐ-ĐKVN ngày 17 tháng 5 năm 2007 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam và Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 0102276173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2007.

Tổng công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 với vốn điều lệ là 23.418.716.000.000 VNĐ theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 01 tháng 7 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp.

Cổ phiếu của Tổng công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 17 tháng 12 năm 2018 và chính thức giao dịch từ ngày 14 tháng 01 năm 2019, với mã chứng khoán là PGW.

Công ty mẹ của Tổng công ty là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tổng công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 2.182 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 2.156).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty là:

Sản xuất điện năng; Kinh doanh, bán điện công nghiệp, tiêu dùng; Quản lý, vận hành các nhà máy điện; Dịch vụ đào tạo các khóa học ngắn hạn, chuyên đề về một số lĩnh vực trong công nghiệp; Dịch vụ cung cấp lao động có tay nghề trong vận hành, bảo dưỡng các nhà máy điện, các cơ sở công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện tại các công trình xây dựng; Cung cấp dịch vụ quản lý cho các dự án điện, dịch vụ tư vấn cho các công trình điện; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Xây dựng các nhà máy điện, các công trình trong ngành điện; Xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng điện năng, lưới điện trung thế, hạ thế; Đầu tư xây dựng các dự án điện độc lập; Xây dựng, phát triển, quản lý thực hiện các dự án CDM điện năng sạch; Dịch vụ mua sắm các hệ thống điện tại các công trình xây dựng; Buôn bán thiết bị vật tư, phụ tùng cho sản xuất, kinh doanh điện; Cung cấp các dịch vụ công nghệ thông tin; Cung cấp giải pháp giảm phát khí nhà kính được chứng nhận (CERs) của các dự án điện năng; Nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ công nghệ mới vào việc đầu tư phát triển các dự án điện, sử dụng năng lượng như: Điện sức gió, điện mặt trời, điện nguyên tử; Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, vận hành, đào tạo nguồn nhân lực quản lý vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng phục vụ sản xuất kinh doanh điện; Cho thuê phương tiện vận tải, cầu, kéo; Kinh doanh các sản phẩm tro, xỉ, phế liệu; Xuất nhập khẩu năng lượng, nguyên vật liệu, thiết bị, vật tư, phụ tùng cho sản xuất, kinh doanh điện; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng công ty kinh doanh; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hoạt động chính của Tổng công ty là kinh doanh và vận hành nhà máy điện đã phát điện thương mại là Nhà máy Điện Cà Mau 1 và 2 tỉnh Cà Mau, Nhà máy Điện Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2, Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 tỉnh Đồng Nai, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 tỉnh Hà Tĩnh, Nhà máy Thủy điện Hòa Na tỉnh Nghệ An, Nhà máy Thủy điện Đakrinh tỉnh Quảng Ngãi và xây dựng các nhà máy điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty bao gồm:

- Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau;
- Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch;
- Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh;
- Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Công ty Cung ứng Nhiên liệu Điện lực Dầu khí;
- Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Ban Quản lý Dự án điện;
- Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật.

Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên kết của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

| Tên công ty | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ phần sở hữu % | Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ % | Hoạt động chính |
|--|----------------------------|---------------------|----------------------------------|--|
| Công ty con | | | | |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Đakrinh | Quảng Ngãi | 95,27% | 95,27% | Sản xuất và kinh doanh thủy điện |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na | Nghệ An | 80,72% | 80,72% | Sản xuất và kinh doanh thủy điện |
| Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 | Đồng Nai | 59,37% | 59,37% | Sản xuất và kinh doanh điện khí |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam | Hà Nội | 51,00% | 51,00% | Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa nhà máy điện |
| Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí | Hà Nội | 51,00% | 51,00% | Sản xuất và kinh doanh điện năng lượng tái tạo |
| Công ty liên kết | | | | |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng | Lào Cai | 44,07% | 44,07% | Sản xuất điện |
| Công ty Cổ phần Điện khí LNG Quảng Ninh | Quảng Ninh | 30,00% | 30,00% | Sản xuất điện |

MẪU SỐ B.09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất số liệu báo cáo tài chính của Tổng công ty và báo cáo tài chính của các công ty con của Tổng công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Quyết toán cổ phần hóa

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Tổng công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Hướng dẫn kế toán mới đã được ban hành nhưng chưa có hiệu lực.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2025. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (trừ các nội dung liên quan đến kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước).
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200.
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200, và
- Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

Ban Tổng giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho các kỳ kế toán trong tương lai, bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

MẪU SỐ B.09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhân đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Tổng công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng công ty, tài chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, hoặc công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản cố khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con hoặc công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quý, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (kỳ hạn gốc không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, ngoại trừ nguyên vật liệu là than và dầu dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | Số năm |
|-------------------------------|--------|
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 5-30 |
| Máy móc và thiết bị | 3-20 |
| Phương tiện vận tải | 5-11 |
| Thiết bị văn phòng | 3-10 |
| Tài sản cố định hữu hình khác | 4-24 |

Các khoản tài, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, quyền sử dụng đất lâu dài không phải trích khấu hao. Phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là từ 2 năm đến 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bán giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm khoản trả trước tiền bảo hiểm tài sản và vận hành các nhà máy điện, chi phí sửa chữa tài sản, tiền thuê đất, tiền thuê văn phòng, chi phí nhiên liệu khí trả trước theo Hợp đồng mua bán khí cho các nhà máy điện, chi phí đại tu Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhon Trach 2, phí thanh toán lần đầu Hợp đồng bảo trì, sửa chữa dài hạn thiết bị chính giai đoạn 100.000 EOH tiếp theo và các khoản chi phí trả trước khác.

Khoản trả trước tiền bảo hiểm tài sản và vận hành các nhà máy điện được ghi nhận khi phát sinh theo hợp đồng bảo hiểm và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tương ứng với thời hạn bảo hiểm.

Khoản chi phí sửa chữa tài sản được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian của hợp đồng sửa chữa, bảo dưỡng dài hạn đã ký kết.

Khoản trả trước tiền thuê đất, tiền thuê văn phòng được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tương ứng với thời hạn thuê trả trước.

Khoản chi phí nhiên liệu khí vận hành các nhà máy điện trả trước theo hợp đồng mua bán khí được tính dựa vào phần chênh lệch giữa chi phí mua khí theo cam kết lượng khí nhận tối thiểu và chi phí mua khí thực tế dưới mức cam kết. Chi phí này sẽ được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tương ứng với lượng khí nhận trong tương lai theo thời hạn quy định trên hợp đồng.

Chi phí đại tu Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhon Trach 2 và phí thanh toán lần đầu Hợp đồng bảo trì, sửa chữa dài hạn thiết bị chính giai đoạn 100.000 EOH tiếp theo được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 11.

Các khoản chi phí trả trước khác là các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được xác định trên cơ sở thuần (sau khi đã trừ dự phòng giảm giá) của các thiết bị, vật tư, phụ tùng dùng để dự trữ, thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản nhưng không đủ tiêu chuẩn để phân loại là tài sản cố định và có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí tài vay phải trả và một số chi phí trích trước khác là chi phí chưa chi nhưng được ước tính và ghi nhận vào chi phí trong năm.

Chi phí tài vay phải trả được ghi nhận trên cơ sở gốc vay và lãi suất vay.

Các khoản chi phí phải trả khác là các chi phí khác đã phát sinh trong năm nhưng chưa nhận được Hóa đơn từ nhà cung cấp.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng phải trả về chi phí sửa chữa lớn các nhà máy điện của Tổng công ty được ghi nhận trong năm dựa theo dự toán/khái toán đã lập hoặc hợp đồng sửa chữa lớn dài hạn đã ký với nhà thầu, phù hợp với thực tế hoạt động và chu kỳ sửa chữa lớn của từng nhà máy điện.

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Quý phát triển khoa học và công nghệ

Quý phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng công ty. Quý được hình thành trên cơ sở trích lập (tối đa 10% thu nhập tính thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Đối với Quý phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hết 70% trong vòng 5 năm kể từ khi trích lập quý, Tổng công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên số tiền quý còn lại và phần lãi trả chậm phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, dựa trên tình hình sử dụng quý, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty quyết định không trích lập thêm Quý phát triển khoa học và công nghệ. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là số dư Quý tại Tổng công ty.

Phân phối quý và phân chia cổ tức

Quý khen thưởng, phúc lợi, Quý đầu tư phát triển và khoản chia cổ tức cho các Cổ đông được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Tổng công ty theo Điều lệ và đề xuất của Hội đồng Quản trị của Tổng công ty và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

Số liệu sau cùng liên quan đến việc phân phối các quý và chia cổ tức nêu trên từ lợi nhuận sau thuế hàng năm sẽ được các cổ đông phê duyệt trong Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Tổng công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán điện được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện quốc gia.

Doanh thu bán điện phát sinh từ chênh lệch tỷ giá giữa tỷ giá tại thời điểm trả nợ gốc vay của khoản vay để đầu tư Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, Nhà máy thủy điện Đakrông và tỷ giá trong phương án giá điện của Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, Nhà máy thủy điện Đakrông được ghi nhận khi có phê duyệt của Bộ Công Thương và các biên bản đàm phán liên quan đến chênh lệch tỷ giá nêu trên.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng công ty có quyền nhận khoản lãi.

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tại sốn thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|-------------------------------------|--------------------------|---------------------------|
| Tiền mặt | 3.835.606.675 | 1.871.174.027 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i) | 992.764.744.081 | 444.010.893.905 |
| Các khoản tương đương tiền (ii) | 5.741.340.000.000 | 11.118.466.497.085 |
| | 6.737.940.350.756 | 11.564.348.565.017 |

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tiền gửi ngân hàng của Tổng công ty bao gồm 600.223.943 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 285.059.731 VND) là tiền gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại (trước đây là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương) đang bị hạn chế sử dụng. Ban Tổng giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trả lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng với lãi suất từ 2,1%/năm đến 4,75%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 3%/năm đến 4,7%/năm).

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-------------------------------------|---------------------------|---------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị ghi sổ VND | Giá gốc VND | Giá trị ghi sổ VND |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (i) | 12.530.855.306.981 | 12.530.855.306.981 | 4.111.871.588.588 | 4.111.871.588.588 |
| | 12.530.855.306.981 | 12.530.855.306.981 | 4.111.871.588.588 | 4.111.871.588.588 |

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, số dư đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh khoản tiền gửi hàng Đông Việt Nam có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 2%/năm đến 7,5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 3,7%/năm đến 5,5%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tổng công ty và các công ty con bao gồm 29.317.790.416 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 26.117.790.430 VND) là tiền gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại (trước đây là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương) đang bị hạn chế sử dụng. Ban Tổng giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trả lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tiền gửi có kỳ hạn với số dư là 10.950.811.811 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 25.450.811.811 VND) đang được dùng để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng công ty cho các khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na (Công ty con của Tổng Công ty) tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (xem Thuyết minh số 23).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

b. Đầu tư tài chính dài hạn

b.1. Đầu tư vào công ty liên kết

Giá trị đầu tư vào các công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|------------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng | 65.671.288.883 | 62.112.391.751 |
| Công ty Cổ phần Điện khí LNG Quảng Ninh | 103.363.695.770 | 26.025.318.266 |
| | 169.034.984.653 | 88.137.710.017 |

Chi tiết điều chỉnh khoản đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

| | Giá gốc VND | Điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND | Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND |
|---|------------------------|---|--|
| Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng | 32.667.500.000 | 32.783.788.883 | 65.671.288.883 |
| Công ty Cổ phần Điện khí LNG Quảng Ninh | 106.000.000.000 | (4.636.304.230) | 103.363.695.770 |
| | 140.887.500.000 | 28.147.484.653 | 169.034.984.653 |

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng | Hoạt động kinh doanh có lãi | Hoạt động kinh doanh có lãi |
| Công ty Cổ phần Điện khí LNG Quảng Ninh | Hoạt động kinh doanh bị lỗ | Hoạt động kinh doanh bị lỗ |

b2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|--|-----------------|----------------|-----------------|----------------|----------|----------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Nam Chiến (i) | 302.295.301.000 | - | 302.295.301.000 | - | - | - |
| Công ty Cổ phần Điện Việt Lào (ii) | 317.548.658.500 | - | 317.548.658.500 | - | - | - |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Tranh 3 (ii) | 29.341.800.000 | 4.618.786.734 | 29.341.800.000 | 5.114.666.414 | - | - |
| Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (i) | 28.222.000.000 | - | 74.223.860.000 | 28.222.000.000 | - | 83.791.720.000 |
| Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (ii) | 18.202.000.000 | 18.202.000.000 | 18.202.000.000 | 18.202.000.000 | - | - |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (ii) | 5.040.000.000 | - | 5.040.000.000 | - | - | - |
| Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí (ii) | 1.000.000.000 | 274.023.518 | 1.000.000.000 | 265.680.876 | - | - |
| | 701.650.757.500 | 23.094.810.253 | 701.650.757.500 | 23.582.127.290 | - | - |

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định căn cứ vào giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn UPCOM tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Tổng công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào các công ty chưa niêm yết.

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 14.119.268.009.357 | 11.114.916.041.206 |
| Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam | 14.053.166.134.167 | 11.045.661.156.767 |
| Các khách hàng khác | 66.101.875.190 | 89.254.884.439 |
| b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan | 77.702.588.657 | 5.994.604.274 |
| (Chi tiết tại Thuyết minh số 38) | | |
| | 14.196.970.596.014 | 11.120.910.645.480 |

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| a. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 376.949.676.525 | 289.011.126.677 |
| Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tin Nghĩa | 154.000.000.000 | 122.000.000.000 |
| GE Global Parts & Products GmbH | 66.844.305.081 | - |
| Siemens Energy Global GmbH & Co, KG | 52.140.967.152 | - |
| Công ty TNHH Siemens Energy | 15.556.447.034 | - |
| Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP | - | 22.086.827.297 |
| Các đối tượng khác | 88.407.957.258 | 144.924.299.380 |
| b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 38) | 9.336.962.218 | 7.898.317.471 |
| | 386.286.638.743 | 296.909.444.148 |

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

8. PHẢI THU KHÁC

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|--------------------|-------------------|
| a. Ngắn hạn | | |
| Phải thu Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (i) | 218.489.976.676 | 218.489.976.676 |
| Lãi tiền gửi ngân hàng dư thừa | 209.349.614.174 | 106.710.034.826 |
| Ký cược, ký quỹ ngắn hạn (iii) | 32.136.586.265 | 37.125.420.145 |
| Phải thu tiến vượt hạn mức trong việc hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp | 20.793.703.211 | 24.191.439.776 |
| Phải thu Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch (ii) | 14.723.819.723 | 14.723.819.723 |
| Phải thu liên quan đến các chi phí sửa chữa Tô máy số 1 Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 | - | 512.170.683.046 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 41.558.121.603 | 37.447.095.722 |
| | 537.021.821.672 | 950.858.469.914 |
| Trong đó: | | |
| Phải thu khác ngắn hạn từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 38) | 243.701.778.799 | 755.627.661.626 |
| b. Dài hạn | | |
| Ký cược, ký quỹ dài hạn | 897.663.000 | 353.163.000 |
| | 897.663.000 | 353.163.000 |

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, số dư phải thu Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam với số nên là 218.489.976.676 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 218.489.976.676 VND) phản ánh khoản phải thu phân giá trị Sản phẩm phối 500 kV phân bố cho Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 đã bàn giao về Tập đoàn theo Nghị quyết số 0942/NQ-ĐKVN ngày 31 tháng 12 năm 2016 của PVN về việc chấp thuận nhận lại giá trị tài sản Sản phẩm phối 500kV mà Trung tâm Điện lực Vũng Áng đã chuyển giao cho Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (nay là Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP) tại Nghị quyết số 753/NQ-ĐKVN ngày 05 tháng 02 năm 2016 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam.

(ii) Phải thu Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 14.723.819.723 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 14.723.819.723 VND) chủ yếu phản ánh khoản phải thu chi phí hoạt động của Ban Chuẩn bị Sản xuất Vũng Áng 1 và chi phí đầu tư tại hệ vận hành Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1.

(iii) Chủ yếu phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty Cổ phần Năng lượng tại tạo Điện lực Dầu khí (Công ty con của Tổng công ty) tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số tiền là 31.935.300.860 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 35.538.052.023 VND) được dùng để cầm cố và đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại ngân hàng này (như trình bày tại Thuyết minh số 22).

9. NỢ XẤU**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

MẪU SỐ B 09-DN/HN

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | | | |
|---|-----------------|-----------------|-----------------------------|-----------------|-----------------|-----------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | | |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị có thể thu hồi được | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị có thể thu hồi được |
| Giá trị các khoản phải thu, chủ yếu quá hạn thanh toán hoặc khó có khả năng thu hồi | | | | | | |
| Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam | 719.985.217.424 | 516.878.870.736 | 203.106.346.648 | 639.049.164.727 | 457.215.114.874 | 71.834.049.853 |
| Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung | 70.453.174.71 | 6.646.026.471 | 399.291.000 | 70.453.174.71 | 6.646.026.471 | 399.291.000 |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí | 4.527.441.404 | 4.527.441.404 | - | 4.527.441.404 | 4.527.441.404 | - |
| Các đối tượng khác | 15.999.415.230 | 14.630.396.130 | 13.690.19.100 | 19.408.498.166 | 17.126.799.605 | 2.281.698.501 |
| | 747.557.391.529 | 542.682.734.781 | 204.874.656.748 | 570.030.421.708 | 495.515.362.354 | 74.515.039.354 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đánh giá tin trong và xác định giá trị thu hồi của các khoản phải thu dựa trên giá gốc trừ đi giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

MẪU SỐ B-09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. HÀNG TỔN KHO

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|--------------------------|----------|--------------------------|----------|
| | VND | | VND | |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 2.090.476.729.279 | - | 1.768.299.590.246 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 7.013.964.008 | - | 4.113.196.984 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 76.992.480.167 | - | 22.693.378.624 | - |
| | 2.174.483.173.454 | - | 1.795.106.165.854 | - |

MẪU SỐ B-09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| a. Ngắn hạn | | |
| Bảo hiểm tài sản và vận hành Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 | 65.557.908.540 | 65.674.808.364 |
| Bảo hiểm vận hành các Nhà máy điện Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 | 26.490.978.626 | 9.704.479.466 |
| Bảo hiểm vận hành các Nhà máy điện Cà Mau 1 và 2 | 16.583.793.143 | 16.526.044.974 |
| Bảo hiểm vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 | 4.742.286.251 | 4.749.424.813 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 15.174.491.332 | 13.516.468.789 |
| | 128.549.457.892 | 110.171.026.406 |
| b. Dài hạn | | |
| Chi phí nhiên liệu khí của các Nhà máy điện Cà Mau 1 và 2 (i) | 2.709.596.781.510 | 2.709.596.781.510 |
| Chi phí đầu tư nhà máy điện tại 100.000 EOH Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 chờ phân bổ (ii) | 213.495.219.381 | 301.702.397.469 |
| Chi phí sửa chữa tài sản | 185.364.382.320 | 144.442.756.229 |
| Phí thanh toán lần đầu Hợp đồng bảo trì, sửa chữa dài hạn | 125.809.742.176 | 137.131.381.946 |
| Thiết bị chính giai đoạn 100.000 EOH tiếp theo (iii) | | |
| Tiền thuê đất | 31.713.634.245 | 32.618.549.034 |
| Chi phí thuê văn phòng | 20.352.620.681 | 20.980.465.005 |
| Chi phí đến bộ giải phóng mặt bằng Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 (iv) | 2.999.826.324 | 3.352.747.068 |
| Chi phí nhiên liệu khí của các Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 (v) | - | 1.039.511.914.882 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 16.168.153.940 | 15.325.744.856 |
| | 3.306.520.360.557 | 4.404.662.737.999 |

MẪU SỐ B-09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

ii) Khoản chi phí nhiên liệu khí bao tiêu vận hành các Nhà máy điện Ga Mau 1 và 2 trả trước theo nghĩa vụ báo tiêu Lương khí nhân tố thiếu ("LKNTT") được quy định tại Hợp đồng mua bán khí số 5564/HĐ-DKVN ngày 07 tháng 8 năm 2023 giữa Tổng công ty và PVN. Trong năm hợp đồng 2021, sản lượng điện phát của Tổng công ty không đủ để đảm bảo nghĩa vụ nhân LKNTT theo quy định tại Hợp đồng mua bán khí, Tổng công ty vẫn có nghĩa vụ phải trả cho PVN số tiền tương ứng với lượng khí bằng LKNTT trừ đi lượng khí thực tế tiêu thụ trong năm ("lượng khí trả trước"). Tổng công ty sẽ có quyền nhận từ PVN một lượng khí tương đương lượng khí trả trước trong vòng năm (05) năm kể từ năm 2021 mà không phải chịu bất kỳ một chi phí nào khác. Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đánh giá và tin tưởng rằng sẽ sử dụng được toàn bộ lượng khí trả trước để tham gia vào quá trình sản xuất điện của Tổng công ty trong các năm tới.

iii) Chi phí đại tu Nhà máy Điện Turbin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 tại 100.000 giờ vận hành EDH phát sinh khi nhà máy đạt đến 100.000 giờ vận hành EDH và Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Công ty con của Tổng công ty) phải thực hiện việc đại tu định kỳ theo yêu cầu kỹ thuật. Theo đó, chi phí đại tu này được ghi nhận và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong vòng 33.333 giờ vận hành EDH cho mỗi tổ máy tiếp theo.

iiii) Phí thanh toán lần đầu theo Hợp đồng bảo trì, sửa chữa dài hạn thiết bị chính Nhà máy Điện Turbin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 giai đoạn 100.000 giờ vận hành EDH tiếp theo cho mỗi tổ máy giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Công ty con của Tổng công ty) và tiến danh Siemens Energy Global GmbH & Co. KG/ Siemens Energy Limited Company ký ngày 29 tháng 7 năm 2023. Theo đó, phí thanh toán lần đầu được ghi nhận và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong vòng 100.000 giờ vận hành EDH tiếp theo cho mỗi tổ máy.

iv) Chi phí thuê đất đã được Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 trả trước thông qua việc đến từ giải phóng mặt bằng tương ứng với phần diện tích đất thuê tại xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai với diện tích 129.188 m² cho giai đoạn từ ngày 27 tháng 6 năm 2009 đến ngày 09 tháng 10 năm 2014 và với diện tích 294.724,6 m² cho giai đoạn từ ngày 27 tháng 6 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2034. Chi phí này được Công ty phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng và lưu trữ tương ứng với số tiền thuê phải trả theo hợp đồng thuê đất trong suốt thời gian thuê.

v) Khoản chi phí nhiên liệu khí vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 trả trước theo nghĩa vụ báo tiêu nhân tố thiếu khí được quy định tại Hợp đồng mua bán khí số 44/2010/PVGas/KHTH-PVPOWER NT2/B4 ngày 06 tháng 4 năm 2010 và theo biên bản hợp phụ lục hợp đồng bổ sung giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Công ty con của Tổng công ty) và Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP ("PVGas"). Trong một số tháng, sản lượng điện phát của Công ty không đủ để đảm bảo nghĩa vụ báo tiêu nhiên liệu khí theo quy định tại Hợp đồng mua bán khí, tuy nhiên Công ty vẫn có nghĩa vụ phải trả cho PVGas số tiền tương ứng với lượng khí bằng lượng khí tối thiểu năm trừ đi lượng khí thực tế tiêu thụ trong năm ("lượng khí trả trước"). Công ty sẽ có quyền nhận từ PVGas một lượng khí tương đương lượng khí trả trước trong vòng bốn (04) năm kể từ năm phát sinh và có thể khấu trừ vào nghĩa vụ báo tiêu mà không phải chịu bất kỳ một chi phí nào khác. Tiền khí trả trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được khấu trừ vào nghĩa vụ báo tiêu trong năm 2025 theo thỏa thuận giữa 2 bên.

MẪU SỐ B-09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa và vật kiến trúc | | Máy móc và thiết bị | | Phương tiện vận tải | | Thiết bị văn phòng | | Tài sản cố định hữu hình khác | | Tổng | |
|--|--------------------------|--------------------|---------------------|------------------|---------------------|--------------------|--------------------|-----|-------------------------------|-----|------|-----|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| NGUYÊN GIÁ | | | | | | | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 18.696.878.864.658 | 49.102.574.432.759 | 344.916.978.533 | 262.446.620.449 | 2.138.181.244.208 | 70.534.998.041.647 | | | | | | |
| Mua năm mới | 1.417.442.796 | 69.682.593.454 | 24.616.820.624 | 28.482.916.772 | 1.781.833.017 | 125.961.009.668 | | | | | | |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 2.814.599.473.138 | 26.249.776.277.967 | | | 389.609.851 | 24.064.775.360.896 | | | | | | |
| Tặng do nâng cấp | - | 123.467.809.431 | | | | 123.467.809.431 | | | | | | |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (4.114.610.716) | (11.488.930.800) | (5.071.903.384) | - | (20.973.444.900) | | | | | | |
| Tặng/ghiảm) khác | (2.780.032.767) | 9.671.812.813 | | (512.170.000) | | 6.274.180.046 | | | | | | |
| Số dư cuối năm | 21.510.115.747.825 | 70.551.058.315.688 | 367.846.670.357 | 275.345.363.837 | 2.140.237.229.076 | 94.834.603.936.783 | | | | | | |
| GIÁ TRỊ HẠO MÓN LŨY KẾ | | | | | | | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 9.374.828.386.892 | 35.592.252.575.335 | 201.070.637.750 | 203.234.984.970 | 603.243.185.084 | 46.265.235.770.801 | | | | | | |
| Trích khấu hao vào chi phí trong năm | 610.558.048.592 | 1.921.417.492.889 | 12.319.715.796 | 17.891.465.436 | 69.740.218.934 | 2.851.867.330.314 | | | | | | |
| Khấu hao của tài sản phục vụ xây dựng cơ bản dở dang | - | - | 2.313.195.488 | 375.517.307 | - | 2.688.712.795 | | | | | | |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (4.114.610.716) | (11.686.930.800) | (15.071.903.384) | - | (20.873.444.900) | | | | | | |
| Tặng/ghiảm) khác | (7.950.229.946) | 6.554.531.967 | 562.409.974 | (566.343.380) | (105.450.000) | (1.505.081.385) | | | | | | |
| Số dư cuối năm | 10.177.436.215.538 | 37.516.109.989.075 | 285.179.028.118 | 215.603.909.876 | 692.683.954.016 | 48.097.413.096.625 | | | | | | |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | | | | | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 9.322.050.467.766 | 13.510.321.857.664 | 53.246.341.813 | 49.211.535.479 | 1.334.932.050.124 | 24.260.762.261.846 | | | | | | |
| Tại ngày cuối năm | 11.332.678.532.287 | 33.034.948.326.613 | 62.667.842.239 | 59.541.453.961 | 1.247.353.285.058 | 45.737.190.440.158 | | | | | | |

MẪU SỐ B-09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 24.509.071.911.251 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 16.159.131.515.895 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các tài sản cố định hữu hình khác với giá trị còn lại là 6.541.643.254.323 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 6.466.651.071.940 VND) đã được thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng (xem Thuyết minh số 22).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các tài sản cố định hữu hình thuộc Nhà máy Điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 với tổng nguyên giá là 24.010.378.718.917 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 0 VND) là giá trị tạm tăng căn cứ theo chi phí thực tế đã phát sinh tại thời điểm tài sản cố định sẵn sàng đưa vào sử dụng. Nguyên giá các tài sản này có thể sẽ được điều chỉnh lại khi quyết toán công trình được phê duyệt bởi cơ quan có thẩm quyền. Các tài sản cố định nêu trên được sử dụng để thế chấp cho khoản tiền vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng SMBC - Chi nhánh Singapore, Ngân hàng Citibank và Ngân hàng ING (xem Thuyết minh số 22).

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Quyền sử dụng đất VND | Phần mềm máy tính VND | Tài sản cố định vô hình khác VND | Tổng VND |
|--|--------------------------|--------------------------|-------------------------------------|-----------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | |
| Số dư đầu năm | 31.410.888.593 | 88.047.561.354 | 104.500.000 | 119.562.949.947 |
| Mua sắm mới | - | 7.621.940.000 | - | 7.621.940.000 |
| Giảm khác | - | (833.288.350) | - | (833.288.350) |
| Số dư cuối năm | 31.410.888.593 | 94.836.213.004 | 104.500.000 | 126.351.601.597 |
| GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ | | | | |
| Số dư đầu năm | 2.490.952.878 | 65.529.042.204 | 104.500.000 | 68.124.495.082 |
| Trích khấu hao vào chi phí trong năm | 276.012.710 | 6.614.068.253 | - | 6.890.080.963 |
| Khấu hao của tài sản phục vụ xây dựng cơ bản dở dang | - | 468.356.590 | - | 468.356.590 |
| Giảm khác | - | (833.288.350) | - | (833.288.350) |
| Số dư cuối năm | 2.766.970.588 | 71.778.178.697 | 104.500.000 | 74.649.649.285 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 28.919.935.715 | 22.518.519.150 | - | 51.438.454.865 |
| Tại ngày cuối năm | 28.643.918.005 | 23.058.034.307 | - | 51.701.952.312 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 60.221.502.387 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 60.560.540.737 VND).

Tổng công ty sử dụng quyền sử dụng đất tại địa chỉ xã Khánh An, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (xem Thuyết minh số 22). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, giá trị còn lại của tài sản cố định này là 1.887.507.439 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 2.163.625.149 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các tài sản cố định vô hình với giá trị còn lại là 354.584.618 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 290.863.564 VND) đã được thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty Cổ phần Thủy điện Đakrinh (Công ty con của Tổng công ty) tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (xem Thuyết minh số 22).

MẪU SỐ B-09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|----------------------|--------------------|
| Số đầu năm | 19.758.833.869.004 | 9.031.969.199.854 |
| Phát sinh trong năm | 5.928.613.308.740 | 11.368.366.610.306 |
| Kết chuyển sang tài sản cố định | (24.064.775.360.896) | (61.417.559.800) |
| Ghi nhận vào chi phí trả trước hoặc chi phí | (177.636.327.435) | (101.736.320.965) |
| Giảm khác | (536.038.069.677) | (478.348.060.391) |
| Số cuối năm | 909.197.419.736 | 19.758.833.869.004 |

Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|------------------------|---------------------------|
| Dự án trụ sở làm việc của Tổng Công ty (i) | 630.166.463.319 | 548.805.938.640 |
| Sửa chữa định kỳ các nhà máy điện | 140.427.597.877 | 402.435.996.797 |
| Nhà máy Thủy điện Hòa Na | 57.821.725.052 | 54.008.334.976 |
| Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 | 41.355.707.848 | 18.703.166.085.690 |
| Dự án Tiểu khu 2 tại Nhơn Trạch | 25.703.457.197 | 25.703.457.197 |
| Các dự án khác | 13.722.468.443 | 24.614.055.704 |
| | 909.197.419.736 | 19.758.833.869.004 |

(i) Phản ánh chi phí đầu tư trụ sở làm việc của Tổng công ty theo Hợp đồng số 92/2022/HĐ/PVP-DLC-AN về mua bán Công trình Xây dựng - Tòa nhà văn phòng DLC tại Lô C, ở đất L14-HH, tuyến phố Lăng Hạ - Thanh Xuân, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội (trước đây là phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội). Tổng giá trị hợp đồng là 726 tỷ VND (đã bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và tất cả các khoản thuế, và lệ phí). Toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu và lợi ích của Tổng công ty phát sinh từ hợp đồng này được sử dụng để bảo đảm cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (xem Thuyết minh số 22).

Trong năm, tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang với số tiền là 790.999.486.310 VND (năm 2024: 821.998.594.955 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--|--------------------|-------------------|
| Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 20% | 20% |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ | 80.857.406.274 | 76.335.415.657 |
| | 80.857.406.274 | 76.335.415.657 |

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--|--------------------|-------------------|
| Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế | 2.466.488.749 | 4.444.869.270 |
| | 2.466.488.749 | 4.444.869.270 |

16. THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, số dư thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn phản ánh giá trị vật tư dự phòng sửa chữa theo yêu cầu kỹ thuật tại Nhà máy điện Nhơn Trạch 1, Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4, Nhà máy điện Cà Mau 1 và 2, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và Nhà máy Thủy điện Hòa Na.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|--------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND |
| a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn | 4.059.278.898.484 | 4.059.278.898.484 | 3.869.989.240.651 | 3.869.989.240.651 |
| Tập đoàn Samsung C&T | 1.488.546.599.381 | 1.468.546.599.381 | 1.157.491.072.304 | 1.157.491.072.304 |
| Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam-CTCP | 827.005.783.438 | 827.005.783.438 | 669.737.859.004 | 669.737.859.004 |
| Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam | 825.732.238.252 | 825.732.238.252 | 890.424.236.375 | 890.424.236.375 |
| Tập đoàn Điện lực Việt Nam | 68.865.784.720 | 68.865.784.720 | 62.040.217.390 | 62.040.217.390 |
| Các nhà cung cấp khác | 869.128.494.693 | 869.128.494.693 | 1.090.295.855.578 | 1.090.295.855.578 |
| b. Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 38) | 10.820.385.206.575 | 10.820.385.206.575 | 11.856.159.167.500 | 11.856.159.167.500 |
| | 14.879.664.105.059 | 14.879.664.105.059 | 15.726.148.408.151 | 15.726.148.408.151 |

MẪU SỐ B.09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--|--------------------|-------------------|
| a. Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn | 18.945.668.200 | 3.135.128.028 |
| Công ty Cổ phần Thanh Bình Phú Mỹ - Chi nhánh Đà Nẵng | 12.107.615.053 | - |
| Các đối tượng khác | 6.838.053.147 | 3.135.128.028 |
| b. Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 38) | 1.035.959.620 | 85.947.238.684 |
| | 19.981.627.820 | 89.082.366.712 |

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | Số đầu năm VND | Số phải nộp trong năm VND | Số đã nộp trong năm VND | Số cuối năm VND |
|------------------------------|-------------------|------------------------------|----------------------------|--------------------|
| a. Các khoản phải thu | | | | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 18.101.690.974 | 53.428.226.605 | 84.079.095.113 | 48.752.559.482 |
| Thuế khác | 54 | 54 | 26.551.226 | 26.551.226 |
| | 18.101.691.028 | 53.428.226.659 | 84.105.646.339 | 48.779.110.708 |
| b. Các khoản phải trả | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 13.954.198.753 | 382.045.660.043 | 377.184.927.071 | 18.814.931.725 |
| Thuế xuất nhập khẩu | - | 9.300.888.950 | 9.300.888.950 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 28.002.938.208 | 180.193.753.301 | 120.504.445.891 | 87.692.245.618 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 12.690.474.092 | 101.373.009.389 | 104.392.752.881 | 9.670.730.590 |
| Thuế tài nguyên | 9.753.858.074 | 245.624.756.799 | 239.799.132.844 | 15.579.282.029 |
| Các khoản thuế, phí khác | 11.893.763.006 | 326.762.968.883 | 323.261.249.824 | 16.395.082.065 |
| | 76.295.032.123 | 1.245.900.637.365 | 1.174.443.997.461 | 147.152.272.027 |

MẪU SỐ B.09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Chi phí mua nguyên vật liệu, vật tư phải trả | 1.759.182.249.417 | 1.224.032.786.438 |
| Chi phí lãi vay | 217.469.474.575 | 175.194.450.163 |
| Chi phí bảo trì (i) | 123.897.320.380 | 103.785.694.429 |
| Chi phí thuê, phí bảo lãnh cho các khoản vay | 15.118.056.324 | 2.749.579.615 |
| Chi phí bảo hiểm vận hành nhà máy | 8.894.901.525 | 4.081.076.035 |
| Chi phí phải trả khác | 30.994.919.474 | 24.853.559.160 |
| | 2.159.534.921.675 | 1.534.677.045.840 |

(i) Chi phí bảo trì được trích theo các hợp đồng bảo trì, sửa chữa dài hạn thiết bị chính các nhà máy điện giai đoạn 100.000 giờ vận hành EOH tiếp theo cho mỗi tổ máy được ký giữa Tổng công ty và công ty con với liên danh Siemens Energy Global GmbH & Co. KG/Siemens Energy Limited Company.

21. PHẢI TRẢ KHÁC

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|--------------------|-------------------|
| a. Ngắn hạn | | |
| Phải trả Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (i) | 946.664.129.079 | 1.352.456.971.573 |
| Phải trả cổ tức cho cổ đông | 17.179.119.535 | 13.248.342.493 |
| Phải trả về cổ phần hóa | 7.986.764.525 | 7.986.764.525 |
| Phải trả ngắn hạn khác: | 85.413.169.035 | 94.241.303.040 |
| | 1.058.243.182.174 | 1.467.933.381.631 |
| Trong đó: Phải trả khác các bên liên quan (trình bày tại Thuyết minh số 38) | 947.432.402.811 | 1.353.225.245.305 |
| b. Dài hạn | | |
| Nhận kỳ cược, kỳ quỹ dài hạn | 468.344.997 | 491.146.032 |
| | 468.344.997 | 491.146.032 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, số dư phải trả Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam bao gồm:

Lợi nhuận sau thuế có nguồn gốc từ khoản chênh lệch tỷ giá của hợp đồng mua bán điện Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 năm 2016 và 2017 trong giai đoạn Tổng công ty chưa chính thức chuyển sang công ty cổ phần (do Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ) phải trả cho Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam với số tiền là 728.174.152.403 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.029.174.152.403 VND), theo hướng dẫn của Công văn số 13683/BTC-TCĐN ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Cục Tài chính Doanh nghiệp - Bộ Tài chính.

Lợi nhuận sau thuế phải nộp về Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam phát sinh thêm cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 với số tiền là 218.489.976.676 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 324.282.819.170 VND) theo Quyết định số 1427/QĐ-DKVN ngày 11 tháng 3 năm 2024 do Hội đồng Thành viên Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

a. Ngân hàng

| | Số đầu năm | | Trong năm | | Số cuối năm | |
|-------------------------|--------------------|-----------------------|--------------------|----------------------|------------------------|--------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | (Giảm) | Tăng chênh lệch tỷ giá | Giá trị |
| | VND | | VND | | VND | |
| Vay ngắn hạn | 12.346.440.481.181 | 12.346.440.481.181 | 25.717.299.571.851 | (28.724.334.830.756) | 25.368.920.552 | 9.364.714.142.828 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 1.361.662.066.509 | 1.161.662.066.509 | 1.879.240.177.800 | (1.351.662.066.507) | 5.658.631.790 | 1.884.898.809.598 |
| | 13.508.102.547.690 | 13.508.102.547.690 | 27.596.479.749.651 | (29.885.996.897.263) | 31.027.552.348 | 11.249.612.952.426 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn theo ngân hàng như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam (i) | 2.274.306.137.095 | 528.479.398.332 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội (i) | 1.794.073.732.517 | - |
| Ngân hàng Citibank (i) | 1.401.374.592.171 | 729.214.726.961 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Minh (i) | 1.275.982.499.322 | 1.778.426.882.399 |
| Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (i) | 901.108.403.998 | - |
| Ngân hàng TNHH Bank of China (Hong Kong) (i) | 835.216.514.655 | 908.000.000.000 |
| Ngân hàng TNHH MTV Shinhank Việt Nam (i) | 400.000.000.000 | - |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i) | 249.863.667.608 | 1.565.837.719.739 |
| Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited (i) | 232.788.595.462 | 225.001.582.836 |
| Ngân hàng Citibank và Ngân hàng ING Bank | - | 5.132.563.956.987 |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam | - | 1.178.916.213.927 |
| Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) | - | 300.000.000.000 |
| | 9.364.714.142.828 | 12.346.440.481.181 |

(i) Các khoản vay ngắn hạn của Tổng công ty và các công ty con được giải ngân bằng Đồng Việt Nam để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn các khoản vay từ 01 tháng đến dưới 12 tháng, lãi được trả vào ngày đáo hạn hoặc định kỳ hàng tháng, gốc được trả vào ngày đáo hạn. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

b. Dài hạn

| | Số đầu năm | | Trong năm | | Số cuối năm | |
|---------------------------------|--------------------|-----------------------|--------------------|---------------------|------------------------|---------------------|
| | VND | | VND | | VND | |
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | (Giảm) | Tăng chênh lệch tỷ giá | Số có khả năng tăng |
| Vay dài hạn | 10.312.962.794.270 | 10.312.962.794.270 | 10.223.222.471.336 | (1.161.782.066.507) | 14.794.975.175,8 | 19.522.352.950.857 |
| | 10.312.962.794.270 | 10.312.962.794.270 | 10.223.222.471.336 | (1.161.782.066.507) | 14.794.975.175,8 | 19.522.352.950.857 |
| Trong đó: | | | | | | |
| Số phải trả trong vòng 12 tháng | 1.161.662.066.509 | 1.161.662.066.509 | | | | 1.884.898.809.598 |
| Số phải trả sau 12 tháng | 9.151.300.727.761 | 9.151.300.727.761 | | | | 17.637.454.141.259 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

(ii) Chi tiết số dư các khoản vay dài hạn theo ngân hàng như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Ngân hàng Citibank - Chi nhánh Singapore và Ngân hàng ING - Chi nhánh Singapore (i) | 9.874.406.242.724 | - |
| Ngân hàng Sumitomo Mitsui Singapore | 4.528.990.162.651 | 4.847.167.482.843 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam | 3.339.344.098.522 | 3.150.648.634.702 |
| Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam | 881.808.141.472 | 1.108.933.036.144 |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam | 624.907.000.000 | 734.174.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội | 217.695.818.369 | 290.261.091.185 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 46.722.398.352 | 74.776.864.818 |
| Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam | 8.479.088.747 | 25.450.811.811 |
| Ngân hàng HSBC USA New York | - | 81.550.872.767 |
| | 19.522.352.950.857 | 10.312.962.794.270 |
| Trúc số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn) | 1.684.898.809.598 | 1.161.662.066.509 |
| Số phải trả sau 12 tháng | 17.637.454.141.259 | 9.151.300.727.761 |

Các khoản vay dài hạn của Tổng công ty và công ty con được giải ngân bằng Đô la Mỹ và Đồng Việt Nam để phục vụ đầu tư các dự án xây dựng, nâng cấp các nhà máy điện và Trụ sở làm việc của Tổng công ty. Các khoản vay này được Tổng công ty và công ty con vay dưới hình thức tín chấp, được bên thứ 3 bảo lãnh hoặc được bảo đảm bằng tài sản của Tổng công ty và công ty con.

Các khoản vay được phân loại theo đồng tiền giải ngân như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Vay bằng USD | 14.403.396.405.375 | 4.928.718.355.610 |
| Vay bằng VND | 5.118.956.545.482 | 5.384.244.438.660 |
| | 19.522.352.950.857 | 10.312.962.794.270 |

Các khoản vay dài hạn được phân loại theo loại hình bảo đảm như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Bảo lãnh của bên thứ ba (Bộ Tài chính) | - | 81.550.872.767 |
| Tín chấp | 727.270.444.475 | 5.816.861.400.114 |
| Bảo đảm bằng tài sản | 18.795.082.506.382 | 4.414.550.521.389 |
| | 19.522.352.950.857 | 10.312.962.794.270 |

MẪU SỐ B.09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Các khoản vay của Tổng công ty được ký hợp đồng theo lãi suất thả nổi. Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--|--------------------|--------------------|
| Trong vòng một năm | 1.884.898.809.598 | 1.161.662.066.509 |
| Trong năm thứ hai | 2.064.869.443.438 | 1.135.016.183.438 |
| Từ năm thứ ba đến năm thứ năm | 5.690.966.410.807 | 3.310.939.305.632 |
| Sau năm năm | 9.881.618.287.014 | 4.705.345.238.693 |
| | 19.522.352.950.857 | 10.312.962.794.270 |
| Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn) | 1.884.898.809.598 | 1.161.662.066.509 |
| Số phải trả sau 12 tháng | 17.637.454.141.259 | 9.151.300.727.761 |

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, dự phòng phải trả phản ánh chi phí bảo trì, sửa chữa lớn được Tổng công ty trích trước cho Nhà máy điện Cà Mau 1 và 2, Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 và Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, cụ thể như sau:

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Số đầu năm | 3.059.785.896.438 | 2.881.855.326.641 |
| Trích lập dự phòng bổ sung trong năm | 863.464.389.534 | 596.021.145.074 |
| Các khoản dự phòng đã sử dụng | (417.895.382.585) | (388.090.575.277) |
| Số cuối năm | 3.505.354.903.387 | 3.059.785.896.438 |

Chi tiết:

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|----------------------------|--------------------|-------------------|
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | 1.472.054.420.133 | 553.193.180.684 |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 2.033.300.483.254 | 2.506.592.715.754 |
| | 3.505.354.903.387 | 3.059.785.896.438 |

MẪU SỐ B.09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
|--|---------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------|--|------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Vốn khác của chủ sở hữu | Chênh lệch đánh giá lại tài sản | Quý đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích có đóng không kiểm soát | Tổng cộng | VND |
| Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 | 33.418.716.000.000 (274.807026) | 225.720.372.645 (891.905.728.000) | 4.039.358.688.763 (3.922.654.507.752) | 3.704.559.126.785 (34.119.429.170.920) | 99.753.676.196 (1.211.341.955.195) | 1.111.588.278.970 (386.721.644.015) | 1.211.341.955.196 (171.223.410.703) | 1.211.341.955.196 (231.524.161.004) | 1.211.341.955.196 (254.118.912.232) |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | 386.721.644.015 | 1.111.588.278.970 | 99.753.676.196 | 1.211.341.955.196 | 1.211.341.955.196 |
| Trích quỹ đầu tư phát triển (i) | - | - | - | - | (386.721.644.015) | - | - | (386.721.644.015) | (386.721.644.015) |
| Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng viên chức, quỹ (j) | - | - | - | - | - | (214.491.631.300) | - | (171.223.410.703) | (231.524.161.004) |
| Phần phải lợi nhuận phải, ảnh bổ sung giá trị Công ty TNHH MTV | - | - | - | - | - | 294.118.912.232 | - | (254.118.912.232) | - |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | - | - | - | (134.133.414.578) | (134.133.414.578) |
| Nhận thêm vốn góp trong năm | - | - | - | - | - | - | - | 21.000.000.000 | 21.000.000.000 |
| Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ sở hữu công ty con | - | - | - | - | - | (1.627.201.609) | - | 1.627.201.609 | - |

| | Vốn góp của chủ sở hữu | | Thặng dư vốn cổ phần | | Vốn khác của chủ sở hữu | | Chênh lệch đánh giá lại tài sản | | Quỹ đầu tư phát triển | | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | | Tổng cộng | |
|---|------------------------|---------------|----------------------|-------------------|-------------------------|-------------------|---------------------------------|-------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------------------|--------------------|---------------------------------|-------------------|------------------|-----|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Giảm khác | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | (17.008.355.420) | (14.261.352.186) | - | - | (21.359.707.606) | |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 | 23.418.716.000.000 | (274.807.025) | 225.720.372.945 | (191.305.728.000) | 4.426.081.342.776 | 4.426.081.342.776 | 4.426.081.342.776 | 4.426.081.342.776 | 4.426.081.342.776 | 4.426.081.342.776 | 2.677.422.888.323 | 34.680.634.910.666 | 560.434.478.221 | 3.007.141.452.275 | | |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | - | - | - | - | 397.128.675.216 | (397.128.675.216) | - | - | - | - | - | |
| Trích quỹ đầu tư phát triển (i) | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | |
| Tại trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng viên chức quản lý (i) | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | |
| Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (ii) | 4.449.404.900.000 | - | - | - | - | - | - | - | (3.512.771.040.000) | (1036.723.920.000) | - | - | - | - | - | |
| Giảm khác | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 27.868.210.960.000 | (274.807.025) | 225.720.372.945 | (191.305.728.000) | 1.310.436.977.934 | 1.310.436.977.934 | 1.310.436.977.934 | 1.310.436.977.934 | 5.002.271.987.019 | 3.000.846.572.865 | 372.15.906.335.498 | - | - | (4.796.522.011) | (4.796.522.011) | |

(i) Căn cứ theo Phương án phân phối lợi nhuận đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Tổng công ty và các công ty con đã trích Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-ĐN/HN

(ii) Căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 số 73/NQ-ĐHĐCĐ về ngày 26 tháng 9 năm 2025 về việc Thông qua Phương án chào bán/phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Tổng công ty, Tổng công ty đã phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với tỷ lệ 4% và tăng vốn cổ phần từ quỹ đầu tư phát triển với tỷ lệ 15%, đồng thời thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 12%, chi tiết như sau:

Đợt 1: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

Ngày 11 tháng 12 năm 2025, Tổng công ty đã thực hiện chốt danh sách cổ đông để phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Ngày 22 tháng 12 năm 2025, Tổng công ty nhận được Công văn số 9119/UBCK-QLCS của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Ngày 13 tháng 01 năm 2026, Tổng công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 19 số 0102276173 được cấp bởi Sở Tài chính Thành phố Hà Nội, trong đó vốn điều lệ được điều chỉnh từ 23.418.716.000.000 VND thành 27.868.210.960.000 VND.

Ngày 14 tháng 01 năm 2026, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã chấp thuận cho Tổng công ty được thay đổi đăng ký niêm yết liên quan đến việc phát hành cổ phiếu nêu trên. Theo đó, số lượng chứng khoán thay đổi niêm yết là 444.949.496 cổ phiếu.

Đợt 2: Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

Tổng công ty thực hiện và hoàn thành trong tháng 01 và tháng 02 năm 2026. Chi tiết xem tại Thuyết minh số 39.

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 19 ngày 13 tháng 01 năm 2026 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Tổng công ty là 27.868.210.960.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

| Cổ đông | Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | | Vốn đã góp tại ngày cuối năm | | Vốn đã góp tại ngày đầu năm | |
|---|---|-------|------------------------------|-------|-----------------------------|-------|
| | VND | % | VND | % | VND | % |
| Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam | 22.278.483.570.000 | 79,94 | 22.278.483.570.000 | 79,94 | 18.721.414.770.000 | 78,94 |
| Các cổ đông khác | 5.589.727.390.000 | 20,06 | 5.589.727.390.000 | 20,06 | 4.697.301.230.000 | 20,06 |
| | 27.868.210.960.000 | 100 | 27.868.210.960.000 | 100 | 23.418.716.000.000 | 100 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|---------------|---------------|
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 2.786.821.096 | 2.341.871.600 |
| Cổ phiếu phổ thông | 2.786.821.096 | 2.341.871.600 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 2.786.821.096 | 2.341.871.600 |
| Cổ phiếu phổ thông | 2.786.821.096 | 2.341.871.600 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Biến động vốn góp của chủ sở hữu trong năm như sau:

| | Năm nay | | Năm trước | |
|--|---------------|---------------------------|---------------|---------------------------|
| | Số cổ phiếu | Giá trị theo mệnh giá VND | Số cổ phiếu | Giá trị theo mệnh giá VND |
| Số dư đầu năm | 2.341.871.600 | 23.418.716.000.000 | 2.341.871.600 | 23.418.716.000.000 |
| Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức | 93.872.392 | 936.723.920.000 | - | - |
| Tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu | 351.277.104 | 3.512.771.040.000 | - | - |
| Số dư cuối năm | 2.786.821.096 | 27.868.210.960.000 | 2.341.871.600 | 23.418.716.000.000 |

Cổ tức

Trong năm, Tổng công ty đã chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 73/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 9 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngoại tệ các loại

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------|---------------|------------|
| Đô la Mỹ (USD) | 23.808.898,33 | 127.935,71 |
| Đồng Euro (EUR) | 147,56 | 164,06 |

Tài sản thuế ngoài

Các khoản thanh toán thuế hoạt động thể hiện các hợp đồng thuê đất được ký với Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa để thực hiện dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 và hợp đồng thuê đất đất ký với Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai của Nhà máy điện Nhơn Trạch 1;

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|--------------------|-------------------|
| Tổng số trên thuế tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không huy ngang theo các thời hạn | | |
| Trong vòng một năm | 10.004.106.343 | 10.004.106.343 |
| Từ năm thứ hai đến năm thứ năm | 40.016.425.371 | 40.016.425.371 |
| Trên năm năm | 226.845.750.759 | 236.849.857.102 |
| | 276.866.282.473 | 286.870.388.816 |

Vật tư nhận giữ hộ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, theo Hợp đồng bảo trì, sửa chữa dài hạn thiết bị chính Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2, Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Công ty con của Tổng công ty) nhận giữ hộ một số vật tư phụ tùng thuộc sở hữu của nhà thầu Siemens Energy Global GmbH nhằm mục đích phục vụ cho nhu cầu bảo trì bảo dưỡng của nhà máy. Các vật tư này sẽ được quyết toán sau thời điểm kết thúc hợp đồng sửa chữa dài hạn đã được ký kết với Công ty.

26. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác. Tổng công ty có các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Sản xuất và kinh doanh điện khí

Sản xuất và kinh doanh điện than

Sản xuất và kinh doanh thủy điện

Các hoạt động kinh doanh khác bao gồm dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa nhà máy điện, sản xuất và kinh doanh điện năng lượng tái tạo và các hoạt động sản xuất kinh doanh khác.

Các nhà máy sản xuất điện và các khách hàng mua điện của Tổng công ty đều hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, không có Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý cần phải trình bày.

Tổng công ty chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tổng công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tổng công ty sản xuất ra.

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Bảng cân đối kế toán hợp nhất bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

| | Sản xuất và kinh doanh điện khí | | Sản xuất và kinh doanh điện than | | Sản xuất và kinh doanh thủy điện | | Khác | | Tổng | |
|---------------------------|---------------------------------|--------------------|----------------------------------|-----|----------------------------------|-----------------|------|-----|--------------------|-----|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Tài sản | | | | | | | | | | |
| Tài sản bộ phận | 45.809.026.194.122 | 18.356.223.043.767 | 7.628.507.734.193 | | | 622.343.859.820 | | | 72.636.206.921.902 | |
| Tài sản không phân bổ | | | | | | | | | 15.895.728.141.874 | |
| Tổng cộng tài sản | 45.809.026.194.122 | 18.356.223.043.767 | 7.628.507.734.193 | | | 622.343.859.820 | | | 88.611.929.063.776 | |
| Nợ phải trả | | | | | | | | | | |
| Nợ phải trả bộ phận | 20.361.747.732.926 | 1.746.267.659.467 | 1.820.273.553.928 | | | 814.823.925.804 | | | 24.743.112.872.125 | |
| Nợ phải trả không phân bổ | | | | | | | | | 25.652.907.856.153 | |
| Tổng cộng nợ phải trả | 20.361.747.732.926 | 1.746.267.659.467 | 1.820.273.553.928 | | | 814.823.925.804 | | | 51.306.020.728.278 | |

Bảng cân đối kế toán hợp nhất bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

| | Sản xuất và kinh doanh điện khí | | Sản xuất và kinh doanh điện than | | Sản xuất và kinh doanh thủy điện | | Khác | | Tổng | |
|---------------------------|---------------------------------|--------------------|----------------------------------|-----|----------------------------------|-----------------|------|-----|--------------------|-----|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Tài sản | | | | | | | | | | |
| Tài sản bộ phận | 38.364.183.611.576 | 21.297.904.085.850 | 7.719.928.218.044 | | | 548.928.837.914 | | | 66.930.944.753.484 | |
| Tài sản không phân bổ | | | | | | | | | 13.884.087.976.078 | |
| Tổng cộng tài sản | 38.364.183.611.576 | 21.297.904.085.850 | 7.719.928.218.044 | | | 548.928.837.914 | | | 79.915.032.729.562 | |
| Nợ phải trả | | | | | | | | | | |
| Nợ phải trả bộ phận | 18.957.147.265.405 | 2.075.152.928.984 | 2.310.262.376.657 | | | 472.902.814.648 | | | 23.815.465.385.694 | |
| Nợ phải trả không phân bổ | | | | | | | | | 21.418.932.433.202 | |
| Tổng cộng nợ phải trả | 18.957.147.265.405 | 2.075.152.928.984 | 2.310.262.376.657 | | | 472.902.814.648 | | | 45.294.397.818.896 | |

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

| | Sản xuất và kinh doanh điện khí | | Sản xuất và kinh doanh điện than | | Sản xuất và kinh doanh thủy điện | | Khác | | Tổng | |
|--|---------------------------------|---------------------|----------------------------------|-----|----------------------------------|-----|------|---------------|----------------------|-----|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Doanh thu thuần | 20.879.473.885.434 | 11.452.748.199.041 | 1.783.032.328.250 | | 190.886.059.190 | | | | 34.306.140.471.915 | |
| Giảm vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ | (18.860.772.000.312) | (9.978.326.752.547) | (860.825.744.846) | | (130.485.236.098) | | | 2.822.875.586 | (29.827.586.858.177) | |
| Lợi nhuận kinh doanh theo bộ phận | 2.018.701.885.122 | 1.474.421.446.494 | 922.206.583.404 | | 60.400.823.132 | | | 2.822.875.586 | 4.478.563.613.738 | |
| Chi phí bán hàng và chi phí quản lý | | | | | | | | | (1.247.246.508.966) | |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | | | | | | 1.031.587.911.031 | |
| Phân bổ trong công ty liên kết | | | | | | | | | -4.817.527.378 | |
| Chi phí tài chính | | | | | | | | | (1.033.585.482.873) | |
| Lãi khác | | | | | | | | | 69.005.737 | |
| Lợi nhuận trước thuế | | | | | | | | | 3.234.263.066.043 | |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | | | | | (2.271.211.608.768) | |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | | | | | 3.007.141.457.275 | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

| | Sản xuất và kinh doanh điện khí | Sản xuất và kinh doanh điện than | Sản xuất và kinh doanh thủy điện | Khác | Tổng |
|--|---------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|------------------|----------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| Doanh thu thuần | 18.007.310.167,070 | 30.830.470.027,901 | 1.315.440.405,148 | 151.813.668,530 | 30.305.634.268,649 |
| Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ | (17.270.438.484,682) | (10.228.737,969,205) | (72.740,2.888,076) | (82.220,572,221) | (28.307,984.591,490) |
| Lợi nhuận kinh doanh theo bộ phận | 737.471,682,388 | 6.001,732,058,696 | 588,037,517,072 | 694,693,096,309 | 1.997,699,677,159 |
| Chi phí bán hàng và chi phí quản lý | | | | | (877,790,745,775) |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | | 566,095,305,919 |
| Phần lãi trong công ty liên kết | | | | | 42,169,900,016 |
| Chi phí tài chính | | | | | (845,430,985,696) |
| Lãi khác | | | | | 500,407,925,002 |
| Lợi nhuận trước thuế | | | | | 1.383,241,166,627 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | (671,899,211,461) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | 1.211,341,955,166 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**27. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--|--------------------|--------------------|
| Doanh thu bán điện | 34.120.578.197,617 | 30.158.580.386,474 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 132.218.016,044 | 104.219.140,753 |
| Doanh thu khác | 53.344.268,254 | 42.834.761,422 |
| | 34.306.140.471,915 | 30.305.634.268,649 |
| Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 38) | 242.172.535,406 | 265.894.888,833 |

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-----------------------------|--------------------|--------------------|
| Giá vốn bán điện | 29.697.516.670,311 | 28.231.353.351,398 |
| Giá vốn dịch vụ đã cung cấp | 69.942.179,019 | 35.209.174,979 |
| Giá vốn khác | 60.128.008,847 | 41.402.065,115 |
| | 29.827.586.858,177 | 28.307.964.591,490 |

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|----------------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 23.417.978.687,045 | 22.508.894.837,594 |
| Chi phí nhân công | 1.338.992.138,289 | 997.210.026,179 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.858.757,216,277 | 2.818.161.656,247 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.365.498.686,993 | 1.391.406.499,204 |
| Chi phí khác | 2.090.509,730,697 | 1.428.737.209,679 |
| | 31.071.736.459,301 | 28.144.410.228,903 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--|--------------------------|------------------------|
| Lãi tiền gửi | 797.589.138.792 | 461.846.829.329 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 229.361.395.000 | 83.349.870.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá trong thành toán | 3.074.554.816 | 16.517.926.105 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại | 822.423 | 3.502.473.467 |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | 1.562.000.000 | 878.207.018 |
| | 1.031.587.911.031 | 566.085.305.919 |

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--|--------------------------|------------------------|
| Chi phí lãi vay | 655.412.115.805 | 381.646.636.179 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thành toán | 192.225.318.205 | 64.706.366.132 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại | 182.001.829.165 | 137.935.078.732 |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | (487.317.037) | - |
| Lỗ từ việc không còn ảnh hưởng đáng kể dẫn đến dừng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu | - | 231.169.220.257 |
| Chi phí tài chính khác | 4.366.535.735 | 29.973.685.396 |
| | 1.033.518.482.873 | 845.430.985.696 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**32. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|--------------------------|------------------------|
| Chi phí nhân công | 590.664.911.649 | 464.516.174.581 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 32.263.930.384 | 32.176.955.035 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ quản lý | 26.318.766.847 | 17.939.256.172 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 169.745.912.773 | 149.984.958.760 |
| Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi | 44.636.041.531 | (18.591.997.205) |
| Chi phí quản lý khác | 382.116.515.690 | 231.765.400.462 |
| | 1.245.746.078.874 | 877.790.745.775 |

33. LỢI NHUẬN KHÁC

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|-----------------------|--------------------------|
| a. Thu nhập khác | | |
| Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 3.279.569.382 | 2.475.517.704 |
| Thu nhập từ bồi thường bảo hiểm sự cố tổ máy số 1 Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 | 831.888.656 | 1.078.934.885.640 |
| Thu nhập từ ghi nhận tăng giá trị vật tư dự phòng ISP | - | 70.294.128.000 |
| Tiền phạt thu được | - | 4.681.222.672 |
| Thu nhập từ bồi thường bảo hiểm khác | - | 1.144.180.815 |
| Thu nhập khác | 17.318.403.447 | 40.658.721.651 |
| | 21.429.841.485 | 1.198.188.658.482 |
| b. Chi phí khác | | |
| Chi phí khắc phục sự cố tổ máy số 1 Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 | - | 688.833.980.804 |
| Chi phí khác | 21.360.835.748 | 8.856.750.676 |
| | 21.360.835.748 | 697.690.731.480 |
| Lợi nhuận khác | 69.005.737 | 500.497.925.002 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm như sau:

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|-----------------|------------------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp từ kinh doanh điện (i) | 229.783.890.898 | 165.262.133.337 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động khác | 3.838.089.008 | 5.355.942.841 |
| | 233.621.979.906 | 170.618.076.178 |

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm như sau:

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|-----------------|------------------|
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm (hời phạt) chịu thuế | - | 1.281.135.283 |
| (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ | (6.500.371.138) | - |
| (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | (6.500.371.138) | 1.281.135.283 |

(i) Đối với dự án Nhà máy Nhiệt Điện Vũng Áng 1, theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 01/KKT ngày 12 tháng 02 năm 2006 (ban hành cùng Giấy chứng nhận đầu tư số 2822/10000/09 ngày 12 tháng 02 năm 2008) do Ban Quản lý Khu kinh tế Vũng Áng, Tỉnh Hà Tĩnh cấp, thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án này được hưởng mức 10% áp dụng trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh, được miễn trong thời gian 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Khi dự án hoàn thành đầu tư đi vào hoạt động sẽ trình Thủ tướng Chính phủ cho hưởng mức thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong suốt thời gian thực hiện dự án. Năm 2025 là năm thứ năm Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp trên mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10%.

Đối với Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2, Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2 - Công ty con của Tổng công ty) có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu và thuế suất hiện hành cho những năm tiếp theo. NT2 được miễn thuế 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Năm 2025 là năm cuối cùng NT2 áp dụng thuế suất 10% trên thu nhập tính thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng (hoạt động chính).

Dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Hòa Na là dự án đầu tư mới tại phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An (trước đây là huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An) thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ. Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội, được sửa đổi bổ sung bởi Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na (HHC - Công ty con của Tổng công ty) được hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong 15 năm đầu hoạt động, được miễn thuế 04 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2013), giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2017). Đối với các hoạt động kinh doanh khác, Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành.

Đối với Nhà máy Thủy điện Đakdrinh, Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh (DHC - Công ty con của Tổng công ty) thực hiện dự án đầu tư mới trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (xã Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi, trước đây là huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi). Theo đó, Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 10% trong 15 năm kể từ năm có doanh thu (năm 2014) đồng thời được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm đầu tiên và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Sau thời gian được hưởng ưu đãi thuế, Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành.

Các công ty con và các nhà máy khác nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng công ty và các Công ty con căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được dựa trên lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 2.786.821.096 cổ phiếu, chi tiết như sau:

| | Năm nay | Năm trước (Trình bày lại) |
|---|-------------------|---------------------------|
| Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) | 2.426.856.979.064 | 1.111.588.278.970 |
| Trừ: Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) | - | (216.011.716.763) |
| Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND) | 2.426.856.979.064 | 895.576.562.207 |
| Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu) | 2.786.821.096 | 2.786.821.096 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 871 | 321 |

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty và các công ty con chưa trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2025, do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2025 có thể sẽ thay đổi khi Tổng công ty và các công ty con có quyết định phê duyệt phân phối lợi nhuận năm 2025.

Ngoài ra, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại do ảnh hưởng của việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2024 và thay đổi số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm như trình bày tại Thuyết minh số 24. Theo đó, số liệu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày lại như sau:

| | Số trình bày lại | Số đã báo cáo |
|---|-------------------|-------------------|
| Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) | 1.111.588.278.970 | 1.111.588.278.970 |
| Trừ: Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) | (216.011.716.763) | - |
| Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND) | 895.576.562.207 | 1.111.588.278.970 |
| Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu) | 2.786.821.096 | 2.341.871.600 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 321 | 475 |

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

36. CÁC KHOẢN TIỀM TÀNG

Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 được PVN bán giao cho Tổng công ty trước thời điểm Tổng công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần và được đầu tư bằng khoản vay có gốc ngoại tệ. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ("CLTG") giữa tỷ giá tại thời điểm trả nợ gốc vay và tỷ giá trong phương án giá điện phát sinh đến năm 2025, với tổng số tiền ước tính là 1.598 tỷ VND, sẽ được ghi nhận khi có phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền và các biến toán làm việc giữa Tổng Công ty và Công ty Mua Bán Điện/ Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EPTC/EVN) thống nhất về tỷ giá áp dụng và giá trị CLTG.

Trong năm 2025, EVN đã gửi thông báo cho các nhà máy điện về việc chấp thuận tỷ lệ thanh toán CLTG các năm 2019-2021, bao gồm phần còn lại của CLTG năm 2019 (68,3%), toàn bộ CLTG năm 2020 (100%) và một phần CLTG năm 2021 (21,6%). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty vẫn đang phối hợp với PVN và EPTC/EVN để rà soát số liệu và xem xét cơ sở áp dụng tỷ giá ngoại tệ để tính toán, thống nhất và xác nhận số tiền đối với các kỳ đã được EVN thông báo cũng như các giai đoạn còn lại.

Theo các Thỏa thuận và Biên bản họp về việc tạm thanh toán chi phí bảo trì sửa chữa nằm trong giá bán điện cho các Nhà máy điện Cà Mau 1 và 2 (D&M) giữa Tổng công ty và Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam, chi phí D&M từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021 được xác định trên cơ sở tạm tính. Chi phí này sẽ được điều chỉnh lại khi Tổng công ty và Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam ký kết Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng mua bán điện.

Theo Hợp đồng mua bán điện ngày 17 tháng 8 năm 2016 giữa Tổng công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam, tổng số tổng mức đầu tư nằm trong giá bán điện cho Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 được xác định trên tổng mức đầu tư kế hoạch của Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Thông số tổng mức đầu tư nằm trong giá bán điện này sẽ được điều chỉnh lại khi Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 được quyết toán giá trị vốn đầu tư và các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tổng công ty có thể phát sinh chi phí phá dỡ, xử lý tài sản gắn liền với đất để hoàn trả mặt bằng trong trường hợp không được gia hạn sử dụng đất vào cuối thời hạn thuê hoặc tới thời hạn kết thúc dự án của các nhà máy điện theo quy định của pháp luật hiện hành. Tổng công ty chưa thể ước tính giá trị và thời gian chi trả chi phí phá dỡ này một cách đáng tin cậy nên chưa có khoản dự phòng hoàn nguyên nào được ghi nhận, vào báo cáo Tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

37. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Ngày 07 tháng 8 năm 2023, Tổng công ty và Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam đã ký Hợp đồng mua bán khí cho Nhà máy điện Cà Mau 1 và 2. Trong đó, hai Bên thống nhất về Lượng Khí Giao Hàng Năm, Lượng Khí Nhận Tối Thiểu, Lượng Khí Ngày.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, Tổng công ty và Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP đã ký Hợp đồng mua bán khí LNG Tái Hòa cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4. Trong đó, Tổng công ty cam kết tiêu thụ toàn bộ lượng Khí LNG Tái Hòa theo khối lượng Khí LNG Tái Hòa trong Thời Hạn Tiêu Thụ Khí tại các Xác Nhận Mua Khí LNG Tái Hòa và/hoặc Chương Trình Giao Khí Năm.

Ngày 06 tháng 4 năm 2010, Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP đã ký Hợp đồng mua bán khí số 44/2010/PVGas/KTTH-PVPower NT2/B4. Theo đó, giá bán khí được thỏa thuận theo các điều khoản trong Hợp đồng mua bán khí và các phụ lục hợp đồng kèm theo và Công ty có trách nhiệm phải mua và thanh toán một lượng khí tối thiểu năm trong suốt thời hạn của hợp đồng cho đến khi kết thúc hợp đồng này vào ngày 31 tháng 12 năm 2036.

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|--|---------------|
| Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam | Công ty mẹ |
| Các đơn vị trong Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam | Cùng Tập đoàn |

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Trong năm, Tổng công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|--------------------|--------------------|
| Bán hàng | | |
| Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau | 242.172.535.408 | 205.894.888.833 |
| Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam | 206.753.007.990 | 200.943.888.833 |
| Công ty Cổ phần Điện khí LNG Quảng Ninh | 32.418.527.416 | 3.451.000.000 |
| | 3.000.000.000 | 1.500.000.000 |
| Mua hàng | | |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam | 19.196.283.171.499 | 15.094.431.541.015 |
| Tổng Công ty Bảo hiểm PVI | 12.470.219.510.965 | 5.093.207.407.317 |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP | 6.290.176.884.798 | 9.568.993.740.256 |
| Viện Dầu khí Việt Nam | 299.371.809.772 | 298.045.817.967 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam | 65.497.164.188 | 98.012.459.219 |
| Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP | 20.314.104.947 | 17.338.660.493 |
| Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC | 15.245.582.326 | 14.210.951.056 |
| Trường Cao đẳng Dầu khí | 11.556.685.643 | 559.759.719 |
| Tổng Công ty Phân bón và hóa chất Dầu Khí - CTCP | 1.110.343.500 | - |
| Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau | 784.737.450 | 844.310.000 |
| Trường Đại học Dầu Khí Việt Nam | 637.741.967 | - |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam | 496.701.580 | - |
| Tổng Công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí | 483.268.000 | - |
| | 388.636.363 | 228.925.000 |
| | - | 2.989.509.988 |
| Lãi tiền gửi | | |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam | 87.133.363.145 | 76.055.073.655 |
| | 87.133.363.145 | 76.055.073.655 |
| Thu nhập khác | | |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP | 853.795.723 | 1.079.849.722.872 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam | 666.436.784 | 665.453.388 |
| Viện Dầu khí Việt Nam | 138.272.724 | 138.272.724 |
| Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau | 44.444.448 | 111.111.120 |
| Tổng Công ty Bảo hiểm PVI | 4.641.767 | - |
| | - | 1.078.934.885.640 |
| Chi phí tài trợ | | |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam | 45.755.224.434 | 57.661.293.355 |
| | 45.755.224.434 | 57.661.293.355 |
| Lãi vay vốn hóa | | |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam | 28.260.956.930 | 32.122.040.558 |
| | 28.260.956.930 | 32.122.040.558 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tổng thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|----------------|------------------|
| Hội đồng Quản trị | | |
| Ông Hoàng Văn Quang | 1.300.127.269 | 1.065.774.981 |
| Ông Lê Như Linh | 1.326.728.176 | 1.269.269.494 |
| Bà Nguyễn Hoàng Yến | 1.210.281.669 | 1.169.013.744 |
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | 1.169.878.235 | 1.098.238.773 |
| Bà Vũ Thị Tố Nga | 1.144.848.068 | 1.093.611.498 |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích | 1.131.266.021 | 1.086.082.965 |
| Ông Nguyễn Bá Phước | 1.027.097.001 | 861.796.534 |
| Ông Vũ Chí Cường | 494.504.480 | 1.036.773.328 |
| Ông Phạm Ngọc Khuê | 403.792.747 | - |
| | 9.208.523.646 | 8.680.560.415 |
| Ban Tổng giám đốc/ Kế toán trưởng | | |
| Ông Lê Như Linh (*) | (*) | (*) |
| Ông Phan Ngọc Hiến | 1.166.836.482 | 1.126.308.204 |
| Ông Nguyễn Duy Giang | 1.139.437.912 | 1.097.286.269 |
| Ông Nguyễn Kiên | 1.136.324.243 | 1.096.598.696 |
| Ông Trương Việt Phương | 1.112.004.776 | 820.171.570 |
| Ông Ngô Văn Chiến | 1.042.413.214 | 970.393.415 |
| Ông Nguyễn Minh Đạo | 824.286.583 | 1.089.438.718 |
| Ông Chu Quang Toán | 1.142.106.732 | 1.097.829.495 |
| | 7.563.409.942 | 7.297.966.367 |
| Ban Kiểm soát | | |
| Ông Phạm Minh Đức | 1.162.642.074 | 995.941.946 |
| Bà Hà Thị Minh Nguyệt | 1.062.235.758 | 1.039.786.206 |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Hương | 1.054.691.831 | 963.500.559 |
| Bà Vũ Thị Ngọc Dung | 1.048.236.996 | 1.011.493.213 |
| Bà Đoàn Thị Thu Hà (miễn nhiệm từ ngày 22 tháng 4 năm 2025) | 408.718.094 | 894.716.077 |
| | 4.736.524.753 | 4.905.438.001 |

(*) Trình bày tại phần thu nhập của Hội đồng Quản trị do có sự miễn nhiệm về chức vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|-------------------|-------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 1.294.681.705.162 | 2.012.036.278.824 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam | 1.294.681.705.162 | 2.012.036.278.824 |
| Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn | 245.000.000.000 | - |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam | 245.000.000.000 | - |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 7.7702.586.657 | 5.994.604.274 |
| Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau | 42.084.353.644 | 1.845.361 |
| Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam | 29.943.406.509 | 281.880.000 |
| Trường Cao đẳng Dầu khí | 4.563.397.000 | 4.563.397.000 |
| Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam | 1.111.335.085 | 1.111.335.085 |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP | 84.419 | 140.828 |
| Viện Dầu khí Việt Nam | - | 36.000.000 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 9.336.962.218 | 7.898.317.471 |
| Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam - CTCP | 7.045.317.471 | 7.045.317.471 |
| Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP | 2.291.844.747 | 619.000.000 |
| Viện Dầu khí Việt Nam | - | 204.000.000 |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP | - | 30.000.000 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 243.701.778.799 | 755.627.861.626 |
| Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam | 218.489.976.676 | 218.489.976.676 |
| Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch | 14.723.619.723 | 14.723.619.723 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam | 9.621.090.567 | 9.398.281.076 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí | 845.101.105 | 845.101.105 |
| Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau | 21.790.728 | - |
| Tổng Công ty Bảo hiểm PVI | - | 512.170.683.046 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|--------------------|--------------------|
| Phải trả người bán ngắn hạn | 10.820.385.206.575 | 11.856.159.167.500 |
| Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam | 6.076.675.097.143 | 9.134.847.555.451 |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP | 4.690.622.795.164 | 2.691.062.827.548 |
| Tổng Công ty Bảo hiểm PVI | 24.303.652.308 | 24.299.048.782 |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP | 17.345.050.065 | 274.345.890 |
| Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP | 5.603.216.036 | 607.010.497 |
| Viện Dầu khí Việt Nam | 1.584.364.334 | 210.176.370 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam | 1.432.955.899 | 1.278.733.595 |
| Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC | 1.204.462.980 | - |
| Tổng Công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí | 633.008.580 | 3.468.370.482 |
| Trường Đại học Dầu khí Việt Nam | 387.243.000 | - |
| Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP | 280.899.869 | 111.098.885 |
| Trường Cao đẳng Dầu khí | 188.737.450 | - |
| Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau | 123.723.747 | - |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 1.035.959.620 | 85.947.238.684 |
| Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam | 1.035.959.620 | - |
| Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau | - | 85.947.238.684 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 1.652.796.264.596 | 1.261.549.391.194 |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP | 1.619.903.364.331 | 1.224.032.786.438 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam | 25.812.998.740 | 34.543.363.837 |
| Tổng Công ty Bảo hiểm PVI | 6.894.901.525 | - |
| Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam | 185.000.000 | 2.727.109.468 |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP | - | 248.131.451 |
| Phải trả khác ngắn hạn | 947.432.402.811 | 1.353.225.245.305 |
| Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam | 946.664.129.079 | 1.352.466.971.573 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí | 768.273.732 | 768.273.732 |
| Vay dài hạn | 881.808.141.472 | 1.108.933.036.144 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam | 881.808.141.472 | 1.108.933.036.144 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

39. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Tổng công ty thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu trong tháng 01 và tháng 02 năm 2026 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 73/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 9 năm 2025 và Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 451/GCN-UBCK ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 04 tháng 02 năm 2026, Tổng công ty nhận được Công văn số 1126/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng. Ngày 25 tháng 02 năm 2026, Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102276173 sửa đổi lần thứ 20, theo đó, vốn điều lệ của Tổng công ty được điều chỉnh thành 30.678.456.880.000 VND (tương ứng với 3.067.845.688 cổ phần).

Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Người lập

Chu Quang Toán
Kế toán trưởng



Lô Như Linh
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2026



CÔNG NGHỆ LỢI NHUẬN TƯƠNG LAI

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

A: Tòa nhà Văn phòng Dầu Khí Việt Nam, 157 Trưng King, Thanh Xuân, Hà Nội
T: (024) 2210288 | F: (024) 2210388